



EVNGENCO 3

**LINH HOẠT
& BẢN LĨNH**

2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TCT	: Tổng Công ty, EVNGENCO 3, GENCO 3	NSLĐ	: Năng suất lao động
CTCP	: Công ty Cổ phần	ĐT-XĐ	: Đầu tư - Xây dựng
TNNH MTV	: Trách nhiệm hữu hạn một thành viên	SXKD	: Sản xuất kinh doanh
CBCNV	: Cán bộ Công nhân viên	CNVCLĐ	: Công nhân viên chức lao động
CNĐKDN	: Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	ATVSLĐ	: An toàn vệ sinh lao động
CPNĐ	: Cổ phần Nhiệt điện	QLVH	: Quản lý vận hành
CTTĐ	: Công ty Thủy điện	CLTG	: Chênh lệch tỷ giá
KD - TTĐ	: Kinh doanh - Thị trường điện	LN	: Lợi nhuận
CPĐT PTĐ	: Cổ phần Đầu tư Phát triển điện	LNST	: Lợi nhuận trước thuế
CTCP ĐT	: Công ty Cổ phần Đầu tư	LNST	: Lợi nhuận sau thuế
CTCP ĐT&PT	: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển	HĐKD	: Hoạt động kinh doanh
TTĐL	: Trung tâm điện lực	DTT	: Doanh thu thuần
QTKD	: Quản trị kinh doanh	QCQLNB	: Quy chế quản lý nội bộ
HĐQT	: Hội đồng Quản trị	HTPT	: Hạch toán phụ thuộc
TGD	: Tổng giám đốc	SCL	: Sửa chữa lớn
QLDA	: Quản lý Dự án	SLĐ	: Sản lượng điện
CP	: Cổ phần	NĐT	: Nhà đầu tư
ĐMT	: Điện mặt trời	VCSH	: Vốn chủ sở hữu
CPH	: Cổ phần hóa	BVMT	: Bảo vệ môi trường
TN-MT	: Tài nguyên - Môi trường	PTNNL	: Phát triển nguồn nhân lực
KTKT	: Kinh tế kỹ thuật		
DVSC	: Dịch vụ sửa chữa		
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng Cổ đông		
NMNĐ	: Nhà máy nhiệt điện		
NMTĐ	: Nhà máy thủy điện		
NMĐ	: Nhà máy điện		
HĐTV	: Hội đồng thành viên		
NLĐ	: Người lao động		

Nội dung

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
EVNGENCO 3 NĂM 2020



PGV NĂM 2020

- 04 Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi
- 06 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
- 10 Những con số nổi bật năm 2020
- 12 Hành trình phát triển
- 14 Về chúng tôi
- 16 Thành tựu và đối tác

SỨC MẠNH BỀN VỮNG

- 20 **Nhà máy điện - Trái tim PGV**
Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ
Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân
Công ty Nhiệt điện Mông Dương
Công ty Thủy điện Buôn Kuốp
Công ty Dịch vụ Sửa chữa các nhà máy điện EVNGENCO 3
Các Ban Quản lý dự án
Các công ty con, liên doanh liên kết
- 32 **Con người - Tương lai của PGV**
Văn hóa tại PGV
Sơ đồ tổ chức
Giới thiệu Hội đồng Quản trị
Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc
Giới thiệu Ban Kiểm soát

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH NĂM 2020
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021

- 48 Báo cáo hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- 50 **Tình hình kinh tế vĩ mô năm 2020**
Tình hình vĩ mô Thế giới và Việt Nam
Thông tin ngành điện năm 2020
- 54 **Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020**
Công tác sản xuất điện
Công tác đảm bảo nhiên liệu cho sản xuất
Đảm bảo công tác sửa chữa lớn
Công tác thị trường điện
Tình hình tài chính
Tình hình thực hiện các dự án, nghiên cứu đầu tư
Thông tin cổ phiếu và quan hệ cổ đông
- 66 **Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021**

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 72 Mô hình Quản trị Tổng Công ty
- 78 Quản trị rủi ro

BÁO CÁO
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 88 Mô hình quản trị bền vững
- 90 Tầm nhìn bền vững
Phát triển nhân sự bền vững
Môi trường và Xã hội
Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về các mục tiêu tăng trưởng bền vững

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT

- 104 Thông tin về doanh nghiệp
- 106 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 108 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 110 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 111 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 113 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

TẦM NHÌN - SỨ MỆNH

GIÁ TRỊ CỐT LÕI



TẦM NHÌN

Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP là một trong những Đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực năng lượng, đầu tư phát triển nguồn điện tại Việt Nam và khu vực.



EVNGENCO 3

Đảm bảo sản xuất điện an toàn, liên tục, kinh tế; đầu tư nguồn điện hiệu quả - góp phần giữ vững an ninh năng lượng của Hệ thống điện Quốc gia.



SỨ MỆNH



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Hướng đến mục tiêu vì sự phát triển bền vững, EVNGENCO 3 luôn lấy hệ thống giá trị cốt lõi làm kim chỉ nam, là chuẩn mực cho mọi hoạt động của Tổng Công ty.



CHẤT LƯỢNG - TÍN NHIỆM

Nền tảng cho mọi hoạt động của tất cả các thành viên trong EVNGENCO 3, xây dựng niềm tin đối với xã hội bằng chất lượng sản phẩm và dịch vụ, sự trung thực và tinh thần trách nhiệm trong hành động. EVNGENCO 3 tin tưởng rằng bằng những cam kết nêu trên sẽ mang lại sự hài lòng và sự tín nhiệm của khách hàng và đối tác.



TẬN TÂM - TRÍ TUỆ

Nền tảng cho mọi hoạt động của tất cả các thành viên trong EVNGENCO 3, xây dựng niềm tin đối với xã hội bằng chất lượng sản phẩm và dịch vụ, sự trung thực và tinh thần trách nhiệm trong hành động. EVNGENCO 3 tin tưởng rằng bằng những cam kết nêu trên sẽ mang lại sự hài lòng và sự tín nhiệm của khách hàng và đối tác.



HỢP TÁC - CHIA SẺ

là tinh thần chủ đạo mà EVNGENCO 3 mong muốn đạt được. EVNGENCO 3 tin tưởng rằng bằng sự hợp tác một cách hài hòa, trung thực, công bằng, với ý thức sẵn sàng chia sẻ và gắn bó khăng khít giữa tất cả mọi thành viên, chúng ta mới có thể cùng nhau hành động, cùng nhau phát triển và cùng nhau tiến bộ, vì sự thành công của EVNGENCO 3 của EVN và các đối tác của EVNGENCO 3.



SÁNG TẠO - HIỆU QUẢ

là đòn bẩy cho sự phát triển, vì vậy EVNGENCO 3 luôn phấn đấu để mọi thành viên có được một môi trường thuận lợi cho việc phát huy sức sáng tạo, làm chủ kỹ thuật công nghệ hiện đại, vận dụng những phương pháp quản lý tiến tiến, cùng với sức mạnh của sự đoàn kết toàn EVNGENCO 3 sẽ mang hiệu quả cao nhất giúp EVNGENCO 3 hoàn thành tốt Sứ mệnh và đạt được mục tiêu đề ra.

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông ĐINH QUỐC LÂM - Chủ tịch HĐQT

⚡ Đối diện với những khó khăn, thách thức như vậy, PGV vẫn vững vàng vượt qua với sự đồng lòng trong toàn Tổng Công ty và quản trị linh hoạt của Ban Lãnh đạo bằng việc tối ưu thời gian, chi phí sửa chữa lớn, vận hành các tổ máy đạt hiệu suất cao nhất, thực hiện đồng bộ các giải pháp giảm suất hao nhiệt điện than và chào giá thị trường điện hiệu quả, qua đó PGV đã đạt được những kết quả rất đáng tự hào.



TỔNG DOANH THU HỢP NHẤT

40.820
TỶ ĐỒNG

Kính gửi Quý vị cổ đông, Đối tác của TCT Phát Điện 3 - CTCP,

Ngành công nghiệp năng lượng vẫn đang trong giai đoạn chuyển đổi và phải đối mặt với nhiều thách thức.

C húng ta cần nguồn năng lượng ổn định, tin cậy để đáp ứng cho quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa của đất nước. Bên cạnh đó chúng ta cần quan tâm đến môi trường đảm bảo giảm thiểu tối đa các tác động của môi trường trong quá trình đầu tư xây dựng, sản xuất các nguồn năng lượng. Với sự thúc đẩy bởi các cơ chế, chính sách hỗ trợ của Chính phủ, hiện nay nguồn năng lượng tái tạo tại Việt Nam đã chiếm khoảng 25% tổng công suất nguồn lắp đặt trên toàn hệ thống điện Quốc gia.

Năm 2020, nền kinh tế thế giới bị cuốn vào vòng xoáy bất định vì cuộc khủng hoảng của đại dịch Covid - 19 khiến triển vọng phục hồi kinh tế ảm đạm. Thế giới đã trải qua đợt suy giảm kinh tế chưa từng có do tác động của đại dịch Covid - 19, nhiều quốc gia đã ghi nhận mức tăng trưởng âm trong năm nay. Tại Việt Nam, chúng ta đã kiểm soát tốt dịch Covid và là một trong số ít quốc gia trên thế giới ghi nhận tăng trưởng dương nhưng đây cũng là năm kinh tế kém tích cực kể từ thời kỳ đổi mới, khi GDP tăng trưởng từ 7% xuống còn 2,91%.

Trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước vẫn còn biến động khó lường, EVNGENCO 3 phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức như: i) đảm bảo các hoạt động kinh doanh ổn định và có lợi nhuận; ii) cải thiện và nâng cao năng lực tài chính và năng lực cạnh tranh; iii) chủ động và đa dạng nguồn cung ứng nhiên liệu; iv) đảm bảo các Nhà máy điện trong Tổng Công ty vận hành ổn định và tin cậy, đáp ứng các quy định về môi trường; v) đảm bảo việc làm và thu nhập cho cán bộ công nhân viên trong toàn Tổng Công ty; Hoàn thành các chỉ tiêu theo kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao.

Đối diện với những khó khăn, thách thức như vậy, PGV vẫn vững vàng vượt qua với sự đồng lòng trong toàn Tổng Công ty và quản trị linh hoạt của Ban Lãnh

đạo bằng việc tối ưu thời gian, chi phí sửa chữa lớn, vận hành các tổ máy đạt hiệu suất cao nhất, thực hiện đồng bộ các giải pháp giảm suất hao nhiệt điện than và chào giá thị trường điện hiệu quả, qua đó PGV đã đạt được những kết quả rất đáng tự hào.

Sản lượng điện sản xuất toàn EVNGENCO 3 đạt 33,254 tỷ kwh, chiếm 13,57% sản lượng điện trên toàn hệ thống điện Quốc gia (245,009 tỷ kwh). Tổng doanh thu hợp nhất của EVNGENCO 3 đạt 40.820 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 1.815 tỷ đồng tăng trưởng 161% so với năm 2019. Cổ tức cho cổ đông ở mức 10% (tăng gấp 2 lần so với KH được ĐHCĐ thường niên năm 2020 thông qua).

Năm 2020 cũng là thời điểm khép lại chiến lược phát triển 5 năm trong giai đoạn 2016 - 2020. Chúng tôi xin tổng kết lại những điểm nổi bật của chặng đường này:

- Điểm nổi bật nhất trong chặng đường này là việc hoàn thành IPO Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP và chính thức đăng ký giao dịch trên sàn UpCoM từ ngày 21/3/2018. Từ đó đến nay, PGV đang ngày càng được các nhà đầu tư quan tâm hơn.
- Tổng sản lượng điện phát lên hệ thống điện Quốc gia trung bình khoảng 31 tỷ kWh, chiếm 14% tổng sản lượng Quốc gia và đứng vị trí thứ 1 trong số các doanh nghiệp phát điện niêm yết trên sàn chứng khoán.
- Tăng trưởng tổng doanh thu từ 36.410 tỷ đồng năm 2016 lên 40.820 tỷ đồng năm 2020. Tăng trưởng lợi nhuận trước thuế từ năm 2016 là 305 tỷ đồng đến năm 2020 là 2.292 tỷ đồng.
- Tỷ lệ nợ/ vốn chủ sở hữu đã giảm từ 8,81 lần năm 2016 xuống còn 3,87 lần năm 2020.

THÔNG DIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông **LÊ VĂN DANH** - Tổng Giám đốc

⚡ Chúng tôi sẽ tiếp tục duy trì văn hóa doanh nghiệp dựa trên những nền tảng cốt lõi của EVNGENCO 3, tiếp tục thu hút tuyển dụng nhân tài, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, không ngừng nâng cao hiệu suất lao động, giảm chi phí trong quá trình sản xuất nguồn năng lượng sạch thân thiện với môi trường.



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ HỢP NHẤT

2.292

TỶ ĐỒNG

- Đa dạng nguồn phát điện để phát huy tối đa lợi thế cạnh tranh trên thị trường điện: Bắt đầu từ cụm nhà máy nhiệt điện khí Phú Mỹ, chúng tôi đã đưa vào vận hành thương mại cụm các nhà máy thủy điện Buôn Kuốp, Buôn Tua Srah, Srêpôk 3, nhà máy Nhiệt điện than Vĩnh Tân 2, Nhà máy Nhiệt điện than Mông Dương 1 và nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Tân 2.
- Chủ động nguồn cung ứng nhiên liệu cung cấp cho các nhà máy nhiệt điện than: Từ năm 2019 chúng tôi tiến hành nhập khẩu than phục vụ cho NMNĐ Vĩnh tân 2 với khối lượng khoảng 1,4 triệu tấn đáp ứng gần 40% nhu cầu tiêu thụ của nhà máy trong bối cảnh nguồn cung cấp than trong nước ngày càng cạn kiệt.
- Những đổi mới sáng kiến trong việc sửa chữa lớn nhằm tiết giảm chi phí, đạt hiệu quả cao hơn trong quá trình sản xuất của nhà máy điện cũng như cung cấp dịch vụ sửa chữa cho các đối tác, khách hàng.
- Triển khai đầu tư dự án Trung tâm điện lực Long Sơn sử dụng khí LNG nhập khẩu;
- Triển khai đầu tư, hợp tác đầu tư các nguồn điện năng lượng tái tạo như: nhiệt Điện mặt trời, điện gió, thủy điện nhỏ....
- Triển khai các kế hoạch đảm bảo các tiêu chuẩn môi trường, đời sống an sinh xã hội các cộng đồng dân cư khu vực quanh nhà máy;
- Đẩy mạnh nghiên cứu áp dụng các giải pháp kỹ thuật, ứng dụng công nghệ 4.0 vào hoạt động sản xuất kinh doanh, sửa chữa các nhà máy điện, tối ưu năng suất hiệu quả vận hành;
- Triển khai kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và điều hành: các chuyên đề chuyển đổi số, mở rộng kho dữ liệu tập trung và báo cáo quản trị BI, ứng dụng phần mềm ISO điện tử để quản lý công tác ISO 27001 tại cơ quan Tổng Công ty và các đơn vị trực thuộc.

Những kết quả trên của chúng tôi cho thấy chiến lược đúng đắn trong việc phát triển năng lượng bền vững, đa dạng và sự nỗ lực, đoàn kết của toàn thể CB-CNV trong thời gian vừa qua. Chúng tôi sẽ tiếp tục duy trì văn hóa doanh nghiệp dựa trên những nền tảng cốt lõi của EVNGENCO 3, tiếp tục thu hút tuyển dụng nhân tài, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, không ngừng nâng cao hiệu suất lao động, giảm chi phí trong quá trình sản xuất nguồn năng lượng sạch thân thiện với môi trường.

Bước sang giai đoạn 5 năm 2021 - 2025 tiếp theo, chúng tôi đặt ra các mục tiêu đưa EVNGENCO 3 phát triển mạnh mẽ hơn nữa, trở thành doanh nghiệp sản xuất điện tử năng lượng sạch hàng đầu Việt Nam:

- Tiếp tục triển khai các kế hoạch nhằm chủ động đảm bảo cung ứng nguồn nguyên, nhiên liệu đảm bảo hoạt động sản xuất của nhà máy điện.
- Đẩy mạnh công tác sửa chữa bảo trì tập trung vào độ tin cậy (RCM) trong tình hình mới, đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và vận hành tin cậy của các tổ máy.
- Tăng cường công tác quản lý và ứng dụng các giải pháp kỹ thuật để ngày càng nâng cao hiệu quả vận hành, tiết giảm chi phí sản xuất.Đảm bảo vận hành ổn định, tin cậy và kinh tế các nhà máy điện.

Hành trình phía trước của Tổng Công ty Phát Điện 3 - CTCP sẽ vẫn tiếp tục đối mặt với những thách thức và cơ hội từ môi trường bên ngoài cũng như nội tại của doanh nghiệp. Chúng tôi tiếp tục giữ vững niềm tin vào những giá trị bền vững mà Tổng Công ty đang theo đuổi và vững tin với những mục tiêu đó.

Một lần nữa, kính gửi đến Quý cổ đông, đối tác của PGV lời cảm ơn chân thành vì sự lựa chọn đồng hành của Quý vị trong hành trình phát triển của PGV và sự ủng hộ của Quý vị đối với sứ mệnh của chúng tôi đó là tạo ra nguồn năng lượng sạch, cải thiện chất lượng môi trường đồng thời mang lại lợi nhuận cho Quý vị cổ đông.

Trân trọng cảm ơn./

ĐINH QUỐC LÂM
Chủ tịch HĐQT

LÊ VĂN DANH
Tổng Giám đốc

NHỮNG CON SỐ NỔI BẬT NĂM 2020



SẢN LƯỢNG ĐIỆN
SẢN XUẤT NĂM 2020
(TRIỆU KWH)

33.254

ĐÓNG GÓP 13,57% TỔNG SẢN LƯỢNG
ĐIỆN QUỐC GIA



Ngày 02/11/2020, Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ đã trở thành đơn vị phát điện đầu tiên ở Việt Nam phát lên Hệ thống điện Quốc gia sản lượng điện thứ:

300 TỶ KWH

một cột mốc sản lượng điện cao nhất từ trước đến nay.



TỔNG TÀI SẢN
(TỶ ĐỒNG)

72.899



TỔNG DOANH THU
HỢP NHẤT
(TỶ ĐỒNG)

40.820



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
HỢP NHẤT (TỶ ĐỒNG)

2.292



VỐN CHỦ SỞ HỮU
(TỶ ĐỒNG)

14.963



VỐN ĐIỀU LỆ
(TỶ ĐỒNG)

10.699



TỶ LỆ CỔ TỨC
(%)

10%



TỔNG SỐ NHÂN VIÊN
(NGƯỜI)

2.778



TÀI TRỢ CÁC CHƯƠNG
TRÌNH AN SINH XÃ HỘI
(TỶ ĐỒNG)

7,6

HÀNH TRÌNH PHÁT TRIỂN

1996-2002

Khởi công xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 2.1 - Nhà máy đầu tiên trong cụm các nhà máy điện Phú Mỹ. Sau đó xây dựng các Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 2.1 MR, Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 1 và Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 4.

2004

Hoàn thành vận hành thương mại toàn bộ cụm các nhà máy Phú Mỹ.

2007

Vận hành hệ thống nâng công suất Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 2.1 và Phú Mỹ 2.1 MR

2009-2010

Vận hành thương mại các nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp, Buôn Tua Srah, Srêpôk 3.

2012

Chính thức thành lập Tổng Công ty Phát điện 3 (EVNGENCO 3) theo Quyết định số 3025/QĐ-BCT ngày 01/06/2012 của Bộ Công Thương. Tổng Công ty chính thức hoạt động từ 01/01/2013.

2014

Thành lập Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE - PMTP

2013

Thành lập Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân

2015

Thành lập Công ty Nhiệt điện Mông Dương kiêm Ban QLDA Nhiệt điện 1; Công ty Dịch vụ Sửa chữa các Nhà máy điện EVNGENCO 3.

2016

Thành lập Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ

2018

Tổng Công ty chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình CTCP; Thực hiện IPO và đăng ký giao dịch cổ phiếu PGV của Tổng Công ty Phát điện 3- CTCP trên UPCOM vào ngày 21/3/2018

2019

Chuyển trụ sở Tổng Công ty từ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đến Thành phố Hồ Chí Minh.

2020

Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt bổ sung dự án TTĐL Long Sơn vào Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia (Quy hoạch Điện VII điều chỉnh) giai đoạn 1 với công suất 1.200 ÷ 1.500MW.

VỀ CHÚNG TÔI

THÔNG TIN VỀ TỔNG CÔNG TY

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Sản xuất và kinh doanh điện năng: Tổng công suất lắp đặt thuộc top 3 trong hệ thống điện quốc gia.

EVNGENCO 3 là nhà sản xuất điện quy mô lớn của Việt Nam với tổng công suất đến ngày 31/12/2020 xấp xỉ 6.340 MW với nhiều loại hình phát điện (Nhiệt điện khí, Nhiệt điện than, Thủy điện, Điện mặt trời).

Sản lượng điện bình quân hằng năm của công ty mẹ giai đoạn 2016 -2020 giữ ổn định ở mức khoảng 31 tỷ kWh.

Khởi đầu từ cụm các Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ, sau hơn 20 năm hình thành và phát triển, EVNGENCO 3 hôm nay đang vận hành các nhà máy điện công suất lớn khác trong Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân, Mông Dương và cụm 03 nhà máy thủy điện công suất 586 MW khai thác dòng sông Sêrêpôk.

Cơ cấu nguồn điện EVNGENCO 3: Nhiệt điện khí: 46% - 2.929 MW; Nhiệt điện than: 38% - 2.424MW; Thủy điện: 15% - 950MW; Điện mặt trời: 1% - 42,65 MWp

QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tổng Công suất các dự án đã tư vấn quản lý

5.000
MW

EVNGENCO 3 có nhiều kinh nghiệm và năng lực trong công tác quản lý, đầu tư xây dựng các dự án NĐT và Trung tâm Điện lực công suất lớn. Các dự án đưa vào vận hành thương mại trong giai đoạn 2013 -2020: Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2, Mông Dương 1, Vĩnh Tân 4 và Vĩnh Tân 4 mở rộng, Thái Bình, Thủy điện Bản Chát, Cơ sở hạ tầng các Trung tâm Điện lực: Vĩnh Tân, Mông Dương, Thái Bình, Điện mặt trời Vĩnh Tân 2.

Bên cạnh nhiệm vụ chính là quản lý, đầu tư xây dựng, EVNGENCO 3 còn triển khai công tác chuẩn bị sản xuất cho các dự án nguồn điện đảm bảo tiếp quản vận hành sau khi nhận bàn giao từ các nhà thầu EPC

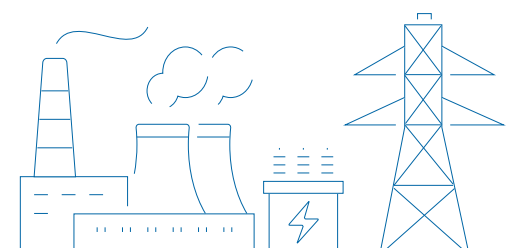
Ngoài hiệu quả kinh tế, các dự án EVNGENCO 3 quản lý phải đảm bảo về an sinh xã hội nhằm ổn định, giảm thiểu ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất của người dân địa phương, góp phần bảo vệ an ninh trật tự tại khu vực.



DỊCH VỤ SỬA CHỮA CÁC NHÀ MÁY ĐIỆN

Cung cấp các gói dịch vụ sửa chữa chất lượng cao cho các Nhà máy điện. Bao gồm các hoạt động bảo trì, bảo dưỡng sửa chữa cho các tổ máy tuabin khí, tuabin hơi lò hơi, lò thu hồi nhiệt; máy phát điện và các thiết bị trong nhà máy nhiệt điện và các nhà máy công nghiệp

Ngoài ra còn cung cấp các dịch vụ: Đào tạo vận hành, sửa chữa nhà máy điện; Vận hành thuê nhà máy điện; Phục hồi, gia công chế tạo. Tư vấn, thiết kế, lắp đặt các công trình điện và công nghiệp: nhà máy điện, trạm điện.



EVNGENCO 3

Tên đầy đủ: Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP

Tên tiếng Anh: Power Generation Joint Stock Corporation 3

Tên viết tắt: EVNGENCO 3

Mã chứng khoán: PGV (Power Generation of VietNam)

Đăng ký giao dịch tại: UPCOM

Giấy CNĐKDN: Số 3502208399, đăng ký lần đầu ngày 26/11/2012; sửa đổi lần 8 ngày 09/3/2021 tại Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ: 10.699.695.770.000 đồng

Bằng chữ: Mười nghìn sáu trăm chín mươi chín tỷ sáu trăm chín mươi lăm triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng

Trụ sở chính: số 60 -66 Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam.

Điện thoại: (84.28) 3636 7449

Fax: (84.28) 3636 7450

Email: genco3@genco3.evn.vn

Website: http://www.genco3.com

THÀNH TỰU VÀ ĐỐI TÁC



THÀNH TỰU

Cờ thi đua của CHÍNH PHỦ
VỀ VIỆC HOÀN THÀNH XUẤT SẮC, TOÀN DIỆN
NHIỆM VỤ CÔNG TÁC, DẪN ĐẦU PHONG TRÀO
THI ĐUA YÊU NƯỚC CỦA NGÀNH ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
HAI NĂM LIÊN TIẾP 2013-2014.

Cờ thi đua của BỘ CÔNG THƯƠNG
NĂM 2016 VỀ VIỆC HOÀN THÀNH XUẤT SẮC,
TOÀN DIỆN NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2016.

Cờ thi đua của TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
CHO THÀNH TÍCH HOÀN THÀNH XUẤT SẮC NHIỆM VỤ CÔNG
TÁC NĂM 2017 VÀ NĂM 2019

**Cờ thi đua của ỦY BAN QUẢN LÝ
VỐN NHÀ NƯỚC** NĂM 2020

VÀ NHIỀU BẰNG KHEN CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG
TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM TRAO CHO CÁC TẬP
THỂ, CÁ NHÂN XUẤT SẮC VÌ ĐÃ CÓ NHIỀU CỐNG HIẾN
CHO SỰ NGHIỆP PHÁT TRIỂN CỦA TỔNG CÔNG TY NÓI
RIÊNG VÀ NGÀNH ĐIỆN NÓI CHUNG.



ĐỐI TÁC

EVNGENCO3 ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN HỢP TÁC VỚI NHIỀU ĐỐI TÁC TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC
NHẪM ĐẢO BẢO NGUỒN NHIÊN LIỆU, NÂNG CAO NĂNG LỰC SỬA CHỮA VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN
THEO NGUYÊN TẮC ĐÔI BÊN CÙNG CÓ LỢI.

ĐỐI TÁC HỢP TÁC SỬA CHỮA



SIEMENS



Marubeni

DOOSAN

ABB

ĐỐI TÁC ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN



Marubeni

Mitsubishi Corporation

ĐỐI TÁC CUNG CẤP NHIÊN LIỆU





⚡ Khởi đầu từ cụm nhà máy nhiệt điện khí Phú Mỹ, sau hơn 20 năm phát triển, EVNGENCO 3 chủ động mở rộng và đa dạng hóa nguồn năng lượng, cung cấp 13,57% sản lượng điện toàn quốc không chỉ đảm bảo sứ mệnh về an ninh năng lượng quốc gia mà còn góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển.

SỨC MẠNH BỀN VỮNG

20 Nhà máy điện - Trái tim PGV
22 Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ
24 Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân
26 Công ty Nhiệt điện Mông Dương
27 Công ty Thủy điện Buôn Kuốp
28 Công ty Dịch vụ Sửa chữa các nhà máy điện EVNGENCO 3

29 Các Ban Quản lý dự án
30 Các công ty con, liên doanh liên kết
32 Con người - Tương lai của PGV
34 Văn hóa tại PGV
38 Sơ đồ tổ chức
40 Giới thiệu HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

NHÀ MÁY ĐIỆN TRÁI TIM PGV

⚡ Các nhà máy điện đang ngày đêm vận hành, chuyển hóa các nguồn năng lượng khác nhau thành điện năng phục vụ cho nhu cầu sản xuất sinh hoạt của người dân trên khắp mọi miền đất nước. Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP với định hướng phát triển trở thành doanh nghiệp sản xuất điện từ các nguồn năng lượng sạch, đa dạng góp phần đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia. Các nhà máy điện là tài sản mà chúng tôi đã tạo nên bằng nỗ lực, kỹ thuật chuyên môn cao của đội ngũ nhân sự của EVNGENCO 3. Các nhà máy điện với công nghệ hiện đại, tiên tiến đảm bảo hiệu suất hoạt động cũng như đảm bảo an toàn cho người lao động và môi trường xung quanh.

EVNGENCO 3 hiện tại có 8 đơn vị hạch toán phụ thuộc, 2 công ty con và 6 đơn vị liên doanh, liên kết. Tổng công suất lắp đặt 6.340 MW chiếm 10,9% tổng công suất trên hệ thống điện cả nước (tại ngày 31/12/2020)

CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN PHÚ MỸ

TỔNG CÔNG SUẤT



2.540 MW

CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN VĨNH TÂN

TỔNG CÔNG SUẤT



1.279 MW

CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN MÔNG DƯƠNG

TỔNG CÔNG SUẤT



1.080 MW

CÔNG TY THỦY ĐIỆN BUỒN KUỐP

TỔNG CÔNG SUẤT



586 MW



NHÀ MÁY ĐIỆN - TRÁI TIM PGV (tiếp theo)



CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN PHÚ MỸ

CHI NHÁNH EVNGENCO 3

TỔNG CÔNG SUẤT



2.540 MW

Địa chỉ: Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Hoạt động: Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ đang quản lý và vận hành 4 nhà máy nhiệt điện được xây dựng và đưa vào vận hành chính thức từ năm 1998 - 2004 tại Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Các nhà máy sử dụng công nghệ Turbine khí chu trình hỗn hợp công nghệ hiện đại, nhiên liệu sử dụng chính là nguồn khí tự nhiên từ các mỏ Nam Côn Sơn, Hải Thạch - Mông Tỉnh, Thiên Ưng - Đại Hùng, Sao Vàng - Đại Nguyện.

Với tổng công suất 2.540 MW, Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ đóng góp 46% vào tổng sản lượng điện sản xuất của Tổng Công ty. Đặc biệt tính đến cuối năm 2020 tổng sản lượng điện Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ phát lên hệ thống điện Quốc gia đạt 300 tỷ KWh, đây là nhà máy điện đầu tiên của Việt Nam đạt con số sản lượng này.

Cụ thể các nhà máy điện thuộc Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ bao gồm:

1. NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN PHÚ MỸ 1

CÔNG SUẤT
1.090 MW

Là nhà máy có công suất lớn nhất trong các nhà máy điện của Cty Nhiệt điện Phú Mỹ với công suất 1.090 MW, được đưa vào vận hành thương mại năm 2002. Sử dụng công nghệ và thiết bị của Mitsubishi Heavy Industries Group (Nhật Bản) cấu hình 3 -3 -1, Tuabin khí loại M701F.

2. NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN PHÚ MỸ 2.1

CÔNG SUẤT
450 MW

Sử dụng công nghệ và thiết bị của Alstom (Thụy Sĩ) nay là GE, cấu hình 2-2-1, được đưa vào vận hành thương mại chu trình đơn vào năm 1997 và chu trình hỗn hợp vào năm 2003 với công suất lắp đặt 450 MW, đến năm 2016, Tuabin khí đã được nâng cấp lên loại GT13E2 MXL2, nâng tổng công suất nhà máy lên 478 MW. Và đây cũng là nhà máy đầu tiên của Cty Nhiệt Điện Phú Mỹ dự kiến hết khấu hao vào năm 2023.

3. NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN PHÚ MỸ 2.1 mở rộng

CÔNG SUẤT
440 MW

Sử dụng công nghệ và thiết bị của Siemens (Đức) cấu hình 2-2-1, Tuabin khí loại V94.2, được đưa vào vận hành thương mại chu trình đơn vào năm 1999 và chu trình hỗn hợp vào năm 2006 với công suất lắp đặt 440 MW.

4. NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN PHÚ MỸ 4

CÔNG SUẤT
478 MW

Sử dụng công nghệ và thiết bị của Alstom (Thụy Sĩ) Nay là GE, cấu hình 2-2-1, hoàn tất đưa vào vận hành thương mại năm 2004 với công suất lắp đặt 450 MW., đến năm 2015 Tuabin khí đã được nâng cấp lên loại GT13E2 MXL2, nâng tổng công suất nhà máy lên 478 MW



NHÀ MÁY ĐIỆN - TRÁI TIM PGV (tiếp theo)

CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN VĨNH TÂN

CHI NHÁNH EVNGENCO 3



TỔNG CÔNG SUẤT

1.279 MW

Địa chỉ: Xã Vĩnh Tân, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận

Hoạt động: Quản lý và vận hành Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 và Nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Tân 2 với tổng công suất 1.279 MW trong Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân, tỉnh Bình Thuận.



1.

NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN VĨNH TÂN 2

CÔNG SUẤT

2x622 MW

Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 được hoàn thành và đưa vào vận hành thương mại từ đầu năm 2015 với tổng công suất lắp đặt 2x622 MW. Nhà máy sử dụng nguyên liệu chính là than cám 6a.1 trong nước và than nhập khẩu. Tính đến năm 2020, NMNĐ Vĩnh Tân 2 đã phát lên hệ thống điện Quốc gia 40 tỷ KWh.

Hoạt động quản lý môi trường tại Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 đặc biệt được Tổng Công ty chú trọng. Đảm bảo quản lý và xử lý tro, xỉ được kiểm soát tốt, đảm bảo môi trường. Bãi xỉ các nhà máy đảm bảo ổn định, an toàn. Hoàn thành lắp đặt thiết bị quan trắc môi trường online, camera giám sát và truyền dữ liệu về Sở TN&MT địa phương. Tính đến năm 2020 tổng sản lượng tro xỉ đã tiêu thụ đạt 55% (đạt mục tiêu Tổng Công ty đề ra từ đầu năm). CTNĐ Vĩnh Tân tiếp tục đẩy mạnh thực hiện đề án để tiêu thụ tro xỉ thông qua các giải pháp như: Thực hiện dự án san lấp Hang Cò với khối lượng khoảng 400.000 tấn; khai thác tạm thời cảng dầu 1.000 tấn thuộc bến cảng NMNĐ Vĩnh Tân 2 tiếp nhận tàu vận chuyển tro xỉ, tìm kiếm và hợp tác với các đối tác có khả năng tiêu thụ tro, xỉ khối lượng lớn, ổn định và lâu dài



2.

NHÀ MÁY ĐIỆN MẶT TRỜI VĨNH TÂN 2

CÔNG SUẤT

42,65 MWP

Nhà máy ĐMT Vĩnh Tân 2 công suất lắp đặt 42,65 MWp được vận hành thương mại cuối tháng 6 năm 2019, đến nay đã phát lên lưới 81,97 triệu kWh góp phần đa dạng hóa loại hình phát điện của Tổng Công ty và tạo ra một hệ thống nguồn bổ sung và hỗ trợ nhau.

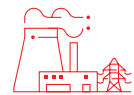




NHÀ MÁY ĐIỆN - TRÁI TIM PGV (tiếp theo)

CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN MÔNG DƯƠNG

TỔNG CÔNG SUẤT



1.080 MW

Địa chỉ: Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

Hoạt động: Công ty Nhiệt điện Mông Dương thành lập năm 2015 quản lý và vận hành Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1 với tổng công suất 1.080 MW trong Trung tâm Điện lực Mông Dương, tỉnh Quảng Ninh. Nguồn nhiên liệu Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương sử dụng là than cám 6a.1 và than nhập khẩu.

Với vị trí địa lý ở khu vực miền Bắc Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1 góp phần quan trọng trong việc đảm bảo an ninh năng lượng khu vực Bắc bộ.

Hoạt động quản lý môi trường tại CTNĐ Mông Dương được chú trọng, đảm bảo các tiêu chuẩn môi trường theo quy định của pháp luật. Năm 2020, cùng với các NMNĐ Vĩnh Tân 2, NMNĐ Mông Dương 1 đã hoàn thành lắp đặt bảng điện tử hiển thị số liệu quan trắc môi trường online để công khai, minh bạch hóa thông tin về công tác quản lý môi trường đến cộng đồng; đã được cấp giấy chứng nhận HTQL môi trường theo tiêu chuẩn TCVN ISO 14001:2015. Tính đến năm 2020, lượng tro xỉ tiêu thụ tại Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1 đạt 100%.



CÔNG TY THỦY ĐIỆN BUÔN KUỐP

Địa chỉ: Số 22 đường Mai Xuân Thưởng, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Hoạt động: Quản lý và vận hành 03 nhà máy Thủy điện với tổng công suất 586 MW trên lưu vực sông Srêpốk, khu vực Tây Nguyên:

1. NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN BUÔN KUỐP

CÔNG SUẤT

2x140 MW

Nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp vận hành thương mại năm 2009 với công suất 2x140 MW.

2. NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN BUÔN TUA SRAH

CÔNG SUẤT

2x43 MW

Nhà máy Thủy điện Buôn Tua Srah vận hành thương mại năm 2010 với công suất 2x43 MW.

3. NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN SRÊPỐK 3

CÔNG SUẤT

2x110 MW

Nhà máy Thủy điện Srêpốk 3 vận hành thương mại năm 2010 với công suất 2x110 MW.

Cụm Nhà máy Thủy điện thuộc Công ty Thủy điện Buôn Kuốp có công suất thuộc top 3 tổng công suất lắp đặt lớn nhất tại khu vực Miền Trung, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng điện ở khu vực miền Trung Tây Nguyên và khu vực Đông Nam Bộ. Đồng thời các Nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp còn đóng vai trò quan trọng trong hoạt động điều tiết lũ, hạn hán cho khu vực hạ lưu lưu vực sông Srêpốk.



NHÀ MÁY ĐIỆN - TRÁI TIM PGV (tiếp theo)

CÔNG TY DỊCH VỤ SỬA CHỮA CÁC NHÀ MÁY ĐIỆN EVNGENCO 3

Công ty Dịch vụ Sửa chữa các nhà máy điện EVNGENCO3 với hơn 22 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý vận hành, sửa chữa các nhà máy điện (chạy khí, than và thủy điện), chức năng chính là cung cấp dịch vụ vận hành, sửa chữa chuyên nghiệp cho các nhà máy điện và các nhà máy công nghiệp khác.

EPS cung cấp các dịch vụ:

- Cung cấp các gói dịch vụ sửa chữa chất lượng cao Nhà máy điện: Bảo trì turbine khí, turbine hơi - Nhà máy nhiệt điện; Bảo dưỡng, sửa chữa lò hơi, lò thu hồi nhiệt (HRSG); Sửa chữa lớn máy phát điện;

- Đào tạo vận hành, sửa chữa, dịch vụ vận hành thuê nhà máy điện.
- Phục hồi vật tư thay thế, gia công chế tạo.
- Tư vấn, thiết kế, lắp đặt các công trình điện và công nghiệp: nhà máy điện, trạm điện
- Các dịch vụ khác.

Đối với các doanh nghiệp sản xuất và vận hành các nhà máy điện, chi phí sửa chữa lớn là một trong những chi phí lớn nhất của các nhà máy. Việc sở hữu một đơn vị sửa chữa trực thuộc Tổng Công ty, chúng tôi có lợi thế lớn trong việc sắp xếp các dịch vụ sửa chữa, tiết giảm chi phí, đồng thời nhanh chóng áp dụng công nghệ kỹ thuật mới vào công tác sửa chữa lớn đối với các nhà máy điện trực thuộc Tổng Công ty.



BAN QLDA NHIỆT ĐIỆN VĨNH TÂN

BAN AVT

Địa chỉ: Đại lộ Hùng Vương, khu phố 5, Phường Phú Thủy, Tp Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận.

Hoạt động: Hiện nay Ban AVT đang thực hiện quyết toán các dự án trong trung tâm điện lực Vĩnh Tân.

BAN QLDA NHIỆT ĐIỆN 1

BAN AND1

Địa chỉ: Khu 8, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

Hoạt động: Ban AND1 đã thực hiện quyết toán dự án NMNĐ Mông Dương 1

BAN QLDA NHIỆT ĐIỆN THÁI BÌNH

BAN ATB

Địa chỉ: Xã Mỹ Lộc, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình

Hoạt động: Hiện nay Ban ATB đang thực hiện quyết toán dự án NMNĐ Thái Bình

CÁC CÔNG TY

LIÊN DOANH LIÊN KẾT

CÔNG TY CON

1.



CÔNG TY CỔ PHẦN
NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA (BTP)

TỶ LỆ SỞ HỮU

79,56%

CÔNG SUẤT

389 MW

Nhiên liệu sử dụng:

Khí thiên nhiên

Địa chỉ:

Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

2.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT
ĐIỆN NINH BÌNH (NBP)

TỶ LỆ SỞ HỮU

54,76%

CÔNG SUẤT

4x25 MW

Nhiên liệu sử dụng:

Than cám trong nước và than nhập khẩu

Địa chỉ:

Số 1 đường Hoàng Diệu, Phường Thanh Bình, TP Ninh Bình

CÁC CÔNG TY GÓP VỐN, LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

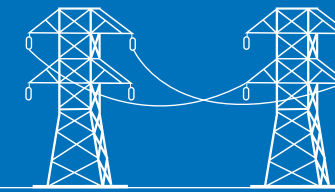
STT	Tên công ty con	Địa chỉ	Công suất (MW)	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Vốn góp của EVNGENCO 3 (Tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của EVNGENCO 3 (%)	Hoạt động
1	CTCP TĐ Thác Bà (TBC)	Quốc lộ 37, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái	120	635,00	190,50	30	Sản xuất điện năng
2	CTCP TĐ Vĩnh Sơn Sông Hinh (VSH)	21 Nguyễn Huệ, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	136	2.062,41	517,06	30,55	Sản xuất điện năng
3	CTCP ĐT&PT điện Sê San 3A	96 Phạm Văn Đồng, TP Pleiku, Gia Lai	108	280,00	84,00	30	Sản xuất điện năng
4	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2)	Phước Khánh, Nhơn Trạch, Đồng Nai	750	2.878,76	68,48	2,47	Sản xuất điện năng
5	CTCP Điện Việt - Lào	Tầng 9, khu B, Tòa nhà HH4, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội	651	3.250,00	19,60	0,63	Sản xuất điện năng
6	Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE - PMTP	KCN Phú Mỹ 1, Thị xã Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu		496,42	74,46	15	Dịch vụ ngành năng lượng
Tổng cộng			1.765		954,102		

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020
LINH HOẠT & BÀN LĨNH

SỨC MẠNH BỀN VỮNG

30
31

CON NGƯỜI
TƯƠNG LAI CỦA PGV



VĂN HÓA TẠI PGV

NGUYÊN TẮC ỨNG XỬ



Chia sẻ thông tin, sẵn sàng cộng tác, cởi mở với những đóng góp của đồng nghiệp.



Thực hiện cam kết, theo đuổi kế hoạch với quyết tâm và nỗ lực cao.



Áp dụng và thúc đẩy các hoạt động đảm bảo an toàn, tích cực vận động để cải thiện các điều kiện sức khỏe, an toàn và hạnh phúc.



Làm việc vì sự hòa nhập của tập thể, tận dụng sự đa dạng của các cá nhân. Không phân biệt giới tính, tuổi tác, tính cách.



Tập trung làm việc mang lại sự hài lòng của khách hàng/đối tác/đồng nghiệp. Giải quyết công việc hiệu quả, nhanh chóng.



Đề xuất, tìm kiếm giải pháp mới giải quyết các vấn đề khó khăn không bỏ cuộc khi gặp trở ngại hay thất bại.



Ghi nhận công lao của người lao động và đưa ra phản hồi để cải thiện nâng cao hiệu quả làm việc.





CON NGƯỜI CỦA CHÚNG TÔI



Triển khai xây dựng

15

BÀI GIẢNG E - LEARNING

Chương trình đào tạo ước đạt 13.543/10.167 lượt người (đạt 133% so với kế hoạch) do đẩy mạnh hoạt động đào tạo qua E - Learning



Đối với EVNGENCO 3 CON NGƯỜI là yếu tố phát triển bền vững lâu dài của doanh nghiệp. Mọi hoạt động của chúng tôi được hoàn thành nhờ vào kiến thức, kỹ năng, sự cam kết kinh nghiệm của toàn thể cán bộ, nhân viên. Điều này có nghĩa là chúng tôi cần có kế hoạch thu hút nhân sự và đảm bảo họ luôn gắn bó, có động lực phát triển và được trao quyền trong suốt thời gian làm việc tại Tổng Công ty.

CÁC HOẠT ĐỘNG NHÂN SỰ CHÚNG TÔI TẬP TRUNG VÀO



Hỗ trợ sự phát triển của nhân viên bằng cách xây dựng các kỹ năng và kiến thức, chuyên môn, năng lực hỗ trợ nhu cầu và chiến lược phát triển dài hạn của Tổng Công ty;



Trao cơ hội làm việc, quản lý, lộ trình thăng tiến rõ ràng cho mỗi cá nhân có thành tích đóng góp nổi bật.



Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện thông qua văn hóa doanh nghiệp, tạo cơ hội phát triển nghề nghiệp và ổn định đời sống của người lao động.



Genco3 cung cấp các chương trình đào tạo cho mọi giai đoạn trong sự nghiệp của nhân viên. Đảm bảo tất cả người lao động được cung cấp đầy đủ kỹ năng, kiến thức chuyên môn để luôn sẵn sàng thích ứng với các công việc tại Tổng Công ty. Các năm, Tổng Công ty triển khai thực hiện các khóa đào tạo trong và ngoài nước nhằm đào tạo chuyên môn và các kỹ thuật chuyên sâu cho người lao động. Năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch Covid các khóa học, tu nghiệp trực tiếp không được tổ chức. Với tình hình đó Tổng Công ty chủ động đẩy mạnh đào tạo trực tuyến/ đào tạo qua hệ thống E - Learning, triển khai xây dựng 15 bài giảng E-learning. Chương trình đào tạo ước đạt 13.543/10.167 lượt người (đạt 133% so với kế hoạch) do đẩy mạnh hoạt động đào tạo qua E - Learning. Tích cực triển khai và đã được tổ chức EDGE Thụy Sĩ cấp Chứng chỉ Bình đẳng giới toàn cầu EDGE xây dựng kế hoạch Bình đẳng giới 05 năm (2021 - 2025), triển khai văn hóa doanh nghiệp, Quy chế dân chủ tại nơi làm việc; thường xuyên cập nhật và khai thác triệt để dữ liệu trên HRMS.

TRONG NĂM 2021

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỦA CHÚNG TÔI TẬP TRUNG VÀO



Tổ chức các buổi chia sẻ trao đổi kinh nghiệm từ nguồn nhân sự có năng lực, chuyên nghiệp, sáng tạo;



Tăng cường đào tạo nội bộ, đào tạo nghiệp vụ chuyên sâu về các lĩnh vực tài chính, chứng khoán, đấu thầu,... và các kỹ thuật chuyên sâu về vận hành sửa chữa nhiệt điện than;



Đẩy mạnh hoạt động đào tạo qua hệ thống E - Learning;



Đào tạo kiến thức chuyên môn, kỹ thuật về năng lượng tái tạo, khí LNG, quản lý dự án đầu tư xây dựng tiên tiến;



Triển khai các khóa đào tạo phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.



ĐẠO ĐỨC & CHÍNH TRỰC



Chúng tôi cam kết tuân thủ hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty trong phạm vi đạo đức và trách nhiệm cao. EVNGENCO 3 yêu cầu các tiêu chuẩn đạo đức và chính trực từ các cấp Quản lý đến toàn bộ nhân viên của Tổng Công ty để thúc đẩy hiệu suất làm việc, khả năng quản rủi ro và xây dựng niềm tin đối với khách hàng, đối tác, cổ đông và giữa người lao động với nhau.

Nền tảng đạo đức của EVNGENCO 3 trong mọi hoạt động của chúng tôi, từ các tương tác trong nội bộ đến các mối quan hệ với khách hàng, đối tác, cổ đông, chính phủ và cộng đồng xung quanh. Chúng tôi có những con người xuất sắc và các chương trình đào tạo phát triển của chúng tôi sẽ tối đa hóa khả năng chuyên môn, tính cam kết, sức mạnh từ những giá trị đạo đức nền tảng và tính chính trực tạo nên sức mạnh của EVNGENCO 3.



Làm việc trung thực và chính trực;



Đối xử tôn trọng bình đẳng lẫn nhau;



Điều tra xử lý các khiếu nại về đạo đức một cách kỷ lưỡng và kịp thời;



Môi trường làm việc bình đẳng an toàn, thân thiện, đoàn kết giữa các cấp.



SỨC KHỎE & AN TOÀN NƠI LÀM VIỆC

Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP xem sức khỏe, sự an toàn và hạnh phúc chung của nhân viên là tài sản quý giá nhất của mình, cần được bảo vệ cả ở nơi làm việc và ở nhà. Chúng tôi cam kết thúc đẩy xây dựng môi trường làm việc lành mạnh từ Tổng Công ty đến các đơn vị thành viên. Chất lượng và an toàn phải đi đôi với nhau. Tất cả chúng ta đều có trách nhiệm đối với sức khỏe và sự an toàn của chính mình và của những người xung quanh.



EVNGENCO 3 tích hợp an toàn trong cả quy trình đào tạo và ngăn ngừa tai nạn lao động, đảm bảo an toàn sản xuất, tăng cường công tác quản lý thiết bị trong vận hành, đảm bảo công tác PCCC&CNCH.

Chúng tôi quản lý sức khỏe và an toàn dựa trên các biện pháp phòng ngừa để phát triển văn hóa doanh nghiệp, thúc đẩy sức khỏe tinh thể chất, tinh thần của người lao động, cân bằng giữa công việc và cuộc sống cá nhân.

EVNGENCO 3 ĐẢM BẢO



Tham gia đầy đủ bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm xã hội cho toàn thể người lao động;



Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hằng năm;



Tổ chức hội thao rèn luyện sức khỏe và thắt chặt tình đoàn kết giữa các đơn vị thành viên. Tổ chức các kỳ nghỉ tham quan, nghỉ dưỡng nhằm tái tạo sức lao động, giải tỏa căng thẳng.

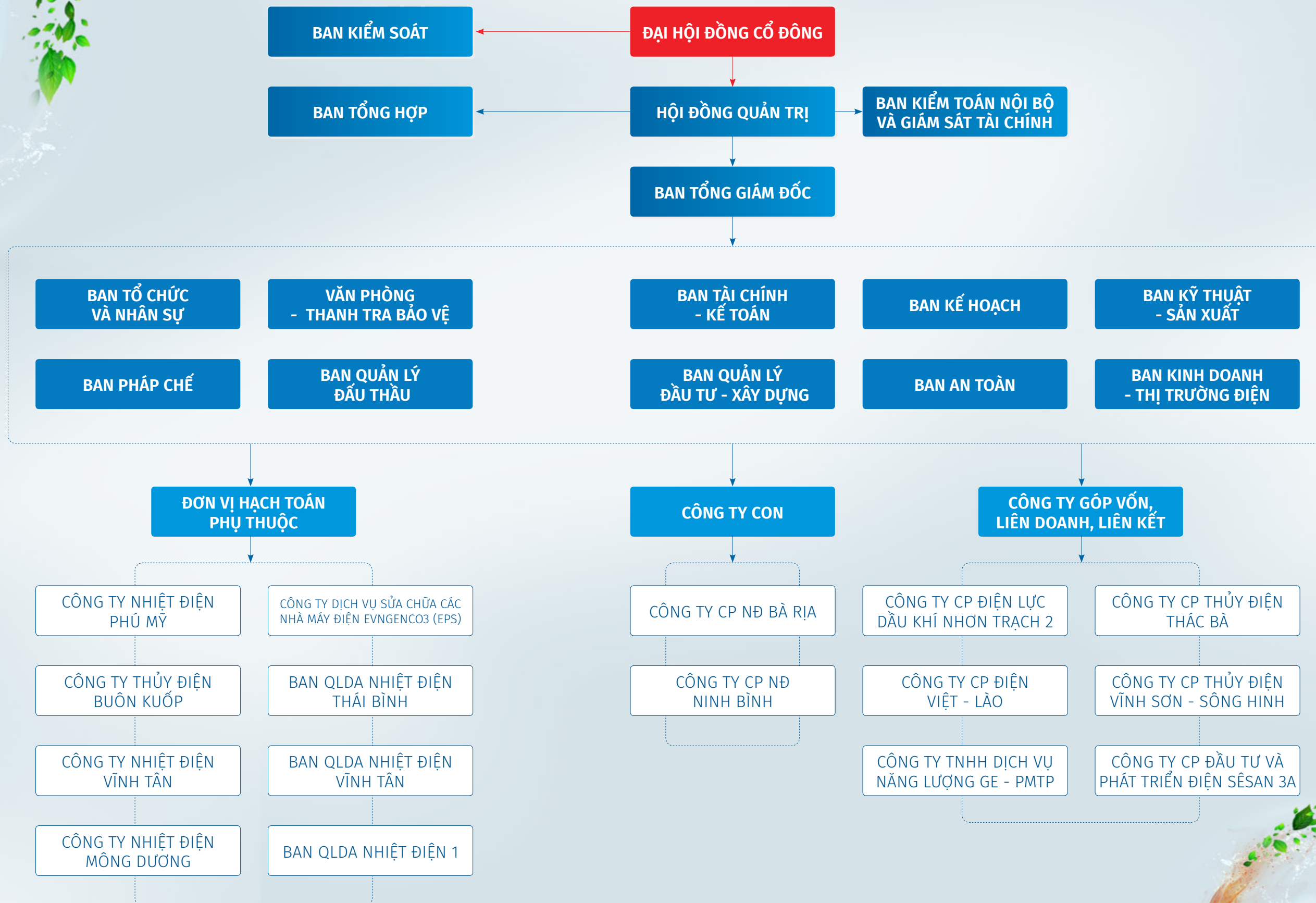


Đảm bảo thực phẩm an toàn cho người lao động;



Khu cư xá đảm bảo chỗ ở, nơi sinh hoạt cho cán bộ, nhân viên và người nhà.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông **ĐINH QUỐC LÂM**
Chủ tịch HĐQT

Ông Đinh Quốc Lâm - Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Hệ thống điện, sinh năm 1973, hiện là Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP (trước đó Ông là thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc TCT Phát điện 3 - CTCP).

Số cổ phần EVNGENCO 3 mà Ông sở hữu và đại diện là 424.569.193 cổ phần (chiếm 39,68% vốn điều lệ).



Ông **LÊ VĂN DANH**
Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc

Ông Lê Văn Danh - Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Điện - Điện tử, sinh năm 1974, hiện đang là Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP (trước đó Ông là Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP).

Số cổ phần EVNGENCO 3 mà Ông sở hữu và đại diện là 318.418.570 cổ phần (chiếm 29,76% vốn điều lệ).



Ông **TRƯƠNG QUỐC PHÚC**
Thành viên HĐQT

Ông Trương Quốc Phúc - cử nhân Tài chính kế toán và đã hoàn thành chương trình đào tạo Thạc sĩ QTKD, sinh năm 1961, hiện đang là Thành viên HĐQT Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP.

Số cổ phần EVNGENCO 3 mà Ông sở hữu và đại diện là 159.209.685 cổ phần (chiếm 14,88% vốn điều lệ).



Ông **NGUYỄN MINH KHOA**
Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Minh Khoa - Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Luật Quốc tế, Cử nhân Tiếng Anh, sinh năm 1974, hiện đang là Thành viên HĐQT Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP.

Số cổ phần EVNGENCO 3 mà Tập đoàn điện lực Việt Nam ủy quyền đại diện là 159.203.285 cổ phần (chiếm 14,88% vốn điều lệ).



Ông **ĐỖ MỘNG HÙNG**
Thành viên HĐQT Độc lập

Ông Đỗ Mộng Hùng-Kỹ sư Nhiệt điện, sinh năm 1958, hiện đang là thành viên độc lập HĐQT Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP.

GIỚI THIỆU

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG



Ông **LÊ VĂN DANH**
Tổng Giám đốc

Thông tin chi tiết xem tại Phần Giới thiệu chung EVNGENCO3 - Mục HĐQT



Ông **PHAN THANH XUÂN**
Phó Tổng Giám đốc
Kỹ thuật - Sản xuất

Ông Phan Thanh Xuân - Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Thiết bị điện, sinh năm 1961, hiện đang là Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật - Sản xuất Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP.



Ông **CAO MINH TRUNG**
Phó Tổng Giám đốc
Sửa chữa và Công nghệ

Ông Cao Minh Trung - Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy, sinh năm 1963, hiện đang là Phó Tổng Giám đốc Sửa chữa và Công nghệ Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP.



Ông **NGUYỄN THANH TRÙNG DƯƠNG**
Phó Tổng Giám đốc
Kinh doanh - Thị trường điện

Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương - Thạc sĩ Mạng và Hệ thống Điện, Kỹ sư Kỹ thuật Điện, sinh năm 1970, hiện đang là Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh - Thị trường điện Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP.



Bà **NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG**
Phó Tổng Giám đốc
Kinh tế - Tài Chính

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Ngoại ngữ - Tiếng Anh, sinh năm 1977, hiện đang là Phó Tổng Giám đốc Kinh tế - Tài chính Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP.



Bà **VŨ PHƯƠNG THẢO**
Kế toán Trưởng

Cử nhân Kế Toán, sinh năm 1983, Bà Thảo có hơn 8 năm làm việc tại Tổng Công ty; năm 2018 Bà Thảo được bổ nhiệm vị trí Kế Toán Trưởng - TCT Phát điện 3 - CTCP

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



Ông **PHẠM HÙNG MINH**
Trưởng Ban Kiểm Soát

Ông Phạm Hùng Minh được bầu vào BKS từ tháng 9 năm 2018. Cử nhân Kinh tế đối ngoại (văn bằng 1), Cử nhân kế toán (văn bằng 2), Đã tham dự các chương trình đào tạo, tập huấn ngắn hạn về kiểm toán nội bộ do Tập đoàn Điện lực Việt Nam tổ chức từ năm 2014 đến nay.

Tham gia các Đoàn kiểm toán nội bộ của Ban Kiểm toán nội bộ và Giám sát tài chính Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Trưởng Đoàn kiểm soát trong Đoàn kiểm soát của Kiểm soát viên EVNGENCO 3 tại các Đơn vị thành viên từ năm 2014 đến nay.



Ông **ĐẬU ĐỨC CHIẾN**
Thành viên Ban Kiểm Soát

Ông Đậu Đức Chiến được bầu vào BKS từ tháng 9 năm 2018

Kỹ sư Hệ thống điện, Thạc sỹ Kỹ thuật điện

Cán bộ thuộc Ban quản lý Xây dựng Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Tham gia các đợt tập huấn ngắn hạn về công tác kiểm toán nội bộ từ năm 2017 đến năm 2019.

Đã từng tham gia các Đoàn kiểm soát, kiểm toán nội bộ của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Kiểm soát viên Tổng Công ty Phát điện 3



Bà **VŨ HẢI NGỌC**
Thành viên Ban Kiểm Soát

Bà Vũ Hải Ngọc được bầu làm thành viên BKS từ tháng 9 năm 2018.

Cử nhân Kế toán.

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.

Chuyên viên chính thuộc Ban Kiểm toán nội bộ và Giám sát tài chính Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Đã tham gia các khóa đào tạo, tập huấn về kiểm toán nội bộ từ năm 2014 đến nay;

Đã từng tham gia các Đoàn kiểm soát, kiểm toán nội bộ của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Kiểm soát viên Tổng Công ty Điện lực miền Trung, Kiểm soát viên Tổng Công ty Phát điện 3.





KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021

48	Báo cáo hoạt động của Ban Tổng Giám đốc	54	Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020
50	Tình hình kinh tế vĩ mô năm 2020	54	Công tác sản xuất điện
50	Tình hình vĩ mô trong nước	56	Công tác đảm bảo nhiên liệu cho sản xuất
52	Thông tin ngành điện năm 2020	58	Đảm bảo công tác sửa chữa lớn
		59	Công tác thị trường điện
		60	Tình hình tài chính
		62	Tình hình thực hiện các dự án, nghiên cứu đầu tư
		63	Thông tin cổ phiếu và quan hệ cổ đông
		66	Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

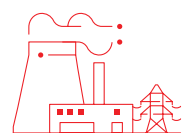
⚡ Năm 2020, Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid - 19, EVNGENCO 3 đã chủ động thích ứng, làm chủ nguồn nhiên liệu đầu vào để đảm bảo vận hành sản xuất điện an toàn, liên tục và kinh tế.



BẢO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020



Sản lượng điện sản xuất
Công ty mẹ

31.103

TRIỆU KWH

Một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2020 chúng tôi đã hoàn thành như sau: Đảm bảo công tác vận hành sản xuất điện an toàn, liên tục, kinh tế. Sản lượng điện sản xuất Công ty mẹ là 31.103 triệu kWh. Hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 được ĐHCĐ giao: lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ đạt 2.148 tỷ đồng (trong đó, lợi nhuận sản xuất điện (đã bao gồm CLTG) là 2.024 tỷ đồng).

Tập trung hoàn thành công tác quyết toán các dự án nguồn điện và tìm kiếm, xúc tiến đầu tư các dự án nguồn điện mới. Kế hoạch vốn Đầu tư xây dựng: EVNGENCO 3 làm Chủ đầu tư 5.696 tỷ đồng (Trong đó đầu tư thuần là 383 tỷ đồng, trả nợ gốc và lãi vay là 5.313 tỷ đồng).

Trình các cấp có thẩm quyền phương án tái cơ cấu theo kế hoạch được phê duyệt.

Kết thúc năm 2020 chúng tôi hoàn thành các chỉ tiêu theo Đề án 05 năm giai đoạn 2016 - 2020.

⚡ Các nhà máy điện tuân thủ nghiêm túc, đầy đủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản liên quan. Các thông số giám sát môi trường đều nằm trong giới hạn cho phép. Hệ thống quan trắc môi trường online và truyền số liệu của các NMNĐ về Sở TN&MT địa phương được lắp đặt đầy đủ.

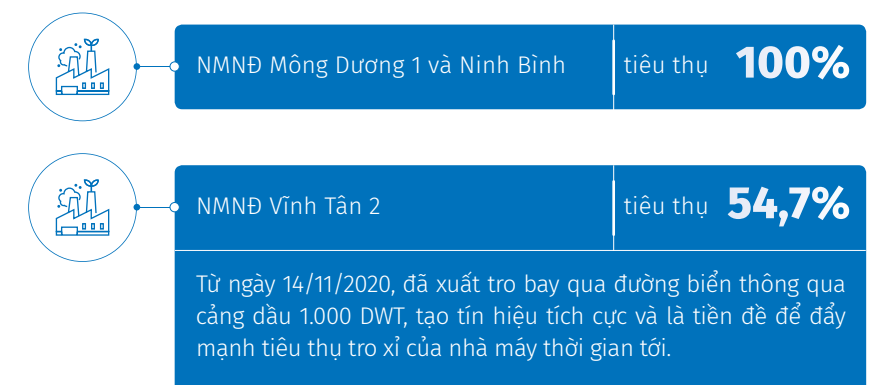
BẢO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Các NMNĐ than (Vĩnh Tân 2, Mông Dương 1, Ninh Bình) đã lắp đặt bảng điện tử hiển thị thông số môi trường tại cổng chính để công khai số liệu quan trắc online về khí thải, nước thải, nước làm mát của Nhà máy.

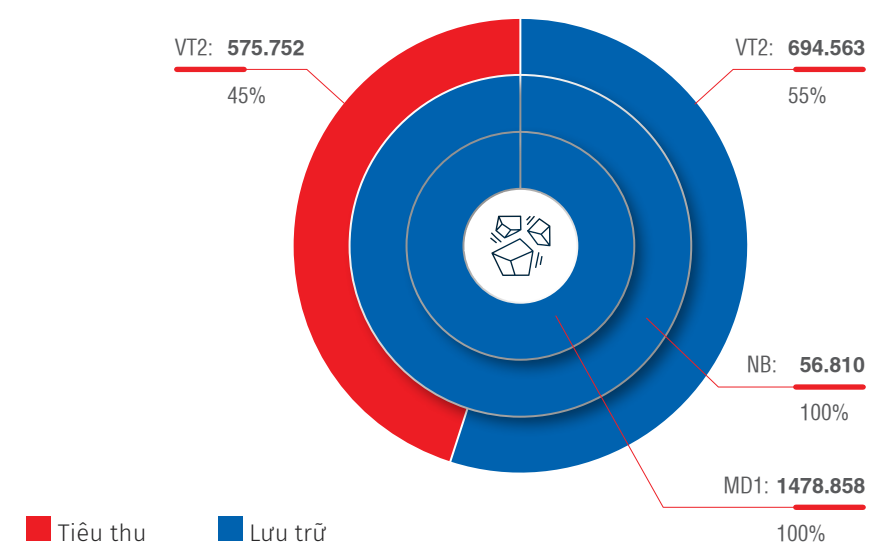
Công ty NB Vĩnh Tân và Công ty NB Mông Dương đã đạt chứng nhận hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn TCVN ISO 14001.

Đã lắp đặt thêm các hệ thống tăng cường các biện pháp đảm bảo không để phát tán bụi ra ngoài môi trường như: mở rộng mái che kho than, lắp đặt hệ thống phun sương tại các máy bốc dỡ, băng tải; lắp đặt hệ thống quan trắc khí tượng đo tốc độ gió, hướng gió để theo dõi, giám sát.

TÌNH HÌNH TIÊU THỤ TRO XỈ NGÀY Càng CẢI THIỆN:



TÌNH HÌNH TIÊU THỤ TRO, XỈ CÁC NMNĐ THAN (TẤN)



TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ NĂM 2020



Năm 2020 Việt Nam ghi nhận mức tăng trưởng GDP đạt

2,91%

tuy là mức tăng thấp nhất của các năm trong giai đoạn 2011-2020 nhưng trong tình hình ảnh hưởng bởi dịch bệnh thì đây là mức tăng trưởng năm 2020 thuộc nhóm cao nhất thế giới.

TÌNH HÌNH VĨ MÔ THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM

Năm 2020, nền kinh tế toàn cầu chịu ảnh hưởng nghiêm trọng bởi đại dịch Covid 19 đến mọi mặt kinh tế - xã hội của các quốc gia trên thế giới. Các nền kinh tế lớn đối mặt với tình trạng suy thoái sâu, tồi tệ nhất trong nhiều thập kỷ qua. Hoạt động kinh tế ảnh hưởng bởi các biện pháp phong tỏa của các nước, dẫn đến ảnh hưởng đến hoạt động thương mại - sản xuất kinh tế. Tuy nhiên, vào nửa cuối năm 2020, thương mại toàn cầu, giá cả hàng hoá phục hồi tương đối khả quan. Theo Quỹ tiền tệ thế giới (IMF), ước tính kinh tế toàn cầu đã giảm 3,5%, mức giảm kỷ lục trong nhiều thập kỷ qua.

Trái ngược với bối cảnh kinh tế thế giới, Việt Nam với phản ứng nhanh chóng và quyết liệt trong việc kiểm soát dịch Covid -19 đã mang lại thành quả to lớn, không chỉ có tỷ lệ tử vong thấp so với các quốc gia khác trên thế giới mà còn giúp Việt Nam mở cửa nền kinh tế sớm hơn, cũng như giảm thiểu các tác động đến kinh tế vĩ mô đảm bảo sự ổn định của nền kinh tế. Năm 2020 Việt Nam ghi nhận mức tăng trưởng GDP đạt 2,91% tuy là mức tăng thấp nhất của các năm trong giai đoạn 2011-2020 nhưng trong tình hình ảnh hưởng bởi dịch bệnh thì đây là mức tăng trưởng năm 2020 thuộc nhóm cao nhất thế giới.

GDP Việt Nam năm 2020 tăng 2,91% (Quý I tăng 3,68%; quý II tăng 0,39%; quý III tăng 2,69%; quý IV tăng 4,48%), trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,68%, đóng góp 13,5% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,98%, đóng góp 53%; khu vực dịch vụ tăng 2,34%, đóng góp 33,5%.

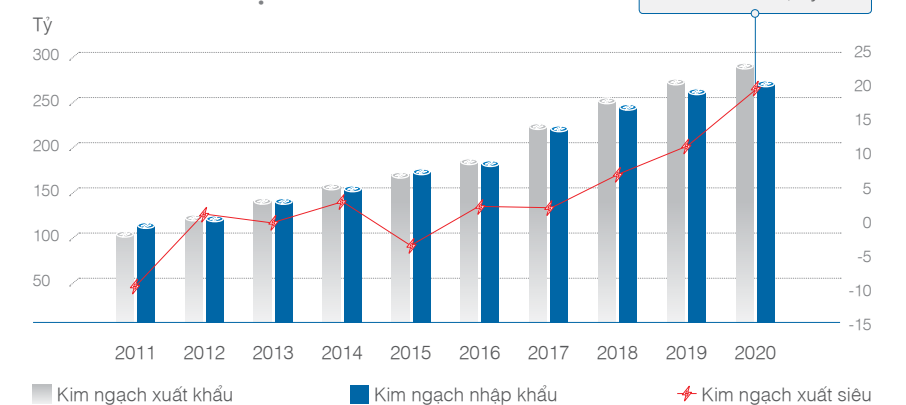
- Khu vực công nghiệp và xây dựng vẫn có đóng góp tỷ trọng cao vào GDP cả nước. Khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp năm 2020 tăng 3,98% so với năm trước, đóng góp 1,12 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo đóng vai trò chủ chốt dẫn dắt tăng trưởng của nền kinh tế với mức tăng 5,82%, đóng góp 1,25 điểm phần trăm; sản xuất và phân phối điện tăng 3,92%, đóng góp 0,19 điểm phần trăm; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 5,51%, đóng góp 0,04 điểm phần trăm; khai khoáng giảm 5,62% (do sản lượng khai thác dầu thô giảm 12,6% và khí đốt tự nhiên giảm 11,5%), làm giảm 0,36 điểm phần trăm trong mức tăng chung. Ngành xây dựng tăng 6,76%, cao hơn tốc độ

tăng của các năm 2011, năm 2012 và năm 2013 trong giai đoạn 2011-2020, đóng góp 0,5 điểm phần trăm.

- Xuất khẩu trở thành điểm nhấn năm 2020, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước tính đạt 281,5 tỷ USD, tăng 6,5% so với năm 2019. Nhờ vào việc kiểm soát dịch bệnh tốt giúp Việt Nam duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, không bị gián đoạn, các hiệp định thương mại tự do có hiệu lực và hưởng lợi từ quá trình đa dạng hoá chuỗi cung ứng đang diễn ra.

- Đầu tư công đã có một năm ấn tượng, vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện năm 2020 tăng 5,7% so với năm 2019, tốc độ tăng vốn thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước năm 2020 đạt mức cao nhất trong giai đoạn 2011-2020 đây là kết quả đẩy mạnh thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công nhằm duy trì đà tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh dịch Covid-19 được kiểm soát tốt tại Việt Nam.

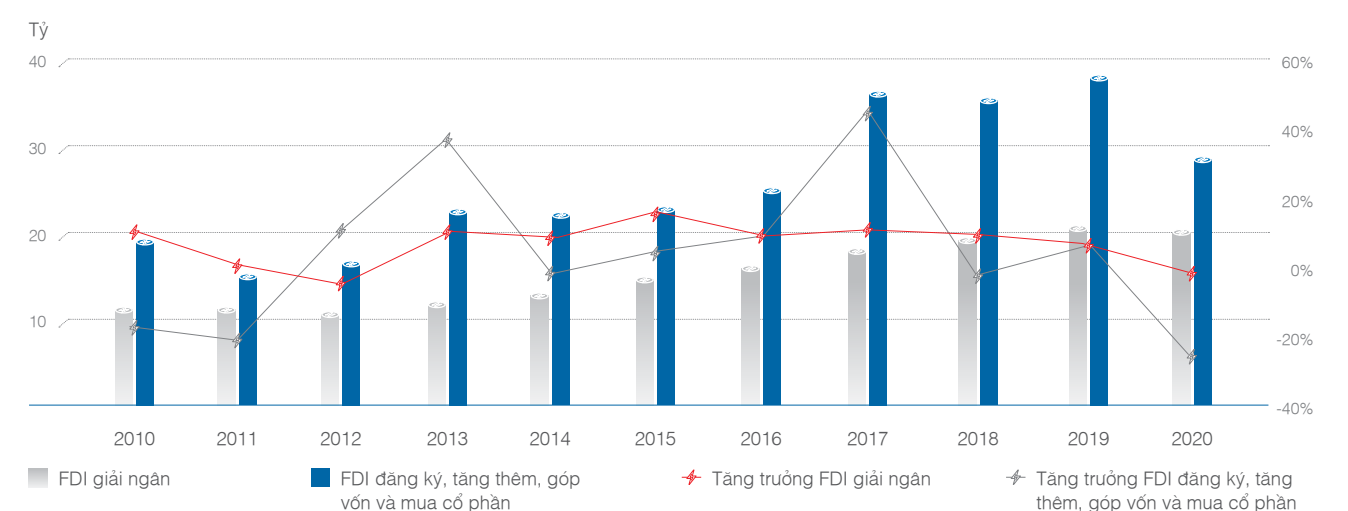
CÂN CÂN THƯƠNG MẠI



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Vốn FDI giải ngân ổn định bất chấp các hạn chế đi lại quốc tế (Biểu đồ - Vốn FDI đăng ký và giải ngân và Biểu đồ FDI đăng ký theo ngành)

VỐN FDI ĐĂNG KÝ VÀ GIẢI NGÂN



Nguồn: Tổng cục Thống kê



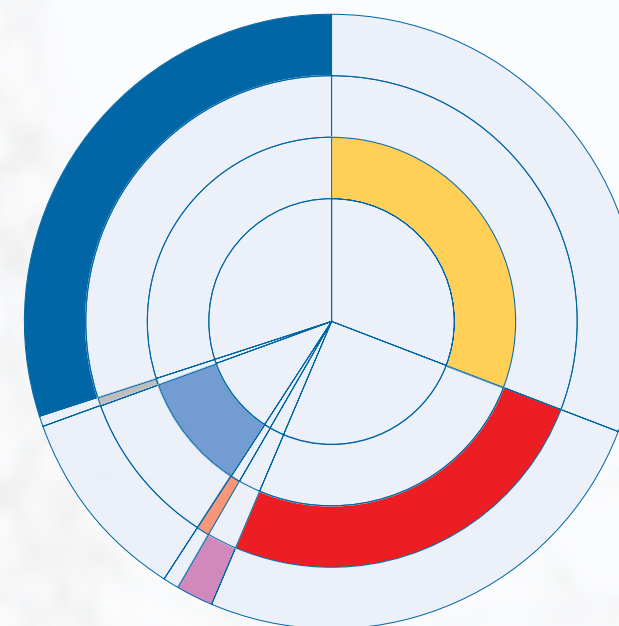
TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ NĂM 2020 (tiếp theo)



THÔNG TIN NGÀNH ĐIỆN 2020



⚡ Trong năm 2020, tốc độ phụ tải Việt Nam tăng trưởng 2,9% so với năm 2019, mức thấp nhất trong giai đoạn 2016-2020 do ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid 19, giai đoạn giãn cách hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất bị ảnh hưởng dẫn đến tốc độ tăng trưởng phụ tải điện giảm.



Tổng Công suất lắp đặt nguồn điện toàn hệ thống

69.300 MW

tăng gần 14.000MW so với năm 2019

Công suất các nguồn điện NLTT

17.430 MW

(tăng 11.780MW so với năm 2019) và chiếm tỷ trọng 25,3%.

Quy mô hệ thống điện Việt Nam

2

khu vực ASEAN

23

Thế giới

Sản lượng điện sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống điện năm 2020

247,08 tỷ KWH

tăng 2,9% so với năm 2019

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020



CHI TIẾT SẢN LƯỢNG ĐIỆN SẢN XUẤT CỦA CÁC ĐƠN VỊ NHƯ SAU:

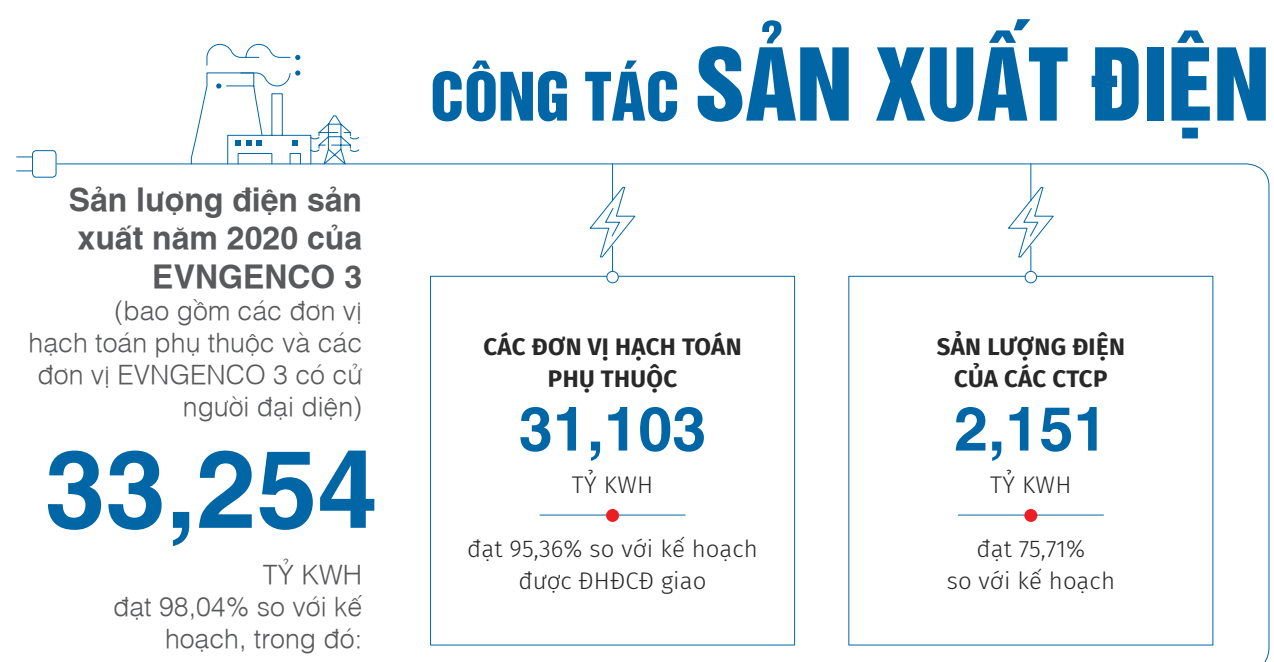
Đơn vị: tr.kWh

STT	Đơn vị	KH 2020	TH 2020	SO SÁNH (%)	
				Cùng kỳ	KH năm
I.	Công ty mẹ	31.076	31.103	97,38	100,1
1	NĐ Phú Mỹ	13.835	13.846	90,62	100,08
2	TĐ Buôn Kuốp	2.712	2.713	112,66	100,02
	NĐ Vĩnh Tân	7.815	7.818	108,54	100,04
3	• NMT Vĩnh Tân 2	7.768	7.771	108,16	100,04
	• ĐMT Vĩnh Tân 2	47,60	47,73	248,04	100,27
4	NĐ Mông Dương	6.713	6.725	95,40	100,18
II.	Công ty cổ phần	2.842	2.151	80,15	75,71
1	CTCP NĐ Bà Rịa	892	277	32,95	31,07
2	CTCP NĐ Ninh Bình	618	553	85,76	89,61
3	CTCP TĐ Vĩnh Sơn - Sông Hình	587	566	114,68	96,42
4	CTCP TĐ Thác Bà	325	389	121,65	119,67
5	CTCP TĐ Sê San 3A	420	366	95,13	87,06
	Tổng cộng	33.917	33.254	96,04	98,04

Đánh giá:

Cơ cấu nguồn năm 2020 của Công ty mẹ Tổng Công ty đã có sự chuyển dịch, lần đầu tiên, tỷ trọng nhiệt điện than cao hơn nhiệt điện khí. Mặc dù các nhà máy điện khả dụng tốt nhưng sản lượng của các nhà máy nhiệt điện của Tổng Công ty đạt thấp hơn so với cùng kỳ năm 2019 chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- Tình hình cung cấp khí không đủ theo nhu cầu trong Quý I/2020 nên các NMTĐ khí không được huy động phát cao và phải vận hành dầu.
- Dịch Covid-19 và bão lụt diễn ra trong tháng 10-11/2020 tại các tỉnh miền Trung nên nhu cầu điện sản xuất toàn hệ thống năm 2020 thấp hơn kế hoạch năm. Bên cạnh đó, sự tăng trưởng mạnh của nguồn NLTT, đặc biệt là điện mặt trời (ĐMT), dẫn đến huy động thấp các nguồn nhiệt điện than, nhiệt điện khí. Cụ thể, sản lượng điện năng toàn hệ thống điện chỉ tăng 2,92% so với năm 2019 và đạt 94,46% so với kế hoạch. Trong khi đó, mức tăng trưởng của nguồn ĐMT lại rất cao với tổng sản lượng năm 2020 là 10,6 tỷ kWh, chiếm 4,3% tổng sản lượng toàn hệ thống. Do đó, các NMTĐ của Tổng Công ty đã phải phát giảm công suất và dừng dự phòng một số tổ máy trong thời gian dài.
- Tình hình thủy văn thuận lợi vào các tháng cuối năm 2020 (từ tháng 8 trở đi), tần suất nước về các hồ cao hơn cùng kỳ năm 2019 và trung bình nhiều năm. Vì vậy, hầu hết các nhà máy thủy điện đều đạt kế hoạch, trong đó Công ty Thủy điện Buôn Kuốp đã hoàn thành tốt kế hoạch được giao





KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020 (tiếp theo)

CÔNG TÁC ĐẢM BẢO **NHIÊN LIỆU** CHO SẢN XUẤT

Nhiên liệu khí:



Trong năm 2020, lưu lượng khí cấp trung bình cho các NMD khu vực ĐNB là 14,6 triệu m³/ngày, trong đó các NMD Phú Mỹ là 7,3 triệu m³/ngày. Nhiên liệu khí cấp không đủ cho sản xuất vào các tháng đầu năm 2020, dẫn đến các nhà máy điện Phú Mỹ 2.1 và Phú Mỹ 4 phải huy động vận hành dầu.

Từ ngày 16/11/2020, PVGas đã cấp bổ sung nguồn khí Sao Vàng - Đại Nguyệt, nâng khả năng cấp khí khu vực Đông Nam Bộ từ cuối năm 2020 lên khoảng 19 - 20 triệu Sm³/ngày (nhưng vẫn thấp hơn nhu cầu vận hành tối đa của các nhà máy điện tuabin khí khu vực Đông Nam Bộ).

Nhiên liệu than:



Thực hiện Chỉ thị 29 của Thủ tướng Chính phủ về chủ động trong cung ứng than cho sản xuất của các NMD, Tổng Công ty đã triển khai các Hợp đồng mua than từ TKV, TCT Đông Bắc; đấu thầu mua than nhập khẩu và nguồn than trong nước đảm bảo than cho sản xuất và có dự phòng, cụ thể:



NMĐ Vĩnh Tân 2: Tổng khối lượng tiêu thụ là 4,027 triệu tấn, trong đó khối lượng than nhập khẩu khoảng 1,1 triệu tấn và đấu thầu trong nước mua than chất bốc thấp để đốt trực tiếp là 300.000 tấn.

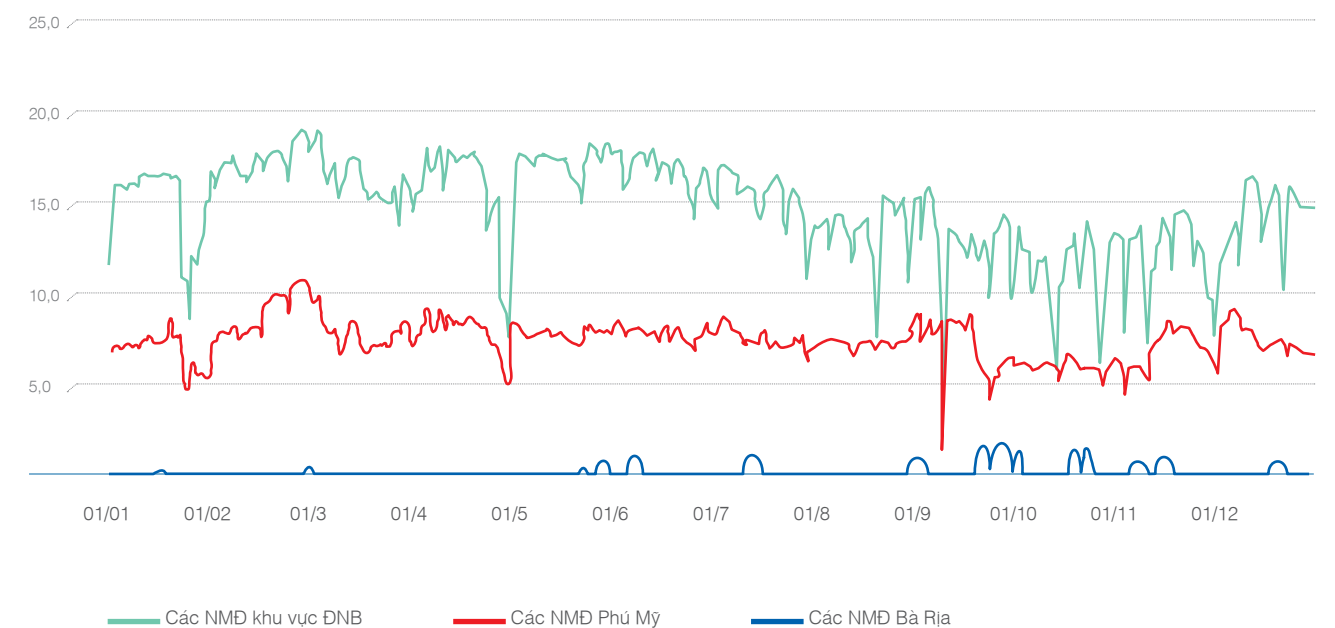


NMĐ Mông Dương 1: Tổng khối lượng tiêu thụ là 3,59 triệu tấn, trong đó nguồn than của TCT Đông Bắc cấp qua đường thủy là 420.000 tấn sử dụng để thử nghiệm vận hành đốt than trộn qua đó tăng tính chủ động trong cung cấp than, tránh sự phụ thuộc vào một nhà cung cấp duy nhất.

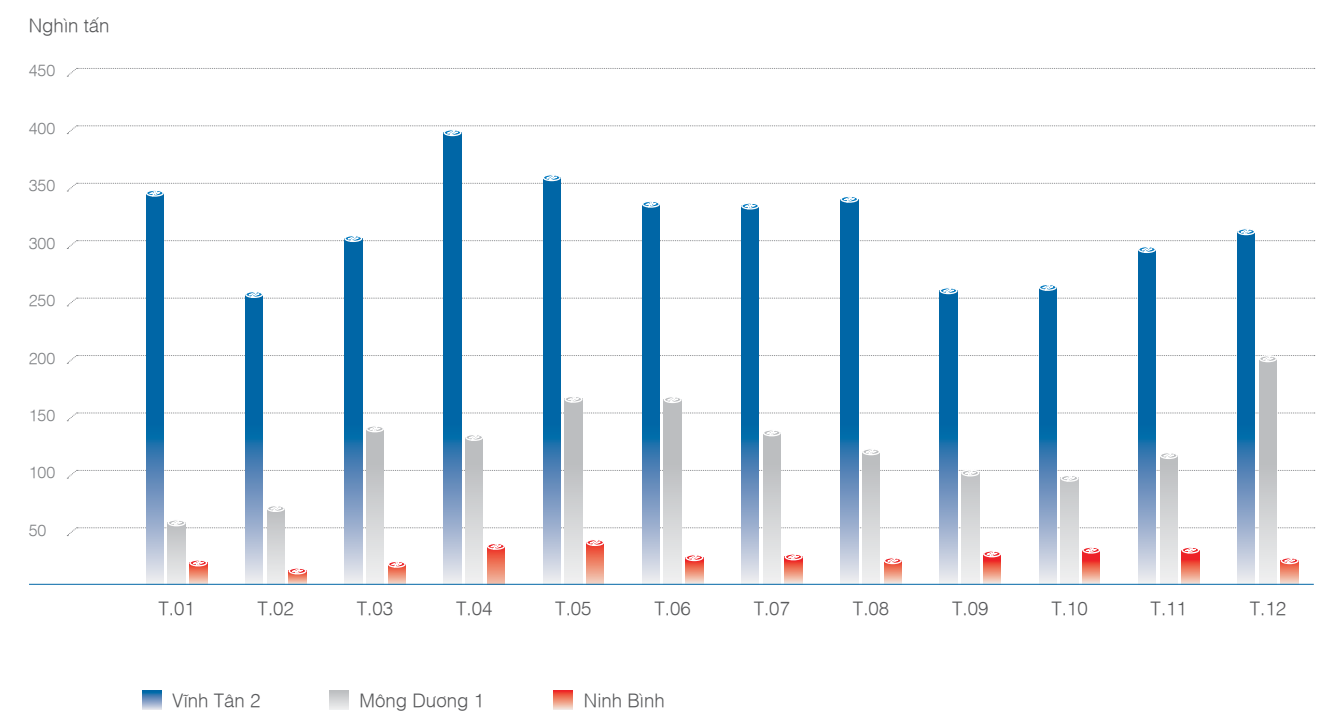


NMĐ Ninh Bình: Tiêu thụ 405.000 tấn.

TÌNH HÌNH TIÊU THỤ KHÍ NĂM 2020



THAN DỰ PHÒNG CỦA CÁC NHÀ MÁY NĂM 2020



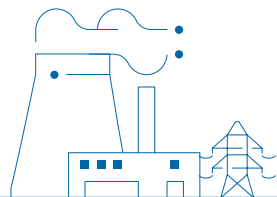


ĐẢM BẢO CÔNG TÁC

SỬA CHỮA LỚN

⚡ Trong năm 2020, các đơn vị HTPT đã thực hiện 21 công trình sửa chữa lớn các tổ máy. Tổng thời gian thực hiện các công trình là 306 ngày, rút ngắn 50 ngày so với kế hoạch được duyệt (356 ngày).

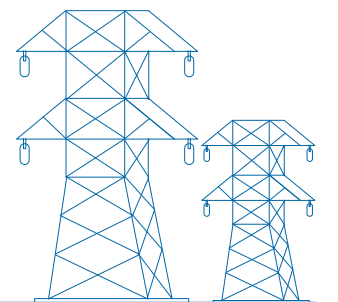
Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, các Nhà chế tạo tuabin khí của CTNĐ Phú Mỹ như MPW, GE, Siemens không cử được chuyên gia kỹ thuật sang Việt Nam để thực hiện công việc SCBD theo kế hoạch hoặc nếu cử chuyên gia yêu cầu chi phí phát sinh khá cao. Để đảm bảo cho các tổ máy được SCBD theo đúng kế hoạch, vận hành tin cậy và đặc biệt là để chuẩn bị tốt cho sản xuất điện năm 2021, Tổng Công ty đã chỉ đạo Công ty EPS và Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ chủ động phối hợp để tự thực hiện, với sự hỗ trợ từ xa của chuyên gia nước ngoài.



CÔNG TÁC

THỊ TRƯỜNG ĐIỆN

- Dịch Covid 19 diễn biến phức tạp, nguồn năng lượng tái tạo phát triển mạnh và thủy văn thuận lợi vào các tháng cuối năm làm giá thị trường điện bình quân năm 2020 chỉ đạt 886,49 đồng/kWh, giảm 26,6% so với năm 2019 (1.208,40 đồng/kWh). Tổng Công ty điều hành tập trung chào giá để vận hành hợp lý, tối ưu các tổ máy nhằm tiết kiệm chi phí nhiên liệu và sử dụng hiệu quả nguồn nước cho thủy điện.
- Tổng Công ty đã triển khai hoàn thành đầy đủ cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực phục vụ việc chuyển đổi chu kỳ điều độ và chu kỳ giao dịch sang 30 phút từ ngày 01/9/2020 theo Quyết định số 2033/QĐ-BCT ngày 03/8/2020 của Bộ Công Thương.
- Thực hiện ký kết hợp đồng sửa đổi bổ sung số 19 Hợp đồng mua bán điện của NMĐ Phú Mỹ về thanh toán bổ sung chi phí nhiên liệu khí do áp dụng cước phí vận chuyển và phân phối khí Thiên Ưng - Đại Hùng; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 08 Hợp đồng mua bán điện của NMĐ Vĩnh Tân 2 về thanh/ quyết toán chi phí xử lý tro xỉ giai đoạn 2018÷2020.





KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020 (tiếp theo)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Năm 2020, Dịch Covid-19 và bão lụt diễn ra trong tháng 10÷11/2020 tại các tỉnh miền Trung nên nhu cầu điện sản xuất toàn hệ thống năm 2020 thấp hơn kế hoạch năm. Bên cạnh đó, sự tăng trưởng mạnh của nguồn NLTT, đặc biệt là điện mặt trời (ĐMT), dẫn đến huy động thấp các nguồn nhiệt điện than, nhiệt điện khí.

Về Doanh thu

Doanh thu của các Nhà máy điện trực thuộc Tổng Công ty năm 2020 đạt 38.119 tỷ đồng, giảm 6,2% so với năm 2019 do sản lượng giảm và giá bán điện thấp hơn năm 2019.

ĐVT: Tỷ đồng.

STT	Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	2019	TH 2020	Tăng/giảm (%)
1	Doanh thu bán điện Công ty mẹ	40.649	38.119	-6,2%
1.1	Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	19.911	16.957	-14,8%
1.2	Công ty Thủy điện Buôn Kuốp	1.922	1.760	-8,4%
1.3	Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân	9.560	10.313	7,9%
1.4	Công ty Nhiệt điện Mông Dương	9.256	9.089	-1,8%
2	Doanh thu tại công ty con và doanh thu khác	3.468	2.249	-35,2%
	Tổng Cộng doanh thu hợp nhất	44.117	40.367	-8,5%

Về Lợi nhuận

ĐVT: Tỷ đồng.

STT	Chỉ tiêu	KH 2020	TH 2019	TH 2020	Tăng/giảm (%)
	Công ty mẹ				
1	Lợi nhuận sản xuất điện (Chưa bao gồm CLTG)	1.838	1.759	2.383	35%
2	Lợi nhuận trước thuế	1.522	888	2.148	142%
3	Lợi nhuận sau thuế		650	1.694	161%
	Hợp nhất				
4	Lợi nhuận sản xuất điện (Chưa bao gồm CLTG)	1.964	1.967	2.507	27%
5	Lợi nhuận trước thuế	1.679	1.189	2.292	93%
6	Lợi nhuận sau thuế		904	1.815	101%

Tuy sản lượng điện và doanh thu sụt giảm so với năm 2019, Tổng Công ty đã thực hiện các giải pháp tối ưu sản xuất và chi phí sản xuất điện trong năm 2020. Qua đó, lợi nhuận sản xuất điện (chưa bao gồm CLTG) của Công ty mẹ năm 2020 là 2.383 tỷ đồng, đạt 129% kế hoạch năm 2020 được ĐHCĐ thông qua, tăng 35% so với cùng kỳ năm 2019. Năm 2020, Công ty mẹ Tổng Công ty cũng ghi nhận sự tăng trưởng lợi nhuận trước thuế lên mức 2.148 tỷ đồng, đạt 141% kế hoạch và tăng 142 % so với cùng kỳ năm 2019. Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ đạt 1.694 tỷ đồng, tăng 161% so với cùng kỳ năm 2019.

Kết quả SXKD hợp nhất của Tổng Công ty: lợi nhuận sản xuất điện (chưa bao gồm CLTG) năm 2020 là 2.507 tỷ đồng, đạt 128% kế hoạch năm 2020, tăng 27 % so với cùng kỳ năm 2019.

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2019	TH 2020	Tăng/giảm (+/-)
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,63	1,8	0,17
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,38	1,44	0,06
Khả năng thanh toán tức thời	Lần	0,61	0,59	-0,02
Cơ cấu tài sản				
Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	25,55%	29,04%	3,49%
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	74,45%	70,96%	-3,49%
Cơ cấu nguồn vốn				
Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	83,91%	79,47%	-4,44%
Nguồn VCSH/ Tổng nguồn vốn	%	16,09%	20,53%	4,44%
Hệ số Nợ phải trả /Vốn chủ sở hữu	Lần	5,21	3,87	-1,34
Năng lực hoạt động				
Vòng quay tổng tài sản	Lần	0,58	0,55	-0,03
Vòng quay tài sản cố định	Lần	0,83	0,80	-0,03
Khả năng sinh lời				
Tỷ suất sinh lời của Tổng tài sản (ROA)	%	1,21%	2,49%	1,28%
Tỷ suất sinh lời vốn chủ sở hữu (ROE)	%	7,49%	12,13%	4,64%
Hệ số bảo toàn vốn	Lần	1,17	1,24	0,07

Về khả năng thanh toán: Kết thúc năm tài chính 2020, hệ số thanh toán ngắn hạn của PGV tăng từ 1,63 lần vào cuối năm 2019 lên 1,8 lần vào cuối năm 2020. Cùng chiều với xu hướng biến động của hệ số thanh toán ngắn hạn, hệ số thanh toán nhanh cũng tăng từ 1,38 lần vào cuối năm 2019 lên 1,44 lần vào cuối năm 2020. Các năm vừa qua, PGV luôn duy trì các hệ số tỷ suất thanh toán ngắn hạn và tỷ suất thanh toán nhanh đều > 1 cho thấy khả năng đảm bảo thanh toán các khoản nợ đến hạn của PGV. Ngoài ra, PGV có hệ số thanh toán tức thời (tiền và tương đương tiền/nợ phải trả ngắn hạn) > 0,5 cho thấy PGV đáp ứng các nhu cầu thanh toán cấp bách.

Về cơ cấu vốn: PGV là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện, đặc thù tài chính của các nhà máy điện là cơ cấu nợ tương đối cao. EVNGENCO 3 có nguồn thu ổn định từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện, Tổng Công ty xây dựng lộ trình trả nợ dài hạn đều đặn. Năm 2020, nợ phải trả chiếm 79,47% trên tổng nguồn vốn của Tổng Công ty, giảm 4,44% so với năm 2019. Cấu trúc vốn của PGV đang dần trở nên lành mạnh hơn, đòn bẩy tài chính giảm dần qua các năm. Hệ số nợ/ vốn chủ sở hữu giảm từ 5,21 lần (31/12/2019) xuống còn 3,87 lần (31/12/2020).

Về năng lực hoạt động: Hệ số vòng quay tổng tài sản và vòng quay tài sản cố định giảm nhẹ 0,03 lần so với năm 2019. Với đặc thù hoạt động kinh doanh có sử dụng tài sản cố định lớn, EVNGENCO 3 luôn chú trọng đến việc quản trị chi phí hoạt động nhằm tăng hiệu quả hoạt động của tài sản. Đồng thời, các hoạt động bảo dưỡng sửa chữa tài sản cố định luôn được EVNGENCO 3 chú trọng trong những năm qua.

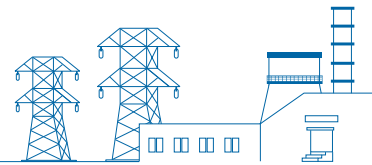
Về khả năng sinh lời: Các chỉ số về khả năng sinh lời của EVNGENCO 3 đều tăng trưởng mạnh mẽ nhờ lợi nhuận sau thuế năm 2020 có mức tăng trưởng mạnh. Năm 2020 EVNGENCO 3 đã nâng cao hiệu quả trong việc sử dụng tài sản và nguồn vốn của chủ sở hữu: ROE tăng từ mức 7,49 % cuối năm 2019 lên đến 12,13% vào cuối năm 2020; và ROA từ 1,21% lên mức 2,49% vào năm 2020.

Kết luận: Nhìn chung, EVNGENCO 3 đã ghi nhận một năm 2020 thành công trong công tác sản xuất kinh doanh. Ngoài việc cải thiện đáng kể hệ số nợ, EVNGENCO 3 còn duy trì được đà tăng trưởng về nhiều mặt từ hoạt động sản xuất kinh doanh, khả năng sinh lời cho đến hiệu quả sử dụng tài sản - nguồn vốn của chủ sở hữu.



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020 (tiếp theo)

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN, NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ



ĐIỆN MẶT TRỜI MÁI NHÀ

Đã hoàn thành lắp đặt 2,959 MWp điện mặt trời áp mái nhà tại các đơn vị Phú Mỹ, EPS, Vĩnh Tân, Buôn Kuốp.

Về công tác nghiên cứu đầu tư:

Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt bổ sung dự án TTĐL Long Sơn vào Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia (Quy hoạch Điện VII điều chỉnh) giai đoạn 1 với công suất 1.200 ÷ 1.500MW, tiến độ vận hành năm 2025 ÷ 2026 tại Văn bản số 479/TTg-CN ngày 23/4/2020.

- UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã có các Văn bản, Quyết định:
 - Cho phép Tổ hợp nhà thầu GTPP-MC-GE tiếp cận khảo sát, nghiên cứu lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (PreFS) và Báo cáo nghiên cứu khả thi (FS) TTĐL Long Sơn - GĐ 1
 - Cập nhật quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất năm 2020 để thực hiện dự án TTĐL Long Sơn.
- Hiện Tổng Công ty cùng các thành viên Tổ hợp triển khai các thủ tục để được lựa chọn làm chủ đầu tư dự án.

DỰ ÁN ĐIỆN GIÓ TẠI GIA LAI - TỔNG CÔNG SUẤT KHOẢNG 100 MW

Tổng Công ty đang phối hợp với tư vấn để đánh giá hiệu quả dự án nhằm có cơ sở triển khai hợp tác đầu tư dự án với các đối tác.

CỤM THỦY ĐIỆN NHỎ KHU VỰC TÂY BẮC

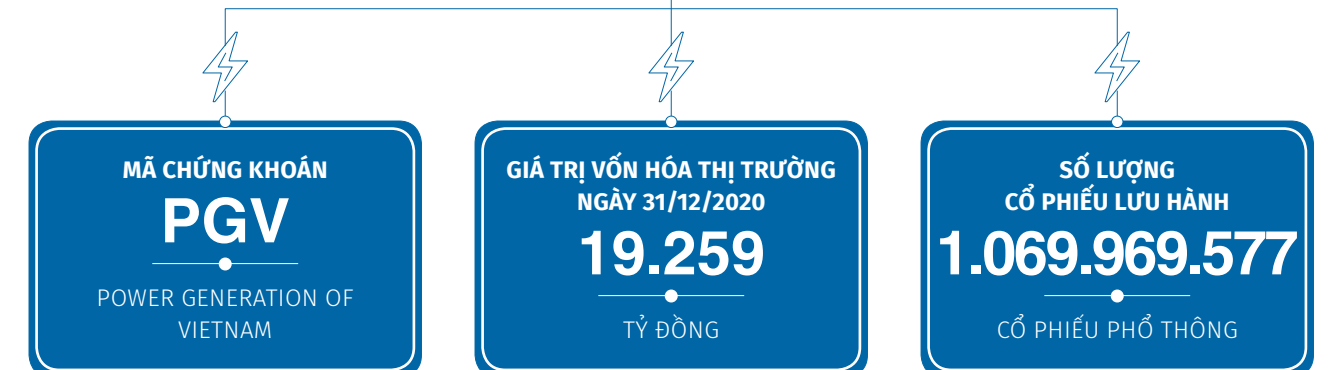
Tổng Công ty đang làm việc với đối tác để nghiên cứu tham gia hợp tác đầu tư cụm thủy điện với tổng công suất khoảng 108MW.



THÔNG TIN CỔ PHIẾU & QUAN HỆ CỔ ĐÔNG



THÔNG TIN CỔ PHIẾU EVNGENCO 3: TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 - CTCP



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông nhà nước	1.061.355.233	99,19%	1	1	0
2	Cổ đông khác	8.614.344	0,81%	2.222	2	2.220
2.1	Trong nước	5.628.944	0,53%	2.206	0	2.206
2.2	Nước ngoài	2.985.400	0,28%	16	2	14
Tổng cộng		1.069.969.577	100%	2.223	3	2.220



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020 (tiếp theo)

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Đối tượng	Họ tên - Chức vụ	Tổng số lượng cổ phần đại diện	Tổng số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu và đại diện cổ phần EVN
Hội Đồng Quản trị	Ông Đình Quốc Lâm - Chủ tịch HĐQT	424.542.093	27,100	39,68%
	Ông Lê Văn Danh - Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	318.406.570	12,000	29,76%
	Ông Trương Quốc Phúc - Thành viên HĐQT	159.209.685	6,400	14,88%
	Ông Nguyễn Minh Khoa - Thành viên HĐQT	159.209.685	-	14,88%
	Ông Đỗ Mộng Hùng - Thành viên HĐQT	-	-	-
Ban Tổng Giám đốc	Ông Phan Thanh Xuân - Phó TGD Kỹ thuật và Sản xuất	-	13,500	0,0013%
	Ông Cao Minh Trung - Phó TGD Sửa chữa và Công nghệ	-	22,300	0,0021%
	Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương - Phó TGD Kinh doanh - Thị trường điện	-	15,400	0,0014%
	Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Phó TGD Kinh tế - Tài chính	-	9,600	0,0009%

HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

Đã 3 năm kể từ tháng 3/2018, Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP chính thức giao dịch trên sàn UpCom với mã cổ phiếu PGV. Đến nay EVNGENCO 3 vẫn chú trọng nâng cao chất lượng tạo ấn tượng tốt trong cộng đồng đầu tư tài chính và các cổ đông của PGV.

Nguồn cung cấp thông tin: Các cổng CBTT như: Website TCT, Website của HNX, UBCK; Sự kiện: Đại hội đồng cổ đông; Gặp gỡ nhà đầu tư; Gặp gỡ chuyên viên phân tích; Ấn phẩm: Báo cáo thường niên, Bản tin nhà đầu tư, báo chí; Truyền thông: Facebook, Clip, Webcast.

HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ CỔ ĐÔNG NỔI BẬT NĂM 2020

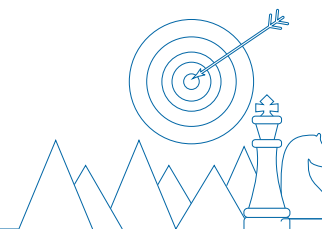
Năm 2020, công tác quan hệ cổ đông (IR) có nhiều hoạt động tiêu biểu:

- Tổ chức Tham quan Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 với sự tham gia của các chuyên viên phân tích đến từ 20 Công ty Chứng khoán và Quỹ đầu tư ở Việt Nam. Quan buổi tham quan, các chuyên viên đến từ các công ty hiểu rõ hơn về quy trình sản xuất điện từ than, cũng như hoạt động sản xuất của Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân thuộc TCT;
- Chuỗi Webcast giới thiệu các đơn vị thuộc Tổng Công ty Phát Điện 3. Các Webcast giới thiệu về hoạt động của các đơn vị trực thuộc, giới thiệu về hoạt động sản xuất kinh doanh của từng nhà máy gửi đến rộng rãi cho cộng đồng đầu tư tài chính trên khắp Việt Nam;
- Chuỗi Clip giới thiệu các công nghệ sản xuất điện của các nhà máy điện thuộc TCT, được cộng đồng nhà đầu tư đặc biệt quan tâm;
- Sự kiện Gặp mặt nhà đầu tư cá nhân lần đầu tiên được tổ chức thu hút hơn 100 nhà đầu tư. Tại sự kiện này chúng tôi trình bày đến nhà đầu tư tổng quan về Tổng Công ty, những thành tựu đã được đạt được trong 5 năm qua giai đoạn 2016 - 2020 và những mục tiêu, kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025.

Trong năm 2020 giao dịch cổ phiếu PGV có nhiều chuyển biến tích cực về thanh khoản và giá trị. Thanh khoản trong giai đoạn cuối năm 2020 tăng 5-6 lần so với cuối năm 2019, giá cổ phiếu dao động quanh mức 18.000 đồng/cổ phần và vốn hóa thị trường đạt khoảng 19.259 tỷ đồng.



KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021



KẾ HOẠCH SẢN XUẤT ĐIỆN



Sản lượng điện sản xuất năm 2021 dự kiến của EVNGENCO 3 là

31,95

TỶ KWH

trong đó:
các đơn vị HTPT là 29,65 tỷ kWh
CTCP là 2,30 tỷ kWh

KẾ HOẠCH SỬA CHỮA LỚN

Theo kế hoạch sửa chữa lớn năm 2021, các đơn vị HTPT dự kiến thực hiện 14 công trình sửa chữa lớn các tổ máy và nhiều công trình phụ trợ khác, với

tổng chi phí SCL dự kiến là

758

TỶ ĐỒNG

Đẩy mạnh công tác tự gia công phục hồi, thay thế chuyên gia hỗ trợ kỹ thuật chính hãng để tăng tính chủ động trong quá trình thực hiện sửa chữa lớn cũng như tối ưu và tiết giảm chi phí.



KẾ HOẠCH CUNG ỨNG NHIÊN LIỆU

NHIÊN LIỆU KHÍ

Kế hoạch cấp khí khu vực ĐNB năm 2021 là

6.702

TRIỆU SM3

tương đương 18,36 triệu Sm3/ngày. Hiện nay, với kế hoạch vận hành HTĐ năm 2021 đã được Bộ Công thương phê duyệt, lưu lượng khí này đảm bảo cho các NMĐ khí khu vực ĐNB vận hành.



NHIÊN LIỆU THAN

NMĐ MÔNG DƯƠNG 1

Nhu cầu than cho sản xuất điện năm 2021 khoảng 3,3÷3,5 triệu tấn, trong đó mua than pha trộn của TKV với khối lượng 3,0 triệu tấn ±10%, với khối lượng tăng thêm do tăng sản lượng điện phát sẽ cân đối mua bổ sung nguồn than của TCT Đông Bắc (khoảng 0,6 triệu tấn).

NMĐ VĨNH TÂN 2

Nhu cầu than cho sản xuất điện năm 2021 khoảng 3,8÷4,0 triệu tấn, được cung cấp bởi các nguồn:

- TCT Đông Bắc: Hợp đồng cung cấp 1,0 triệu tấn than.
- TKV: Hợp đồng cung cấp 1,3 triệu tấn than pha trộn.
- Triển khai mời chào giá mua than nhập khẩu từ Nam Phi khoảng 1,5 triệu tấn theo theo Hợp đồng khung TCT đã ký kết các nhà thầu trong năm 2020 của gói thầu cung cấp 2,5 triệu tấn than Anthracite nhập khẩu.
- Triển khai đấu thầu rộng rãi trong nước mua khoảng 300.000 tấn than có chất bốc thấp để vận hành theo nhu cầu sản xuất.



KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021 (tiếp theo)

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG

CÔNG TÁC XÚC TIẾN ĐẦU TƯ

1

Phối hợp với các thành viên trong Tổ hợp triển khai thủ tục làm chủ đầu tư và triển khai đầu tư xây dựng dự án TTĐL Long Sơn - Giai đoạn 1. Đôn đốc bổ sung dự án Long Sơn giai đoạn 2&3 vào Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia.



2

Hợp tác đầu tư Cụm Dự án Thủy điện nhỏ tổng công suất 108MW ở khu vực Tây Bắc



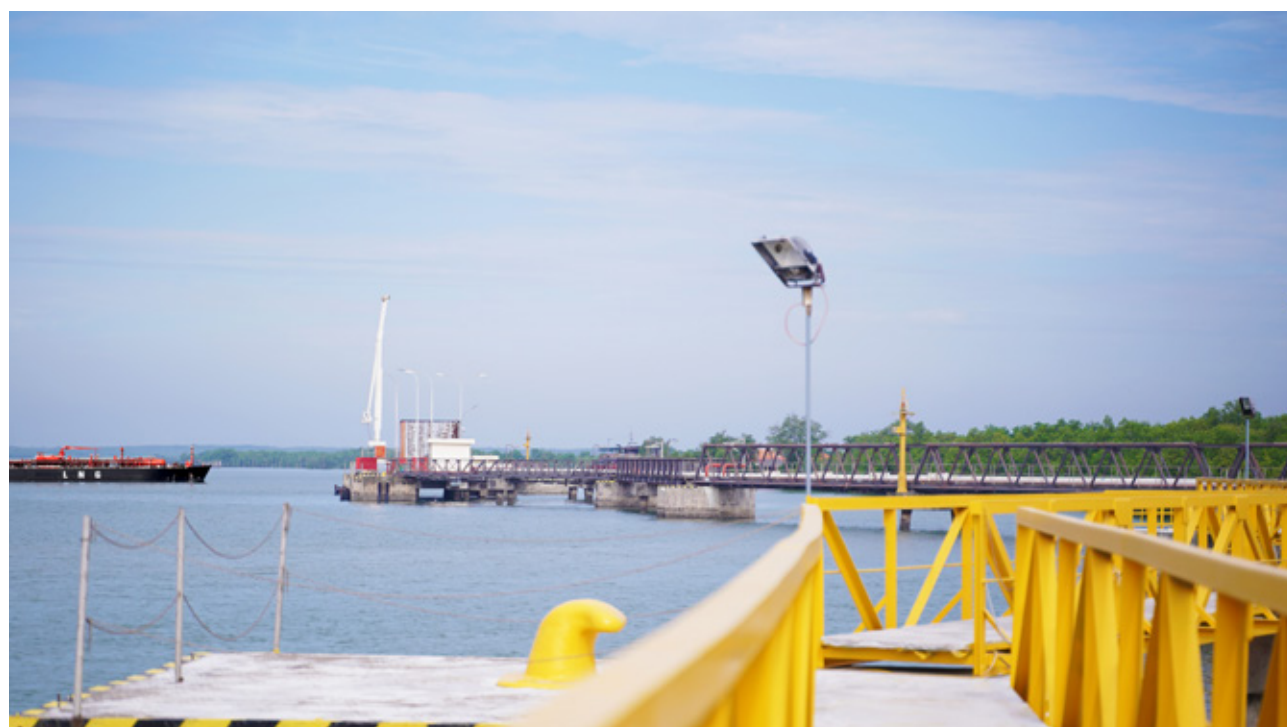
3

Triển khai nghiên cứu xúc tiến đầu tư, hợp tác đầu tư các dự án tiềm năng khác.



4

Đào tạo, chuẩn bị nguồn lực tham gia đấu thầu chủ đầu tư các dự án điện.



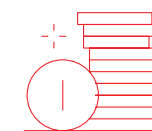
KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH

NHIỆM VỤ TÀI CHÍNH



- Đảm bảo đủ vốn đáp ứng cho SXKD và nhu cầu đầu tư của EVNGENCO 3 năm 2021.
- Tối ưu hóa chi phí tại các đơn vị (tiết kiệm tối thiểu 10%) để đảm bảo kế hoạch lợi nhuận, cổ tức của Tổng Công ty.
- Thực hiện công tác quyết toán các dự án đầu tư xây dựng hoàn thành, đặc biệt là các dự án nguồn điện.
- Nghiên cứu các phương thức huy động vốn cho các dự án mới.
- Tiếp tục xây dựng và triển khai các phương án lành mạnh hóa tài chính và nâng cao năng lực, sức hấp dẫn của EVNGENCO 3 trên thị trường.

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - SẢN XUẤT KINH DOANH



Tổng lợi nhuận trước thuế
(đã bao gồm CLTG)

1.535

TỶ ĐỒNG

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2021 CỦA TỔNG CÔNG TY NHƯ SAU:

Chỉ tiêu	KH 2021 (Tỷ đồng)
Tổng doanh thu	39.791
Tổng chi phí	38.255
Tổng lợi nhuận (chưa bao gồm CLTG)	1.762
Trong đó: Lợi nhuận SXKD điện (chưa bao gồm CLTG)	1.596
Tổng lợi nhuận trước thuế (đã bao gồm CLTG)	1.535

GHI CHÚ

- Với kết quả SXKD (đã bao gồm CLTG) theo kế hoạch năm 2021 là 1.535 tỷ đồng, tỷ suất lợi nhuận/vốn chủ sở hữu đạt 13,7%.
- Kế hoạch SXKD và cổ tức năm 2021 sẽ được ĐHCĐ thường niên năm 2021 quyết định.



Nguồn năng lượng đến từ sự năng động của mỗi con người. Sức mạnh văn hóa doanh nghiệp xây dựng dựa trên nền tảng năng lực của tập thể CBNV EVNGENCO 3 - những người năng động thay đổi để thích ứng, vượt qua những thử thách, hoàn thành xuất sắc mục tiêu và góp phần thúc đẩy doanh nghiệp phát triển.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

72 Mô hình Quản trị Tổng Công ty

78 Quản trị rủi ro

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY

Quản trị doanh nghiệp hiệu quả là yếu tố quyết định sự phát triển ổn định, bền vững của EVNGENCO3, với niềm tin và sự ủng hộ của nhà đầu tư đối với doanh nghiệp. Hệ thống quản trị của chúng tôi thúc đẩy tính chặt chẽ, minh bạch, trung thực, trách nhiệm, tận tâm và đồng lòng của các cấp quản lý hỗ trợ việc đưa ra quyết định đúng đắn kịp thời vì lợi ích chung của Tổng công ty, đối tác, cổ đông và các bên liên quan.



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Với hình quản trị của EVNGENCO 3, ở đó Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất và có quyền quyết định những vấn đề trọng yếu và quan trọng của EVNGENCO3, cụ thể:

- Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị.
- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát.
- Kế hoạch phát triển, các chỉ tiêu chính của kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển hàng năm, ngắn hạn và dài hạn của EVNGENCO3.
- Quyết định về số lượng thành viên Hội đồng quản trị.
- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ và quy chế nội bộ về quản trị EVNGENCO 3.
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán.
- Quyết định giao dịch đầu tư, bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của EVNGENCO3 được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán.
- Các quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông quy định theo pháp luật và Điều lệ của EVNGENCO 3.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý EVNGENCO 3, có toàn quyền nhân danh EVNGENCO 3 để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của EVNGENCO 3, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Mọi hoạt động của HĐQT phải tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế nội bộ về quản trị EVNGENCO 3 và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với mọi hoạt động và sự phát triển của EVNGENCO 3.

Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị EVNGENCO 3, như sau

- Giám sát và quản lý hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty;
- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của EVNGENCO3.
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua.
- Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người điều hành khác.
- Quyết định các quy chế quản lý nội bộ của EVNGENCO3.
- Quyết định cơ cấu tổ chức của EVNGENCO3; quyết định thành lập, cơ cấu tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể đơn vị trực thuộc của EVNGENCO3.
- Quyết định các giải pháp thị trường và phát triển công nghệ.
- Định hướng doanh nghiệp đảm bảo các mục tiêu phát triển bền vững;
- Chỉ đạo và giám sát hoạt động Quản trị rủi ro.
- Và các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ hiện hành của EVNGENCO 3.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

► Phụ trách điều hành công việc kinh doanh của Tổng Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Các nhiệm vụ chính của Ban Tổng Giám đốc tại Tổng Công ty:

- Thúc đẩy văn hóa làm việc liên chính tại Tổng Công ty;
- Điều hành, giám sát việc thực hiện các kế hoạch trung - dài hạn và hoạt động quản trị rủi ro tại EVNGENCO 3;
- Xây dựng và kiểm tra hoạt động phát triển bền vững của TCT, thúc đẩy mô hình kinh doanh bền vững tạo ra giá trị lâu dài;
- Thực hiện vai trò thiết lập chính sách, đánh giá về tính đầy đủ của hệ thống quản trị rủi ro và điều hành nội bộ của TCT;
- Gặp gỡ làm việc với cổ đông.

BAN KIỂM SOÁT

► thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng Cổ đông và cổ đông của Tổng Công ty về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Ban kiểm soát có trách nhiệm:

- Tư vấn về tính hợp lý, hợp pháp mức độ rủi ro của các chiến lược, kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp.
- Kiểm tra tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020

STT	Họ và tên	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Ông Đinh Quốc Lâm - Chủ tịch HĐQT	13	100%	
2	Ông Lê Văn Danh - Thành viên HĐQT	13	100%	
3	Ông Trương Quốc Phúc - Thành viên HĐQT	13	100%	
4	Ông Nguyễn Minh Khoa - Thành viên HĐQT	13	100%	
5	Ông Đỗ Mộng Hùng - Thành viên HĐQT	13	100%	

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (Bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)

Trong năm 2020, HĐQT Tổng Công ty Phát điện 3 tổ chức 13 buổi họp thông qua 155 Nghị quyết, Quyết định (tại các phiên họp trực tiếp hoặc xin ý kiến bằng văn bản) với tỷ lệ thông qua là 100%. Để thực hiện chức năng quản trị hoạt động của Tổng Công ty và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện chức năng điều hành, thực hiện các nhiệm vụ SXKD được ĐHĐCĐ giao, cụ thể như sau:

- 1 Chỉ đạo tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 theo đúng quy định pháp luật và điều lệ Tổng Công ty, và thông qua các kế hoạch SXKD của Tổng Công ty.
- 2 HĐQT sử dụng bộ máy tham mưu giúp việc trong Tổng Công ty đảm bảo các công việc trong Tổng Công ty tuân thủ theo đúng chức năng, nhiệm vụ tại Điều lệ, các Quy chế quản lý nội bộ và các quy định của pháp luật liên quan.
- 3 HĐQT định kỳ tham gia các cuộc họp giao ban hàng tuần, tháng, quý, nhằm theo dõi sát sao các hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị trong TCT, nhằm kịp thời chỉ đạo đảm bảo chỉ tiêu được ĐHĐCĐ thông qua. Đồng thời chỉ đạo và phối hợp với Ban Tổng giám đốc trong việc điều hành, thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY (tiếp theo)

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự
1	Ông Phạm Hùng Minh	4	100%	100%	
2	Ông Đậu Đức Chiến	4	100%	100%	
3	Bà Vũ Hải Ngọc	4	100%	100%	

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2020, Ban kiểm soát thực hiện chức năng giám sát tình hình quản trị Tổng Công ty và giám sát kết quả thực hiện kế hoạch SXKD đã được ĐHĐCĐ thường niên 2020 thông qua cụ thể:

1

Ban kiểm soát thực hiện giám sát Tổng Công ty và các đơn vị thành viên trong việc thực hiện hoạt động công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

2

Kiểm soát tình hình thực hiện Nghị quyết số 2140/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/6/2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019. Lập báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

3

Thực hiện kiểm soát trực tiếp đối với Người đại diện, KSV do Tổng Công ty cử tại Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình, qua đó kiểm soát các mặt hoạt động của Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình.

4

Thẩm định: Báo cáo quyết toán quỹ tiền lương sản xuất điện năm 2019; Kế hoạch quỹ tiền lương năm 2020; Báo cáo tài chính năm 2019; Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2020 của Tổng Công ty.

5

Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn chọn Công ty TNHH PwC Việt Nam thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 của Tổng Công ty. Giám sát kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính Tổng Công ty năm 2019, báo cáo tài chính giữa niên độ 2020 và kiểm toán BCTC năm 2020.

6

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ EVNGENCO 3 một cách trung thực, thận trọng vì lợi ích của Tổng Công ty và cổ đông.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc:

1

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các Ban, các Đơn vị thành viên trong Tổng công ty để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ do Đại hội cổ đông giao.

2

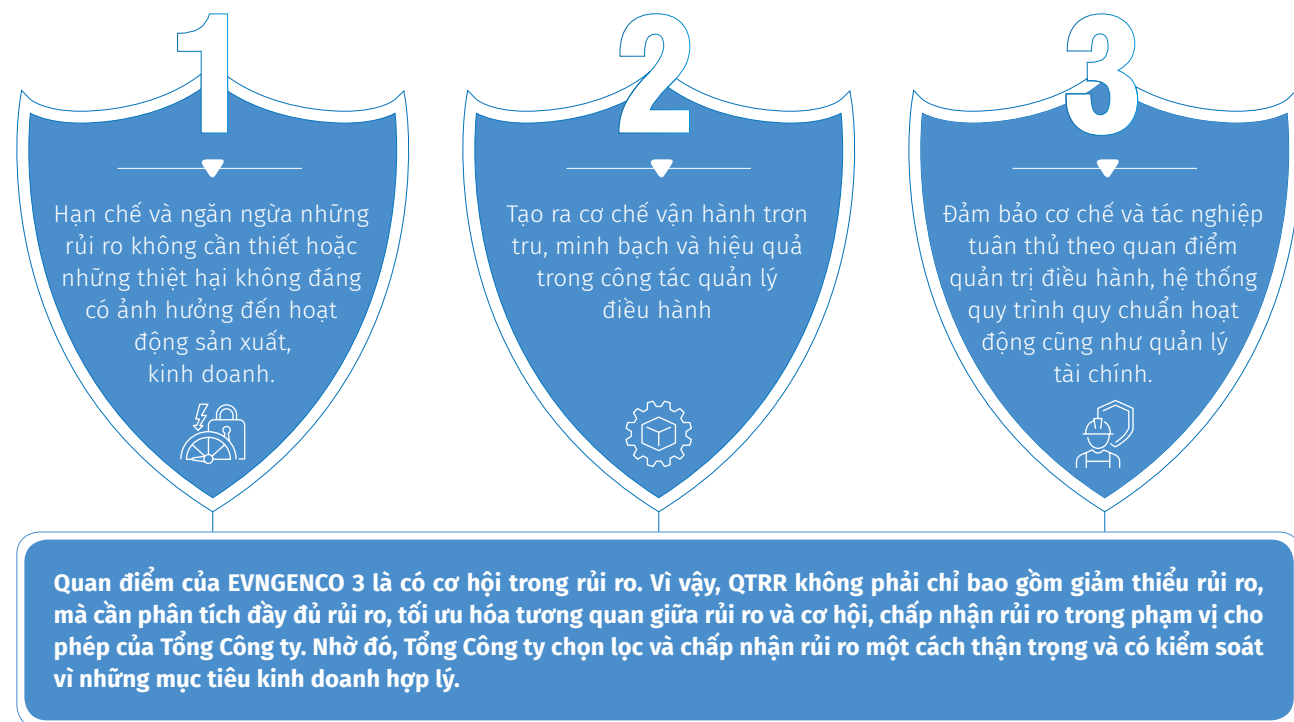
Hội đồng quản trị Tổng công ty đã cung cấp kịp thời, đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát thông qua chương trình E-office, Tổng giám đốc đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty khi có yêu cầu.

3

Hội đồng quản trị Tổng công ty, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý của Tổng công ty đã có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh.



EVNGENCO 3 xây dựng khung Quản trị rủi ro hướng đến thông lệ và chuẩn mực quốc tế, nhưng vẫn đảm bảo phù hợp với mô hình tổ chức và môi trường hoạt động kinh doanh của Việt Nam. Công tác Quản trị rủi ro (“QTRR”) tại EVNGENCO 3 được xây dựng và triển khai nhằm các mục tiêu chính sau đây:



HỆ THỐNG QUẢN TRỊ RỦI RO

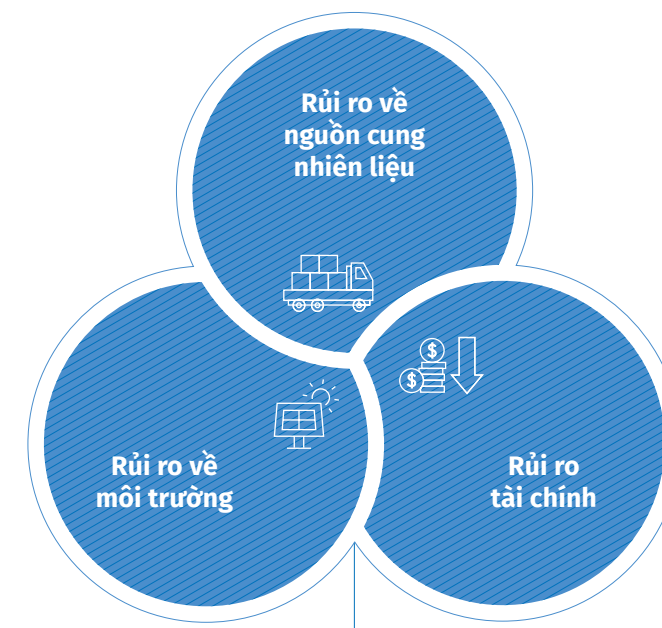
EVNGENCO 3 có trách nhiệm thiết lập hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả, toàn diện và đồng bộ, liên thông giữa các cấp, trong đó xác định rõ cơ cấu tổ chức và kế hoạch quản trị rủi ro tại EVNGENCO 3.

Cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro được thiết lập tích hợp với cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của EVNGENCO 3 trong đó phải có sự tham gia của cấp quản lý, điều hành cao nhất tại EVNGENCO 3, Đơn vị; các Ban; Phòng chuyên môn nghiệp vụ và bộ phận kiểm soát tuân thủ của EVNGENCO3.

EVNGENCO3 đã áp dụng ISO/IEC 21001 là hệ thống quản lý an ninh thông tin (ISMS) để đánh giá theo các tiêu chuẩn quốc tế. Chứng nhận theo tiêu chuẩn ISO 21001 sẽ thiết lập và duy trì một hệ thống quản lý hiệu quả giúp EVNGENCO 3 kiểm soát tính an toàn và bảo mật tài sản thông tin của đơn vị mình.

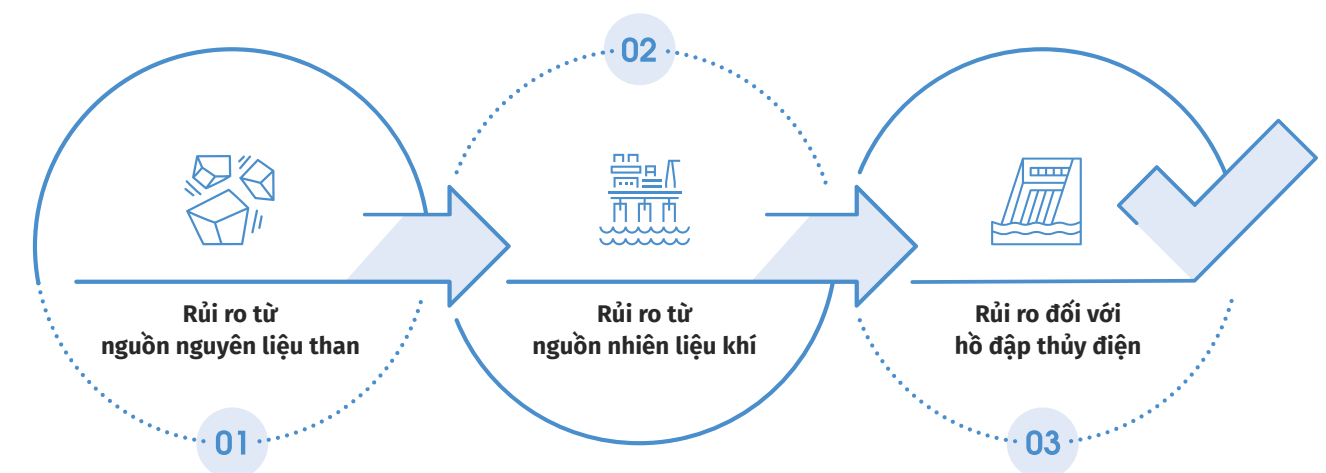
QUẢN TRỊ CÁC NHÓM RỦI RO CHÍNH

Do bản chất hoạt động kinh doanh của mình, Tổng Công ty đối mặt với nhiều rủi ro đặc biệt là rủi ro về nguồn cung nhiên liệu, rủi ro tài chính, rủi ro môi trường liên quan đến sự phát triển của hệ thống điện Quốc gia và sự phát triển bền vững và môi trường. EVNGENCO 3 xây dựng hệ thống khung Quản trị rủi ro hướng đến thông lệ và chuẩn mực quốc tế, nhưng vẫn đảm bảo phù hợp với mô hình tổ chức và môi trường hoạt động kinh doanh của Việt Nam. Hệ thống này là tập hợp các quy tắc, thủ tục và cơ cấu tổ chức nhằm xác định, đo lường, giám sát và quản lý các rủi ro chính áp dụng cho Tổng Công ty.



RỦI RO VỀ NGUỒN NGUYÊN NHIÊN LIỆU

EVNGENCO 3 hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực năng lượng, cho nên bất kỳ sự thay đổi về giá và nguồn cung nguyên vật liệu đều có thể tác động đáng kể đến kết quả hoạt động kinh doanh của TCT nếu không được quản lý một cách hiệu quả. Tình hình quản trị rủi ro nguồn cung và biến động giá nguyên nhiên liệu đầu vào tại EVNGENCO 3 cụ thể như sau:





QUẢN TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

Rủi ro từ nguồn nguyên liệu than



Theo đánh giá của Bộ Công Thương, nguồn nhiệt điện than tiếp tục chiếm tỷ trọng rất cao nên nhu cầu than cho sản xuất điện cũng tăng nhanh. Trong năm 2020, lượng than cung cấp cho nhiệt điện khoảng 63 triệu tấn. Dự báo đến năm 2025, tiêu thụ khoảng 95 triệu tấn than. Đến năm 2030, tiêu thụ khoảng 129 triệu tấn than.

Do đó trong các năm tiếp theo, nếu các tổ máy phát điện không đáp ứng yêu cầu về độ tin cậy vận hành và không đảm bảo đủ nhiên liệu thì sẽ chịu sức ép rất lớn từ nguồn nhiên liệu than nhập khẩu.

Trước thực trạng chung, Tổng Công ty đảm bảo đốc thúc các đơn vị cung cấp than trong nước cung cấp than đầy đủ theo các hợp đồng dài hạn và hàng năm đã ký kết theo đúng cam kết. Triển khai đốt than trộn để đa dạng hóa nguồn than cung cấp và tối ưu hiệu quả vận hành. Bên cạnh đó triển khai Hợp đồng mua bán than trung hạn đảm bảo nguồn than nhập khẩu phù hợp, tối ưu cho việc phối trộn vận hành.

Rủi ro từ nguồn nhiên liệu khí



Hiện tại công suất nhiệt điện Khí chiếm gần 50% tổng công suất phát điện của EVNGENCO 3.

Nhu cầu nhiên liệu khí phục vụ cho hoạt động sản xuất điện ngày càng tăng. Nhưng nguồn cung nhiên liệu khí ngày càng cạn kiệt.

Theo tính toán của Cục điện lực và Năng lượng tái tạo, Việt Nam sẽ cần nhập khẩu khí LNG, bù đắp sản lượng khí thiếu hụt cho sản xuất điện trong những năm tiếp theo.

Để đảm bảo hoạt động xuyên suốt, ổn định cho các tổ máy của Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ đảm bảo điện phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội. Tổng Công ty đã tiến hành ký kết triển khai nhập khẩu khí LNG bổ sung cho phần khí thiếu hụt.

Rủi ro đối với hồ đập thủy điện



Với 385 nhà máy thủy điện đang hoạt động, tổng dung tích hồ chứa khoảng 56 tỷ m³ nước, chiếm 86% tổng dung tích hồ chứa trên cả nước, nhiều chuyên gia đã lên tiếng cho rằng cần thiết phải kiểm tra và đánh giá mức an toàn của tất cả các đập thủy điện trên toàn vùng, từ đó đề ra các biện pháp phù hợp bảo đảm an toàn cho từng hồ đập.

Công tác quản lý, vận hành an toàn các đập thủy điện không chỉ góp phần quan trọng trong sản xuất điện đảm bảo an ninh năng lượng mà còn cung cấp nước, hỗ trợ cắt, giảm hoặc làm chậm lũ cho vùng hạ du, bảo đảm an ninh lương thực và ổn định trật tự, an toàn xã hội.

Gánh vác trách nhiệm chung với xã hội, cộng đồng, Tổng Công ty luôn tổ chức khảo sát, đánh giá tình trạng hồ đập định kỳ. Giám sát thường xuyên công tác quản lý, vận hành đảm bảo yêu cầu về quy hoạch, kỹ thuật và an toàn.

RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Tổng Công ty nhận thức rằng đi đôi với việc phát triển năng lượng đảm bảo an ninh năng lượng điện Quốc gia. Chúng tôi cũng cần đảm bảo sự phát triển an toàn của môi trường và cộng đồng xung quanh. Với phương châm “nhà máy ở đâu, màu xanh ở đó”. EVNGENCO

3 cam kết có những hành động quyết liệt đảm bảo tuân thủ nghiêm túc, đầy đủ các quy định Luật Bảo vệ Môi trường và các văn bản liên quan.

Đảm bảo thực hiện quan trắc, kiểm tra, giám sát định kỳ các thông số về

khí thải, nước thải, nước làm mát và môi trường xung quanh đều trong mức an toàn.

Quản lý tro xỉ, bãi xỉ được kiểm soát tốt, thúc đẩy xử lý tiêu thụ tro, xỉ ổn định lâu dài



 Tái sử dụng triệt để các nguồn nước thải sau xử lý đạt yêu cầu phục vụ cho các mục đích hợp lý trong hoạt động sản xuất của nhà máy nhằm tiết kiệm nguồn tài nguyên nước, đảm bảo đúng quy định về môi trường.

RỦI RO VỀ CẠNH TRANH



Theo dự báo, nhu cầu phụ tải thường xuyên vượt khả năng cung cấp trong nhiều năm tới, tính cạnh tranh giữa các nhà máy điện là không đáng kể. Tuy nhiên, sự vận hành của thị trường điện cạnh tranh bán buôn sẽ gia tăng mức độ cạnh tranh giữa các đơn vị cung cấp điện. EVNGENCO 3 có thể phải cạnh tranh với các doanh nghiệp sản xuất điện khác trong việc ký kết hợp đồng mua bán điện trực tiếp với các khách hàng.

Tổng Công ty tiếp tục nghiên cứu nhằm triển khai các dự án mới trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, góp phần đảm bảo ổn định an ninh năng lượng Quốc gia nhằm đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội.



QUẢN TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

RỦI RO VỀ CHÁY NỔ



Theo thống kê của bộ PCCC trong những năm qua tình hình cháy, nổ diễn biến ngày càng phức tạp. Trung bình mỗi năm xảy ra 2.230 vụ cháy, làm chết 72 người, bị thương 191 người, thiệt hại khoảng 1.229 tỉ đồng. Nếu tính cả thiệt hại gián tiếp (ngưng sản xuất kinh doanh; đầu tư khôi phục sau cháy, nổ...) thì tổng thiệt hại sẽ tăng lên gấp nhiều lần. Nhiều vụ cháy đã để lại hậu quả nặng nề cho con người, tác động xấu đến môi trường, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội. Để đảm bảo an toàn và phòng chống rủi ro cháy nổ, Tổng Công ty sử dụng công cụ tài trợ, mua bảo hiểm cháy nổ đối với tài sản, thiếu bị chính trong NMDH nhằm hạn chế rủi ro, chuyển giao rủi ro cho các công ty bảo hiểm.

RỦI RO VỀ KINH TẾ

Điện đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển Kinh tế - Xã hội của Quốc gia. Tốc độ tăng trưởng phụ tải hàng năm tương đương với tăng trưởng GDP.



Năm 2020, do ảnh hưởng từ đại dịch Covid - 19 kinh tế bị ảnh hưởng, Việt Nam tăng trưởng GDP đạt 2,91% (9T2020) tương ứng với mức tăng trưởng phụ tải 2,9%. Tuy nhiên theo dự báo của Quỹ tiền tệ Quốc tế dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam sẽ phục hồi về mức 7% trong năm 2021. Đây là tín hiệu tích cực cho toàn nền kinh tế nói chung và ngành điện nói riêng. Nhưng nội tại nền kinh tế vẫn đang tiềm ẩn nhiều rủi ro về những bất ổn tài chính - tiền tệ, dịch bệnh chưa được giải quyết dứt điểm.

Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP luôn chuẩn bị nhiều phương án sẵn sàng cho những thách thức về kinh tế vĩ mô tìm kiếm cơ hội trong nguy cơ.





33.254 TRIỆU KWH
ĐIỆN CUNG CẤP CHO CỘNG ĐỒNG NĂM 2020

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 89 Mô hình quản trị bền vững
- 90 Tầm nhìn bền vững
- 90 Phát triển nhân sự bền vững
- 94 Môi trường và xã hội
- 100 Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về các mục tiêu tăng trưởng bền vững



Thách thức của chúng tôi là phải duy trì hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty phát triển ổn định về mặt sản lượng điện đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia, vừa giảm thiểu sự tác động đến môi trường, đầu tư có trách nhiệm, tiết kiệm và gìn giữ nguồn tài nguyên cho thế hệ tương lai.



Phát triển bền vững là trọng tâm trong tất cả các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP. Từ đó, xác định phương thức kinh doanh trách nhiệm trong việc ứng dụng công nghệ năng lượng sạch, đảm bảo các tiêu chuẩn bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn tài nguyên và an toàn của sản phẩm vì lợi ích của thế hệ tương lai.



Với sự tập trung vào sự phát triển bền vững vào từng khu vực có nhà máy của Tổng công ty. Chúng tôi xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng, trường - trạm đảm bảo cuộc sống cho cộng đồng dân cư xung quanh nhà máy cũng như tạo công ăn việc làm cho người dân trong khu vực, đảm bảo ngân sách đóng góp vào ngân sách của địa phương.

Các hoạt động kinh doanh bền vững của chúng tôi, dựa trên tính chính trực, công bằng, minh bạch và trách nhiệm. Thông qua các chương trình của Tổng công ty, chúng tôi đảm bảo tính an toàn, hạnh phúc của nhân viên và cam kết vì quyền bình đẳng và sự phát triển lâu dài của xã hội.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ BỀN VỮNG

⚡ Quản trị phát triển bền vững là trọng tâm trong mọi hoạt động quản trị và vận hành của Tổng Công ty.

Cơ sở quản trị doanh nghiệp

Nền tảng của quản trị công ty bền vững là việc tuân thủ tốt các nguyên tắc quản trị công ty đã thông qua. Với tư cách là cấp quản lý cao nhất, Hội đồng Quản trị TCT có vai trò định hướng chiến lược chung và thông qua các mục tiêu chính yếu về kế hoạch phát triển bền vững; cam kết phục vụ vì lợi ích của cổ đông để đạt được sự tăng trưởng bền vững về giá trị công ty. Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm toàn bộ về các chính sách và mục tiêu phát triển bền vững của TCT.

EVN GENCO 3 tích hợp các chiến lược hoạt động và các mục tiêu kinh doanh và chiến phát triển bền vững của TCT. Ban điều hành đảm nhiệm vai trò triển khai một cách có hệ thống cả cơ hội và rủi ro của hoạt động kinh doanh trong các chiến lược, quy trình và hệ thống quản lý và đảm bảo các mục tiêu về phát triển bền vững của Tổng Công ty.

Quản trị phát triển bền vững tại EVNGENCO 3 được thống nhất từ Tổng Công ty đến các đơn vị thành viên, từ cấp quản lý đến nhân viên vận hành. Các Đơn vị thành viên và các Phòng Ban chức năng có nhiệm vụ triển khai thực hiện kế hoạch phát triển bền vững theo định hướng của Ban Điều hành và Hội đồng Quản trị. Đồng thời, ở vai trò trực tiếp thực hiện các đơn vị và phòng ban còn có trách nhiệm thường xuyên báo cáo, phân tích các vấn đề phát sinh để đề xuất chương trình, mục tiêu phát triển bền vững phù hợp.

Kiểm soát rủi ro phát triển bền vững: Định kỳ Ban kiểm soát giám sát và tư vấn cho Hội đồng Quản trị về các chiến lược, mục tiêu kinh doanh và phát triển bền vững. Truyền thông các mục tiêu, kế hoạch chi tiết cho các Đơn vị thành viên/Ban chức năng và tổ chức triển khai, kiến nghị điều chỉnh để đảm bảo các mục tiêu đã đề ra.

TẦM NHÌN BỀN VỮNG

⚡ Hoạt động kinh doanh bền vững của EVNGENCO 3 dựa trên tính chính trực, công bằng, minh bạch và trách nhiệm. Nguồn năng lượng chúng tôi tạo ra là năng lượng sạch và tôn trọng sự bình đẳng về quyền con người là mục tiêu không thể thiếu trong các hoạt động quản trị, kinh doanh của mình.



PHÁT TRIỂN NHÂN SỰ BỀN VỮNG

Thế giới chúng ta đang thay đổi. Toàn cầu hóa, đô thị hóa và số hóa đang thay đổi cách tiến hành hoạt động kinh doanh của mình. Bên trong những thay đổi này có cả thách thức và cơ hội. EVNGENCO 3 xem người lao động là yếu tố quan trọng nhất giúp chúng tôi nắm bắt những cơ hội để phát triển cũng như vượt qua thách thức trước sự thay đổi. Chúng tôi cố gắng trong khả năng của mình để thu hút và giữ chân nhân tài; xây dựng môi trường làm việc an toàn, lành mạnh, thúc đẩy cơ hội và sự bình đẳng.

Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP phấn đấu trở thành nhà tuyển dụng được chọn của các ứng viên. Dựa trên các tiêu chí tuyển dụng công bằng và minh bạch:

- Quy trình tuyển dụng đảm bảo tuân thủ nguyên tắc công bằng, minh bạch dựa trên năng lực và khả năng đóng góp của ứng viên. Đối xử bình đẳng, tôn trọng đối với tất cả các ứng viên không phân biệt nguồn gốc dân tộc, tôn giáo, tuổi tác, bản dạng tình dục, thể giới quan hoặc giới tính;
- Thu hút và chào đón tất cả các ứng viên phù hợp có mong muốn làm việc trong môi trường chuyên nghiệp, hiệu quả. Nguyên tắc ứng xử trong môi trường làm việc của chúng tôi: cử xử đúng, xây dựng niềm tin, bảo vệ công ty, là người quản lý có trách nhiệm đặc biệt đảm bảo thực hiện đúng vai trò, trách nhiệm và quyền lợi của mình;
- Xây dựng môi trường làm việc đảm bảo hài hòa giữa lợi ích của doanh nghiệp và lợi ích của người lao động. Chế độ lương thưởng phù hợp với những đóng góp nổi bật của cán bộ, nhân viên;
- Chú trọng phát triển nguồn nhân lực thông qua việc triển khai hiệu quả chương trình đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao hiểu biết, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên; trao quyền cho tất cả nhân viên để chịu trách nhiệm trong vai trò của họ; ưu tiên tuyển dụng các vị trí lãnh đạo từ nguồn cán bộ tiềm năng nội bộ.



Cơ cấu nhân sự



Tổng nhân sự Tổng Công ty Phát điện 3

CTCP đến tháng 12/2020

2.778

NGƯỜI

Trong đó:

Lao động SXĐ: **2.073** người.

Lao động Công ty EPS
(bao gồm lao động SC VT4,
VT4MR, TB): **727** người.

Lao động của
Ban QLDA Vĩnh Tân: **10** người.

TCT đã thực hiện sắp xếp lao động, tuyển dụng và sử dụng lao động để tối ưu hóa năng suất lao động. Cụ thể:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2020	TH 2020
1	Điện sản xuất/lao động	Tr.kWh/ng	15,30	15,51
	Trong đó Công ty mẹ	Tr.kWh/ng	23,37	22,60
2	Số lao động/đơn vị công suất lắp đặt	Người/MW	0,38	0,34
	Trong đó Công ty mẹ	Người/MW	0,27	0,25

Cơ cấu lao động trên bao gồm lực lượng có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, từ đại học trở lên đạt 48%; lao động có độ tuổi dưới 40 chiếm gần 64% đây là độ tuổi vàng để thực hiện công việc đạt hiệu quả cao nhất, đóng góp qua trọng vào kết quả kinh doanh; Tỷ lệ nữ giới trên toàn công ty đạt: 17%.

Chế độ làm việc tại EVNGENCO 3 làm việc 8h/ngày. Mỗi tuần người lao động được nghỉ ít nhất 48h liên tục. Tất cả cán bộ, công nhân viên được hưởng chế độ nghỉ lễ, nghỉ phép, nghỉ việc riêng có hưởng nguyên lương theo quy định của Luật Lao động; ngoài ra, TULĐTT quy định hơn 10 điểm có lợi hơn cho người lao động so với quy định của pháp luật lao động.

Ưu đãi và phúc lợi: Tổng Công ty hành động theo quy định thống nhất cung cấp cho tất cả người lao động những lợi ích hỗ trợ sức khỏe thể chất và tinh thần và tài chính. Những ưu đãi và phúc lợi bao gồm: Chế độ lương thưởng cho người lao động tương ứng với mức độ, tính chất công việc; đảm bảo trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật; tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể người lao động; xây dựng khu cư xá dành cho người lao động và gia đình của họ. Chúng tôi còn thường xuyên ra soát, điều chỉnh chính sách phúc lợi, tạo thêm nhiều ưu đãi thiết thực để đảm bảo an sinh cho toàn thể cán bộ nhân viên.



TẦM NHÌN BỀN VỮNG (tiếp theo)



Chương trình đào tạo chuyên nghiệp và học tập trọn đời

Sự thành công và phát triển bền vững của Tổng Công ty gắn liền với những nhân viên có trình độ cao: Việc tuyển dụng, đào tạo ứng viên có trình độ kỹ năng phù hợp, có khả năng học tập trọn đời là yếu tố quan trọng để chúng tôi phát triển hơn nữa. Tại EVNGENCO 3 chúng tôi xây dựng các chương trình đào tạo nhằm bồi đắp kỹ năng, kiến thức chuyên môn cho toàn thể cán bộ, nhân viên thông qua các hình thức: đào tạo qua thực tiễn công việc(70%); đào tạo qua kèm cặp (20%) và đào tạo thông qua các khóa đào tạo (10%); trong đó ưu tiên các khóa đào tạo chuyên sâu, đào tạo chuyên gia nhằm thay thế các chuyên gia nước ngoài qua đó tiết giảm chi phí. Năm 2020, bởi ảnh hưởng của đại dịch Covid 19, TCT triển khai đào

tạo thông qua hệ thống E - Learning giúp tiếp cận nhiều hơn đến toàn thể người lao động. Bên cạnh đào tạo về chuyên môn, kỹ thuật, EVNGENCO 3 có rất nhiều chương trình gắn liền với đào tạo, như chương trình đào tạo cố vấn (một kèm một), điều phối luân phiên lực lượng sửa chữa giữa các đơn vị, tổ chức các cuộc thi tay nghề, thợ giỏi. Qua đó tạo ra sự đồng đều về tay nghề, trình độ giữa các lực lượng, đơn vị.

Kết quả thông qua các khóa đào tạo, chúng tôi đã hợp tác với rất nhiều trung tâm, tổ chức uy tín trong khu vực về đào tạo phát triển nguồn nhân lực: GE, MHPS, ABB, Kepco, Tepco,.. chính vì thế mà EVNGENCO 3 sở hữu đội ngũ chuyên gia giỏi - lực lượng này dần thay thế các chuyên gia nước ngoài qua các kỳ sửa chữa lớn và nay đã trở thành đối tác tin tưởng để chia sẻ kinh nghiệm cho các đơn vị bạn.

Chúng tôi còn chú trọng đào tạo đội ngũ quản lý, lực lượng nòng cốt đến nay 100% cán bộ đương nhiệm và trong quy hoạch được đào tạo đạt chuẩn trình độ về quản lý, chính trị, ngoại ngữ - cán đích sớm so với mục tiêu EVNGENCO 3 đặt ra là đến năm 2020.



Sức khỏe và an toàn lao động

Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp gắn liền với thực tiễn kinh doanh của chúng tôi và là cam kết cho hoạt động quản trị bền vững của Tổng Công ty. Nó được đưa vào hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro của toàn Tổng Công ty.

Đối với chúng tôi sức khỏe và an toàn nghề nghiệp vượt xa ngoài việc chỉ đơn giản tuân thủ pháp luật và tiêu chuẩn. Chúng tôi không chỉ duy trì sức khỏe, hạnh phúc của nhân viên mà còn tích cực thúc đẩy và cải thiện để ngày càng hoàn thiện hơn.

Nguyên tắc này áp dụng cho nhân viên của chúng tôi, mà còn dành cho khách hàng, đối tác, người hỗ trợ kinh doanh. Mục tiêu của chúng tôi là tích hợp sức khỏe và an toàn nghề nghiệp vào tất cả các quy trình kinh doanh duy trì nó tồn tại lâu dài trong văn hóa doanh nghiệp của TCT. Trọng tâm là thu hút sự quan tâm, cam kết chấp hành của toàn thể nhân viên trong việc định hình điều kiện và môi trường làm việc của họ.

EVNGENCO 3 triển khai thực hiện quản lý sức khỏe và an toàn nghề nghiệp theo tiêu chuẩn ISO 45001 nhằm tạo môi trường làm việc an toàn, giảm thiểu nguy cơ tai nạn và chủ động trong việc quản lý rủi ro về an toàn, vệ sinh lao động. Đưa sức khỏe và an toàn lao động vào các chương trình đào tạo rộng rãi tại Tổng Công ty.





MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI



Môi trường

Là doanh nghiệp dẫn đầu về công suất phát điện trên toàn hệ thống điện quốc gia. Chúng tôi nhận thức được những tác động của hoạt động sản xuất kinh doanh của mình đối với môi trường. Vì vậy Tổng công ty luôn chú trọng từ việc lựa chọn sử dụng những nguồn nhiên liệu thân thiện với môi trường đến công tác xử lý chất thải luôn đảm bảo tuân thủ các yêu cầu về môi trường của nhà nước.



Trong chiến lược kinh doanh của mình, chúng tôi tập trung sử dụng các nguồn năng lượng sạch đảm bảo an toàn từ khâu cung ứng nguồn nguyên, nhiên liệu đến khâu xử lý nguyên liệu thô, tạo ra sản phẩm và xử lý thải đảm bảo quy chuẩn theo luật pháp hiện hành. Và chú trọng đặc biệt đến khâu xử lý chất thải, khí thải.

Bố trí đầy đủ và vận hành thường xuyên các công trình bảo vệ môi trường theo quy định. Kết quả quan trắc, giám sát định kỳ, trực tuyến các thông số về khí thải, nước thải, nước làm mát và môi trường xung quanh đều nằm trong giới hạn cho phép. Hệ thống quan trắc môi trường online và truyền số liệu của các NMNĐ về Sở TN&MT địa phương được lắp đặt đầy đủ và đảm bảo hoạt động ổn định, thông suốt.

Các NMNĐ Phú Mỹ, Vĩnh Tân 2, Mông Dương 1, Ninh Bình đã hoàn thành lắp đặt thiết bị quan trắc môi trường trực tuyến, camera giám sát và truyền dữ liệu về Sở TN&MT địa phương

theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015, Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 và Thông tư số 24/2017/TT-BTNMT ngày 01/9/2017. Đồng thời cũng đã hoàn thành lắp đặt bổ sung thiết bị quan trắc môi trường online theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019.

Các NMNĐ Vĩnh Tân 2 và Mông Dương 1 đã hoàn thành lắp đặt bảng điện tử hiển thị số liệu quan trắc môi trường online để công khai, minh bạch hóa thông tin về công tác quản lý môi trường đến cộng đồng; đã được cấp giấy chứng nhận HTQL môi trường theo tiêu chuẩn TCVN ISO 14001:2015.

Chúng tôi đặc biệt chú trọng hoạt động xử lý tro, xỉ thải. Năm 2020, tình hình được kiểm soát tốt, đảm bảo môi trường. Bãi xỉ các nhà máy đảm bảo ổn định, an toàn. Tính đến 2020, số lượng tro, xỉ thải ở Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương đã được tiêu thụ 100%. Tại Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 NMNĐ Vĩnh Tân 2 tiêu thụ đạt 49,45% (đạt khoảng 540.000 tấn tro xỉ).



Trong chiến lược kinh doanh của mình, chúng tôi tập trung sử dụng các nguồn năng lượng sạch đảm bảo an toàn từ khâu cung ứng nguồn nguyên, nhiên liệu đến khâu xử lý nguyên liệu thô, tạo ra sản phẩm và xử lý thải đảm bảo quy chuẩn theo luật pháp hiện hành. Và chú trọng đặc biệt đến khâu xử lý chất thải, khí thải.

Hiện nay, CTNĐ Vĩnh Tân đã hoàn tất các thủ tục cần thiết, đang chờ UBND tỉnh Bình Thuận chính thức cho phép triển khai dự án san lấp tại mỏ đá Hang Cò (thuộc xã Vĩnh Tân) bằng tro, xỉ, khối lượng khoảng 400.000 tấn, phần đầu triển khai trong Quý IV/2020.

CTNĐ Vĩnh Tân đang bám sát Cục Hàng hải Việt Nam để sớm thông qua thỏa thuận vị trí, thông số kỹ thuật chi tiết bổ sung công năng cho phép khai thác tạm thời cảng đầu 1.000 tấn thuộc bến cảng NMNĐ Vĩnh Tân 2 tiếp nhận tàu vận chuyển tro xỉ.

Tái sử dụng triệt để các nguồn nước thải sau xử lý đạt yêu cầu phục vụ cho các mục đích hợp lý trong hoạt động sản xuất của nhà máy nhằm tiết kiệm nguồn tài nguyên nước, đảm bảo đúng quy định về môi trường.

Về nguồn thủy văn tại các nhà máy điện, chúng tôi cam kết thực hiện đảm bảo tham gia hoạt động điều tiết lũ lụt, hạn hán ở những địa phương có các nhà máy thủy điện của Tổng Công ty, vừa đảm bảo hiệu quả kinh doanh vừa đảm bảo an toàn cho người dân trong khu vực có ảnh hưởng.





TẦM NHÌN BỀN VỮNG (tiếp theo)

Kế hoạch năm 2021, chúng tôi tiếp tục đẩy mạnh hoạt động giảm thiểu tác động từ môi trường ở khu vực các nhà máy của Tổng Công ty. Đảm bảo môi trường an toàn, sạch sẽ, không gây ảnh hưởng đến môi trường sống của người dân xung quanh.

Duy trì vận hành thường xuyên, tin cậy, ổn định các hệ thống xử lý môi trường, thiết bị quan trắc, giám sát môi trường online (khí thải, nước thải

và nước làm mát) đã được trang bị đồng bộ tại các nhà máy điện. Thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn định kỳ các thiết bị quan trắc môi trường đầy đủ theo quy định.

Kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải thông qua hoạt động quan trắc, giám sát online, định kỳ; hợp đồng với đơn vị chức năng được Bộ TN&MT cấp phép trong việc xử lý chất thải, quan trắc môi trường; tổ chức phân

loại, thu gom, lưu giữ và xử lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại và tổ chức quan trắc, giám sát môi trường định kỳ và báo cáo đầy đủ theo quy định; đảm bảo hệ thống quan trắc môi trường trực tuyến và truyền số liệu của các NMNĐ về Sở TN&MT địa phương hoạt động ổn định, thông suốt; hoàn thành các giấy phép môi trường, phương án bảo vệ môi trường cho các dự án mới đưa vào vận hành.

Triển khai một số hạng mục chính như:



Lắp đặt thêm hệ thống CEMS cho tổ máy S1 NMNĐ Vĩnh Tân 2 để bổ sung tín hiệu quan trắc theo quy định;



Nghiên cứu, xây dựng và đạt chứng nhận hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn TCVN ISO 14001:2015 đối với các nhà máy điện khí;



Tiếp tục nghiên cứu, áp dụng các giải pháp phun nước, phun sương dập bụi theo hướng tự động hóa tích hợp với hệ thống cảnh báo điều kiện thời tiết nhằm đảm bảo ngăn ngừa triệt để bụi phân tán ra môi trường xung quanh;



Triển khai thử nghiệm giải pháp đồng đốt than/biomass cho NMNĐ Ninh Bình nhằm giảm thiểu nồng độ khí thải SOx, đảm bảo các chỉ tiêu về, đáp ứng quy chuẩn môi trường đối với khí thải trong tương lai;



Tiếp tục nghiên cứu, triển khai thực các giải pháp tái tận dụng triệt để các nguồn nước thải sau xử lý với mục tiêu sử dụng nguồn tài nguyên nước hiệu quả, hợp lý.

Các hoạt động bảo vệ tài nguyên môi trường của Tổng Công ty là hoạt động được chú trọng xuyên suốt trong suốt quá trình phát triển hoạt động kinh doanh của chúng tôi. Tổng Công ty sẽ giữ vai trò và trách nhiệm cao nhất trong việc góp phần bảo vệ hành tinh của chúng ta.

Xã hội

Tổng Công ty Phát Điện 3 - CTCP là nhà sản xuất điện năng lớn, sở hữu các nhà máy điện khắp mọi miền tổ quốc. Ở mỗi địa phương mà có sự xuất hiện các nhà máy của Tổng Công ty, chúng tôi dành sự quan tâm, mong muốn hợp tác kết nối lâu dài với cộng đồng địa phương.

EVNGENCO 3 tin rằng sự phát triển của địa phương sẽ giúp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của chúng tôi phát triển thuận lợi và bền vững hơn nữa. Quan điểm của chúng tôi khi làm việc với các cấp lãnh đạo và người dân dựa trên sự tôn trọng, minh bạch, thân thiện cụ thể:



Tôn trọng con người, quy định, văn hóa của từng địa phương;



Giao tiếp cởi mở, trung thực, minh bạch và chia sẻ thông tin kịp thời;



Xây dựng mối quan hệ bền chặt lâu dài;



Tạo điều kiện hỗ trợ người dân trong khu vực tham gia làm việc tại các nhà máy;



Các quy trình làm việc, đầu tư tại địa phương có sự tham vấn, cấp phép của lãnh đạo địa phương;



Cùng đồng hành trong các chương trình giải quyết những vấn đề khó khăn của địa phương;



Đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh không ảnh hưởng đến môi trường, đời sống của khu dân cư xung quanh.



TẦM NHÌN BỀN VỮNG (tiếp theo)



Thông qua các hoạt động xã hội của mình, Chúng tôi đóng góp vào các chương trình và sáng kiến của địa phương nhằm thúc đẩy, củng cố chất lượng cuộc sống của người dân địa phương, cũng như đóng góp vào ngân sách các tỉnh. Sự hỗ trợ của EVNGENCO 3 tập trung vào:



Các nhà máy của chúng tôi thường nằm ở những nơi vùng sâu vùng xa nên chúng tôi tập trung xây dựng quy hoạch các khu dân cư, cơ sở hạ tầng đường xá, nguồn điện, nước đảm bảo nơi ở ổn định cho dân cư địa phương;



Đảm bảo đời sống phong phú, tiếp cận văn hóa của người dân địa phương bằng cách xây dựng trường học từ cấp mầm non, tiểu học, công viên dành cho con em người dân địa phương. Trao học bổng hỗ trợ kinh phí học tập cho con em gia đình gặp khó khăn;

Về công tác giáo dục, EVNGENCO 3 tiếp tục gia tăng quỹ phúc lợi học đường đóng góp vào công tác y tế, giáo dục, phát triển thể hệ trẻ tại địa phương.



NHỮNG HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI NỔI BẬT CỦA CHÚNG TÔI NĂM 2020

1

Tham gia công tác phòng chống dịch Covid 19. Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP đã đóng góp:

- Vận động CBCNV đóng góp 01 ngày lương và đã đóng góp về cho Quỹ ủng hộ phòng, chống dịch COVID-19 của EVN tổng số tiền là 1,097 tỷ đồng;
- Tại tỉnh Bình Thuận, Chúng tôi hỗ trợ tỉnh trang bị phòng cách lý áp lực âm để điều trị bệnh nhân Covid-19 với số tiền 650 triệu đồng; tặng tiền, nhu yếu phẩm, bảo hộ y tế, khẩu trang và nước sát khuẩn cho các đơn vị y tế trên địa bàn tỉnh;

2

Tham gia ủng hộ phòng chống hạn xâm nhập mặn tại Miền Tây

- Ủng hộ, tài trợ cho nhân dân miền Tây Nam bộ phòng chống hạn xâm nhập mặn với các hoạt động có giá trị khoảng 1,31 tỷ đồng (huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang 02 hệ thống lọc nước mặn thành nước ngọt; huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau 90 bồn chứa nước; 05 hệ thống bồn chứa và dẫn nước sinh hoạt cho 5 điểm trường ở huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau) 01 hệ thống lọc nước mặn thành nước ngọt.

3

Hỗ trợ xây dựng nhà tình nghĩa, tình thương

- Trong năm 2020, EVNGENCO 3 tổng kết hỗ trợ xây dựng cho XX căn nhà tình nghĩa và nhà Đại Đoàn Kết cho gia đình chính sách, người có công với cách mạng. Đây là hoạt động có ý nghĩa thiết thực, cũng như thể hiện trách nhiệm đối với công tác an sinh xã hội tại địa phương.

4

Thực hiện điện mặt trời cho mái ấm tình thương

- Việc tài trợ và tổ chức thực hiện điện mặt trời cho trường học, mái ấm là món quà rất ý nghĩa mà EVNGENCO 3 đã triển khai được trong năm qua, vừa góp phần bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng sống, tiết kiệm điện năng, vừa giúp các cơ sở tiết kiệm được chi phí sử dụng điện; có thêm kinh phí cho mua sắm các nhu yếu phẩm phục vụ các em.

5

Những hoạt động tình nghĩa hướng về đồng bào Miền Trung

- EVNGENCO 3 đã tổ chức vận động mỗi CBCNV đóng góp một ngày lương, quyên góp hiện vật, hiện kim, nhu yếu phẩm để gửi đến các địa phương bị ảnh hưởng bão lũ Tổng Công ty đã trích 500 triệu đồng từ số tiền vận động quyên góp, ủng hộ để trao cho Ủy ban MTTQVN Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thành lập đoàn công tác cứu trợ hơn 30 cán bộ, đoàn thành niên tham gia hỗ trợ địa phương khắc phục thiệt hại sau ảnh hưởng của bão lũ; Trao tặng nhiều dụng cụ học tập, nhu yếu phẩm cho các trường học tại địa bàn tỉnh Quảng Bình;
- Trao tặng 40 bộ máy vi tính, 4000 quyển vở, 10 quạt trần, 200 mền và khăn mặt cho trẻ em và nhiều phần quà khác tại 2 điểm trường học ở tỉnh Gia Lai.

6

Triển khai đánh giá chứng chỉ Bình đẳng giới toàn cầu EDGE, tổng kết hoạt động công tác bình đẳng giới giai đoạn 2017 - 2019

- Triển khai kế hoạch đánh giá chứng chỉ Bình đẳng giới toàn cầu-EDGE-đây là chứng chỉ uy tín trong công tác bình đẳng giới; ngoài ra, Công đoàn phối hợp chuyên môn tổ chức Hội nghị biểu dương, khen thưởng, biểu dương 29 Nữ CNVCLĐ giỏi tiêu biểu và 20 cán bộ Nữ công tiêu biểu cấp Tổng Công ty năm 2020.
- Năm 2021, Tổng công ty sẽ tiếp tục tổ chức nhiều hoạt động phong trào chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho chị em hơn nữa, nhằm phát huy những kết quả đã đạt được năm 2020, phấn đấu hoàn thành sớm các chỉ tiêu đã đề ra theo chương trình kế hoạch hành động bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2025.



TẦM NHÌN BỀN VỮNG (tiếp theo)

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ CÁC MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG



TỐI ƯU KINH TẾ ĐỂ TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG



Trong năm 2020, Tổng công ty quyết tâm triển khai có hiệu quả các giải pháp nhằm nâng cao chỉ tiêu kỹ thuật, tối ưu hóa chi phí SXKD, thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra, góp phần vào sự phát triển của ngành Điện Việt Nam.



Bám sát chiến lược 2021 đã đề ra về tăng tỷ trọng doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng, EVNGENCO 3 đảm bảo vận hành công suất cao các tổ máy theo yêu cầu hệ thống, vừa phát triển các dự án nguồn điện mới duy trì đà tăng trưởng trong lĩnh vực kinh doanh cốt lõi.

Đồng thời, phát huy tối đa mọi nguồn lực đảm bảo sản xuất điện, nâng cao năng lực sửa chữa bảo dưỡng thiết bị hướng tới nâng cao hoạt động tin cậy và ổn định thiết bị, hệ thống điện (RCM)



EVNGENCO 3 phần đầu duy trì cơ cấu vốn lành mạnh, phù hợp với môi trường kinh doanh, nhưng phải linh hoạt tận dụng tối đa những cơ hội của thị trường để có thể huy động được nguồn vốn tốt.

Đồng thời, lựa chọn linh hoạt các công cụ tài chính khác nhau của thị trường nợ và thị trường vốn, tăng cường hiệu quả sử dụng vốn nhằm bảo đảm dòng tiền được sử dụng hợp lý với chi phí vốn tốt nhất.



Tăng trưởng của EVNGENCO 3 không chỉ gắn liền với sự phát triển bền vững của Tổng công ty/EVN nói riêng nhưng còn là sự đảm bảo trách nhiệm đối với xã hội nói chung.

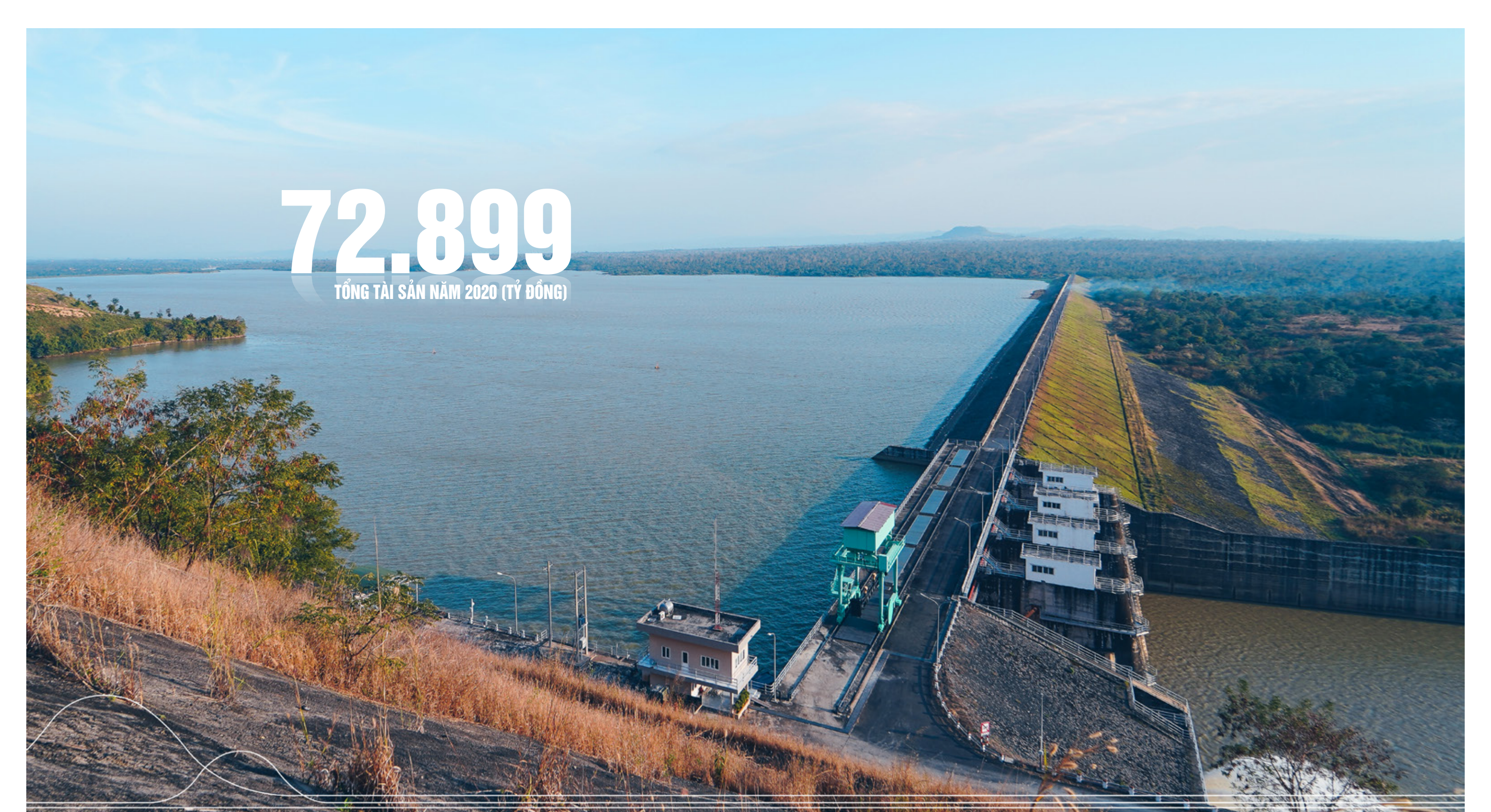
Tổng công ty cam kết toàn bộ chuỗi giá trị trong hoạt động sản xuất kinh doanh đều được xem xét trên 3 khía cạnh: Kinh tế - Xã hội - Môi trường.

Các công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê. Và thực hiện thủ tục kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. EVNGENCO 3 cũng tuân thủ các Quy định của Pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, ATXH, bình đẳng giới, Bảo vệ Tài nguyên - Môi trường, Bảo vệ Di tích - Văn hóa Lịch sử, Danh lam Thắng cảnh.



EVNGENCO 3 luôn hướng tới phát triển một bộ máy quản trị gọn nhẹ, linh hoạt và hiệu quả. Chính vì vậy, việc củng cố năng lực quản trị là một trong những chiến lược trọng yếu trong năm 2020. Để làm được điều đó, Ban Tổng Giám Đốc đã đề ra các định hướng chính sau:

- Tinh gọn bộ máy, tinh gọn hệ thống quy định, quy trình để tăng năng suất, hiệu quả.
- Thực hiện công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, trong đó chú trọng công tác đào tạo nội bộ, đào tạo thực tế qua công việc và các khóa đào tạo đặc thù chuyên sâu tại nước ngoài.
- Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ kỹ thuật 4.0 vào kinh doanh và quản trị nhằm tạo ra những đột phá mới.



72.899

TỔNG TÀI SẢN NĂM 2020 (TỶ ĐỒNG)

 Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 của EVNGENCO 3 đã ghi nhận một năm thành công đáng kể, EVNGENCO 3 duy trì được đà tăng trưởng về nhiều mặt từ hoạt động sản xuất kinh doanh, khả năng sinh lời cho đến hiệu quả sử dụng tài sản - nguồn vốn của chủ sở hữu.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

- 104 Thông tin về doanh nghiệp
- 106 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 108 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 110 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 111 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 113 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Quyết định thành lập

Số 3025/QĐ-BCT do Bộ Công Thương cấp ngày 1 tháng 6 năm 2012.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 3502208399 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 26 tháng 11 năm 2012 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 8 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 3 năm 2021.

Hội đồng Quản trị

Ông Đinh Quốc Lâm	Chủ tịch (từ ngày 15 tháng 1 năm 2020)
Ông Trương Quốc Phúc	Thành viên
Ông Lê Văn Danh	Thành viên (từ ngày 15 tháng 1 năm 2020)
Ông Nguyễn Minh Khoa	Thành viên (từ ngày 15 tháng 1 năm 2020)
Ông Đỗ Mộng Hùng	Thành viên độc lập

Ban Kiểm soát

Ông Phạm Hùng Minh	Trưởng ban
Ông Đậu Đức Chiến	Thành viên
Bà Vũ Hải Ngọc	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Văn Danh	Tổng Giám đốc (từ ngày 15 tháng 1 năm 2020)
Ông Đinh Quốc Lâm	Tổng Giám đốc (đến ngày 14 tháng 1 năm 2020)
Ông Phan Thanh Xuân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Danh	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 14 tháng 1 năm 2020)
Ông Cao Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Ông Lê Văn Danh	Tổng Giám đốc
-----------------	---------------

Trụ sở chính

Số 60-66 đường Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty Phát Điện 3 - Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Nhóm Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Nhóm Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Nhóm Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 58. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,




Nguyễn Thị Thanh Hương

Phó Tổng Giám đốc

Người được Người đại diện theo pháp luật ủy quyền

Thành phố Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2021



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 - CÔNG TY CỔ PHẦN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Phát Điện 3 - Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2020, và được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt ngày 30 tháng 3 năm 2021. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 108 đến trang 149.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Kết luận của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 27 tháng 3 năm 2020.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

Mai Viết Hùng Trân

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0048-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM10567
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2021

Triệu Nguyên Duy

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3022-2019-006-1

 BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mẫu số B 01 - DN/HN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2020 VND	2019 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 33)
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		21.173.423.823.124	20.207.252.855.840
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.607.079.192.090	2.901.217.252.835
111	Tiền		455.579.192.090	366.567.252.835
112	Các khoản tương đương tiền		2.151.500.000.000	2.534.650.000.000
120	Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		4.308.650.000.000	4.260.650.000.000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	4.308.650.000.000	4.260.650.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		9.838.510.562.208	9.861.659.934.036
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	9.054.947.050.178	8.955.143.015.860
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		147.093.288.771	180.323.225.048
136	Phải thu ngắn hạn khác	6	636.470.223.259	727.045.534.281
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	(851.841.153)
140	Hàng tồn kho	7	4.319.762.392.102	2.987.518.268.707
141	Hàng tồn kho		4.321.981.440.203	2.989.669.336.778
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.219.048.101)	(2.151.068.071)
150	Tài sản ngắn hạn khác		99.421.676.724	196.207.400.262
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		17.222.013.010	6.068.450.113
152	Thuế Giá trị Gia tăng (“GTGT”) được khấu trừ		78.484.317.328	64.830.690.231
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12(b)	3.715.346.386	125.308.259.918
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		51.726.544.582.661	55.818.470.188.971
210	Khoản phải thu dài hạn		3.324.424.000	3.314.424.000
216	Phải thu dài hạn khác		3.324.424.000	3.314.424.000
220	Tài sản cố định		48.198.699.900.076	52.326.723.629.267
221	Tài sản cố định hữu hình	8(a)	48.093.835.822.945	52.228.931.533.754
222	Nguyên giá		113.603.102.173.261	113.091.086.031.465
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(65.509.266.350.316)	(60.862.154.497.711)
227	Tài sản cố định vô hình	8(b)	104.864.077.131	97.792.095.513
228	Nguyên giá		141.518.726.318	125.268.812.108
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(36.654.649.187)	(27.476.716.595)
240	Tài sản dở dang dài hạn		117.776.262.642	143.564.801.613
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	117.776.262.642	143.564.801.613
250	Đầu tư tài chính dài hạn		2.245.774.490.666	2.002.225.789.277
252	Đầu tư vào công ty liên kết	4(b)	1.537.704.041.091	1.465.388.607.889
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(b)	522.294.589.388	536.837.181.388
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4(b)	(6.224.139.813)	-
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(b)	192.000.000.000	-
260	Tài sản dài hạn khác		1.160.969.505.277	1.342.641.544.814
261	Chi phí trả trước dài hạn		234.115.195.793	398.369.693.063
263	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	10	926.854.309.484	944.271.851.751
270	TỔNG TÀI SẢN		72.899.968.405.785	76.025.723.044.811

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2020 VND	2019 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 33)
300	NỢ PHẢI TRẢ		57.935.983.253.532	62.833.381.169.926
310	Nợ ngắn hạn		11.740.234.481.392	11.648.098.139.934
311	Phải trả người bán ngắn hạn	11	4.833.059.157.734	4.260.446.036.627
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		10.314.848.007	103.636.000
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12(a)	278.564.447.583	154.863.859.435
314	Phải trả người lao động		430.365.639.148	316.188.483.821
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	13	210.297.337.763	128.049.958.418
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	14	16.010.207.364	16.010.207.364
319	Phải trả ngắn hạn khác	15	867.479.076.863	1.214.270.692.695
320	Vay ngắn hạn	16(a)	4.942.506.709.596	5.373.362.414.031
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		151.637.057.334	184.802.851.543
330	Nợ dài hạn		46.195.748.772.140	51.185.283.029.992
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	14	348.638.936.642	363.797.151.279
338	Vay dài hạn	16(b)	45.847.109.835.498	50.821.485.878.713
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		14.963.985.152.253	13.192.341.874.885
410	Vốn chủ sở hữu		14.963.985.152.253	13.192.341.874.885
411	Vốn góp của chủ sở hữu	17, 18	10.699.695.770.000	10.699.695.770.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		10.699.695.770.000	10.699.695.770.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	18	6.014.917.945	6.014.917.945
414	Vốn khác của chủ sở hữu	18	46.494.391.137	45.439.387.466
418	Quỹ đầu tư phát triển	18	184.357.112.169	141.871.395.148
420	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	18	15.890.285.682	15.868.253.443
421	Lợi nhuận sau thuế (“LNST”) chưa phân phối	18	3.641.098.585.198	1.916.442.908.642
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		1.855.041.684.034	837.521.316.557
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		1.786.056.901.164	1.078.921.592.085
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	18	370.434.090.122	367.009.242.241
440	TỔNG NGUỒN VỐN		72.899.968.405.785	76.025.723.044.811


Trần Nguyễn Khánh Linh
Người lập


Vũ Phương Thảo
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Thanh Hương
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2021



KT Tổng Giám đốc

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2020 VND	2019 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 33)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	28
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	23
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	29	30
21	Doanh thu hoạt động tài chính	23	24
22	Chi phí tài chính	24	25
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	24	25
24	Phần lãi trong công ty liên kết		
25	Chi phí bán hàng		
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	26
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	31	32
31	Thu nhập khác		
32	Chi phí khác		
40	Lỗ khác	33	34
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35	36
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	26	27
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	26	27
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	37	38
Phân bổ cho:			
61	Công ty mẹ	39	40
62	Cổ đông không kiểm soát	41	42
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	19(a)	19(a)
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	19(b)	19(b)


Trần Nguyễn Khánh Linh
Người lập


Vũ Phương Thảo
Kế toán trưởng

KT Tổng Giám đốc


Nguyễn Thị Thanh Hương
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2021

		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 33)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.292.338.372.565	1.238.952.360.938
Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định (“TSCĐ”)	4.656.877.835.457	4.786.782.687.093
03	Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng)	6.292.119.843	(12.136.233.932)
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	379.061.941.663	964.626.767.715
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(380.081.814.900)	(382.211.038.726)
06	Chi phí lãi vay	1.872.083.873.918	2.719.469.297.945
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	8.826.572.328.546	9.315.483.841.033
09	Tăng các khoản phải thu	(6.384.608.519.984)	(6.627.821.027.066)
10	Tăng hàng tồn kho	(1.325.978.088.066)	(675.519.143.015)
11	Tăng các khoản phải trả	702.353.578.513	568.768.008.264
12	Giảm chi phí trả trước	153.100.934.373	74.937.662.943
14	Tiền lãi vay đã trả	(536.159.005.161)	(407.836.807.273)
15	Thuế TNDN đã nộp	(272.812.215.086)	(171.036.992.528)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	1.801.030.000	36.780.000
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(59.170.004.101)	(90.203.784.686)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	1.105.100.039.034	1.986.808.537.672
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(366.084.898.871)	(1.147.636.178.683)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	110.827.082	58.695.007.577
23	Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	(2.356.000.000.000)	(1.607.650.000.000)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	2.116.000.000.000	1.300.820.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia	412.307.453.346	329.042.097.945
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(193.666.618.443)	(1.066.729.073.161)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B 03 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 33)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	642.480.630.483	1.286.559.989.743
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(1.828.633.224.974)	(1.778.904.594.776)
36	Chi trả cổ tức	(19.418.307.300)	(18.922.238.020)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(1.205.570.901.791)	(511.266.843.053)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(294.137.481.200)	408.812.621.458
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	2.901.217.252.835	2.492.402.081.429
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(579.545)	2.549.948
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	2.607.079.192.090	2.901.217.252.835

KT Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Hương
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2021

Trần Nguyễn Khánh Linh
Người lập

Vũ Phương Thảo
Kế toán trưởng

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NHÓM CÔNG TY

Tổng Công ty Phát Điện 3 - Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Phát điện 3.

Theo Quyết định số 9494/QĐ-BCT ngày 22 tháng 10 năm 2014, Bộ Công Thương quyết định cổ phần hóa Công ty Mẹ-Tổng Công ty Phát điện 3.

Theo Quyết định số 2100/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty Mẹ-Tổng công ty Phát điện 3.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502208399 đăng ký lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 26 tháng 11 năm 2012 và Giấy chứng nhận điều chỉnh mới nhất do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 3 năm 2021.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết và giao dịch trên thị trường UPCoM từ ngày 14 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định số 114/QĐ-SGDHN ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) là sản xuất, kinh doanh điện năng; quản lý vận hành sửa chữa bảo dưỡng, đại tu, cải tạo, nâng cấp thiết bị điện, công trình điện. Ngoài ra, Nhóm Công ty còn hoạt động trong một số lĩnh vực khoa học, công nghệ, nghiên cứu triển khai, đào tạo phục vụ cho hoạt động chính.

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là trong vòng 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Nhóm Công ty có 2.778 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 2.761 nhân viên).

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số Số 60 - 66 đường Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty có 8 chi nhánh (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, 8 chi nhánh), cụ thể như sau:

- Công ty Thủy điện Buôn Kuốp tại Số 22 Mai Xuân Thưởng, Phường Thành Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.
- Công ty Nhiệt điện Mông Dương tại Khu 8, Phường Mông Dương,Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.
- Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.
- Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân tại Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2, Thôn Vĩnh Phúc, Xã Vĩnh Tân, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.
- Công ty Dịch vụ Sửa chữa các Nhà máy điện EVNGENCO 3 tại Số 332 Độc Lập (Quốc lộ 51), Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.
- Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân tại Đại lộ Hùng Vương, Khu phố 5, Phường Phú Thủy, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.
- Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện 1 tại Khu 8, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.
- Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Thái Bình tại Xã Mỹ Lộc, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Nhóm Công ty có 3 công ty liên kết (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 3 công ty liên kết) như được trình bày ở Thuyết minh số 4(b).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09 – DN/HN

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NHÓM CÔNG TY (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty có 2 công ty con (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 2 công ty con) được trình bày như sau:

Nơi thành lập, đăng ký hoạt động		31.12.2020		31.12.2019	
		Quyền sở hữu	Quyền biểu quyết	Quyền sở hữu	Quyền biểu quyết
		%	%	%	%
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (i)	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	79,56	79,56	79,56	79,56
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình (ii)	Tỉnh Ninh Bình	54,76	54,76	54,76	54,76

- (i) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 2744/QĐ-BCN ngày 26 tháng 8 năm 2005 của Bộ Công Thương và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4903000451 ngày 1 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa có trụ sở chính tại Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (ii) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Nhiệt điện Ninh Bình theo Quyết định số 3945/QĐ-BCN ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công Thương và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0903000161 ngày 31 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Bình cấp. Công ty Cổ phần có trụ sở chính tại Số 1, Đường Hoàng Diệu, Phường Thanh Bình, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình là sản xuất và kinh doanh điện năng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư vào công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh 2.5.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Nhóm Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng"). Nhóm Công ty xác định đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán dựa vào đơn vị tiền tệ chủ yếu sử dụng trong các giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ, có ảnh hưởng lớn đến giá bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; đơn vị tiền tệ dùng để niêm yết giá bán và nhận thanh toán; đơn vị tiền tệ sử dụng chủ yếu trong việc mua hàng hóa, dịch vụ; có ảnh hưởng lớn đến chi phí sản xuất kinh doanh và dùng để thanh toán cho các chi phí đó.

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là doanh thu hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bằng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Các khoản nợ phải trả với Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN") tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được Nhóm Công ty chuyển đổi theo tỷ giá bán ra (bảng chuyển khoản) của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất theo hướng dẫn của Công văn số 1779/BTC-CĐKT ngày 1 tháng 2 năm 2013 của Bộ Tài chính ("Công văn 1779") và Công văn số 6137/EVN-TCKT ngày 11 tháng 9 năm 2020 của EVN ("Công văn 6137").

Ngoại trừ chính sách kế toán được trình bày dưới đây, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi được ghi nhận là doanh thu hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(b) Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia

Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 150/2018/NQ-CP của Chính phủ ngày 13 tháng 12 năm 2018 ("Nghị quyết 150"), các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" được phản ánh trong phần "Vốn chủ sở hữu" và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động. Hướng dẫn của Nghị quyết 150 có sự khác biệt so với hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200") mà theo đó các khoản chênh lệch tỷ giá này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh.

Nếu Nhóm Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản nhất quán theo Thông tư 200 qua các năm thì chi phí tài chính và lợi nhuận trước thuế trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 sẽ không thay đổi (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019: chi phí tài chính sẽ giảm và lợi nhuận trước thuế sẽ tăng cùng một khoản là 922.067.392.780 đồng), chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần "Vốn chủ sở hữu", và "LNST chưa phân phối" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 sẽ không thay đổi.

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Nhóm Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Nhóm Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Nhóm Công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Nhóm Công ty được loại trừ khi hợp nhất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09 – DN/HN

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NHÓM CÔNG TY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty con (tiếp theo)

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Nhóm Công ty áp dụng.

Báo cáo tài chính của các công ty trong Nhóm Công ty sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một kỳ kế toán. Nếu ngày kết thúc kỳ kế toán khác nhau, thời gian chênh lệch không vượt quá 3 tháng. Báo cáo tài chính sử dụng để hợp nhất phải được điều chỉnh cho ảnh hưởng của những giao dịch và sự kiện quan trọng xảy ra giữa ngày kết thúc kỳ kế toán của các công ty và ngày kết thúc kỳ kế toán của Nhóm Công ty. Độ dài của năm báo cáo và sự khác nhau về thời điểm lập báo cáo tài chính phải được thống nhất qua các năm.

Nghịệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Nhóm Công ty áp dụng chính sách cho các nghịệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghịệp vụ với các bên không thuộc Nhóm Công ty.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Nhóm Công ty được chia sau khi đầu tư vào các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên doanh liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong các công ty liên kết, Nhóm Công ty sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho các công ty liên kết.

Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Nhóm Công ty áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Nhóm Công ty với các liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Nhóm Công ty trong các bên liên kết theo quy định kế toán hiện hành.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thu hồi.

2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền, bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm.

2.9 Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Nhóm Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất (Thuyết minh 2.5).

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Đối với khoản đầu tư mà Nhóm Công ty nắm giữ lâu dài vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, dự phòng được lập khi giá gốc cao hơn giá trị thị trường. Đối với các khoản đầu tư khác, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã dự đoán từ khi đầu tư.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09 – DN/HN

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NHÓM CÔNG TY (tiếp theo)

2.10 Tài sản cố định (“TSCĐ”)

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 30 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10 năm
TSCĐ hữu hình khác	5 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 - 10 năm
Bản quyền chuyển giao công nghệ	10 năm
TSCĐ vô hình khác	3 - 10 năm

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất không thời hạn và quyền sử dụng đất có thời hạn, và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó:

- Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao; và
- Quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận căn cứ trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 - 50 năm phù hợp với thời hạn của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số

chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi

nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.11 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.13 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

2.14 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng và bên liên quan.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

2.15 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa và dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm báo cáo.

2.16 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Nhóm Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

2.17 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước chủ yếu bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản. Nhóm Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Nhóm Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09 – DN/HN

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NHÓM CÔNG TY (tiếp theo)

2.18 Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu.

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh giá trị các khoản vốn khác của chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế sau thuế TNDN của Nhóm Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.19 Phân chia lợi nhuận

Nhóm Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận và chia cổ tức như sau:

- LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo các quy định của pháp luật Việt Nam và điều lệ của Nhóm Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST sau khi được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Cổ tức của Nhóm Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ kế toán được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

2.20 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Nhóm Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Nhóm Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Nhóm Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỷ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trên số dư gốc và lãi suất tương ứng.

(d) Doanh thu từ cổ tức được chia

Doanh thu từ cổ tức được chia được ghi nhận khi Nhóm Công ty được xác lập quyền nhận cổ tức được chia từ các đơn vị đầu tư.

2.21 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

2.22 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay, lỗ tỷ giá hối đoái và dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

2.23 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

2.24 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Nhóm Công ty.

2.25 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm hay một năm khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09 – DN/HN

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NHÓM CÔNG TY (tiếp theo)

2.26 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Nhóm Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Nhóm Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Nhóm Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Nhóm Công ty một cách toàn diện.

2.28 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất chủ yếu bao gồm thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 2.10 và Thuyết minh 8).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31.12.2020 VND	31.12.2019 VND
Tiền mặt	2.364.633.065	1.890.784.100
Tiền gửi ngân hàng	453.214.559.025	364.676.468.735
Các khoản tương đương tiền (*)	2.151.500.000.000	2.534.650.000.000
	2.607.079.192.090	2.901.217.252.835

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng lãi suất từ 3,0 - 3,5%/năm đối với tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 0,8%/năm đối với tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 1 tuần và từ 4,7 - 5,4%/năm đối với tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng).

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31.12.2020		31.12.2019	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
i. Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	4.300.650.000.000	4.300.650.000.000	4.260.650.000.000	4.260.650.000.000
- Trái phiếu dài hạn đến hạn thanh toán (**)	8.000.000.000	8.000.000.000	-	-
	4.308.650.000.000	4.308.650.000.000	4.260.650.000.000	4.260.650.000.000
ii. Dài hạn				
- Trái phiếu (**)	192.000.000.000	192.000.000.000	-	-

(*) Tiền gửi có kỳ hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng có kỳ hạn gốc từ 6 tháng đến 12 tháng và hưởng lãi suất từ 3,7 - 7,1%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: từ 5,5 - 7,1%/năm).

(**) Khoản đầu tư trái phiếu vào Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh theo Hợp đồng số 01/2020/VCSH-HĐMBTP ngày 24 tháng 4 năm 2020 và 02/2020/VCSH-HĐMBTP ngày 25 tháng 6 năm 2020 với Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh. Khoản trái phiếu có thời gian đáo hạn 84 tháng từ ngày phát hành với mức lãi suất áp dụng cho 4 năm đầu tiên của mỗi đợt phát hành là 10,5%/năm, các năm tiếp theo sẽ được áp dụng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam (trả lãi sau) kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cộng thêm 3,6%/năm. Khoản trái phiếu này được đảm bảo bằng tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải của Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn với tổng giá trị dựa theo Chứng thư thẩm định giá số 497/2019/CT-CIVS-BĐ do Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Trung - Chi nhánh Bình Định phát hành ngày 7 tháng 8 năm 2019.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09 – DN/HN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31.12.2020			31.12.2019		
	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư vào công ty liên kết						
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh (i)	30,55	1.017.393.461.454	1.184.718.622.400	-	30,55	976.925.637.942
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (ii)	30,00	308.047.978.336	478.155.000.000	-	30,00	308.783.687.183
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A (iii)	30,00	212.262.601.301	(*)	-	30,00	179.679.282.764
		1.537.704.041.091		-		1.465.388.607.889
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (iv)	1,80	114.770.927.800	113.383.169.497 (1.387.758.303)	-	1,80	114.770.927.800
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (v)	1,60	108.730.000.000	184.766.666.667	-	1,60	108.730.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (vi)	19,89	83.750.000.000	193.563.145.500	-	19,89	83.750.000.000
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (vii)	2,47	68.480.000.000	175.199.232.000	-	2,47	83.022.592.000
Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE PMTP (viii)	15,00	74.463.661.588	(*)	-	15,00	74.463.661.588
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ (ix)	6,43	50.000.000.000	(*) (4.836.381.510)	-	6,43	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào (x)	0,63	19.600.000.000	(*)	-	0,63	19.600.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc (xi)	1,10	2.500.000.000	(*)	-	1,10	2.500.000.000
		522.294.589.388	(6.224.139.813)			536.837.181.388

- (*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, Nhóm Công ty chưa có đủ các thông tin cần thiết để xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (i) Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước - Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, là một đơn vị hạch toán phụ thuộc của EVN. Ngày 4 tháng 5 năm 2005, Nhà máy chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (ii) Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1603000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp ngày 31 tháng 3 năm 2006. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (iii) Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A chính thức đi vào hoạt động ngày 1 tháng 11 năm 2003 theo Công văn số 1391/CP-CN ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900308540 ngày 1 tháng 9 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A là xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, đầu tư xây dựng các công trình thủy điện và xây dựng công nghiệp.
- (iv) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 700434869 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 16 tháng 12 năm 2002. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh là sản xuất và kinh doanh điện.
- (v) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0203000279 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 17 tháng 9 năm 2002. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng là sản xuất và kinh doanh điện.
- (vi) Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000884487 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 20 tháng 5 năm 2009. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn là sản xuất và kinh doanh điện.
- (vii) Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4703000396 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20 tháng 6 năm 2007. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 là sản xuất và kinh doanh điện năng. Theo quy định tại khoản 5, Điều 3 của Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, Nhóm Công ty đã thực hiện điều chỉnh giảm giá trị khoản đầu tư tương ứng với giá trị cổ tức đã nhận bằng cổ phiếu được nhận thêm từ Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chuyển sang công ty cổ phần.
- (viii) Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE PMTP được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502208825 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 5 tháng 10 năm 2012. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE PMTP là sửa chữa máy móc thiết bị.
- (ix) Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4000455251 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam cấp ngày 17 tháng 1 năm 2007. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (x) Công ty Cổ phần Điện Việt Lào được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101389382 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 11 tháng 7 năm 2003. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Điện Việt Lào là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (xi) Công ty Cổ phần Dịch vụ sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800383471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp ngày 17 tháng 7 năm 2007. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc là sửa chữa, bảo dưỡng, thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị nhà máy điện và các thiết bị công nghiệp khác tương đương.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09 – DN/HN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

Biến động về đầu tư vào công ty liên kết trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	1.465.388.607.889	1.385.352.444.441
Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết	136.736.370.848	114.761.163.448
Cổ tức đã chia	(12.900.000.000)	(34.725.000.000)
Điều chỉnh giảm theo các thay đổi vốn chủ sở hữu của các công ty liên kết không ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	(51.520.937.646)	-
Số dư cuối năm	1.537.704.041.091	1.465.388.607.889

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31.12.2020 VND	31.12.2019 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 33)
Bên thứ ba	10.045.871.377	5.387.110.096
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	9.044.901.178.801	8.949.755.905.764
	9.054.947.050.178	8.955.143.015.860

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Nhóm Công ty không có khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 851.841.153 đồng).

6 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31.12.2020 VND	31.12.2019 VND
Phải thu về hàng hóa, dịch vụ khác (*)	470.362.943.140	451.157.665.619
Phải thu cổ tức được chia	17.500.000.000	60.031.040.000
Lãi phải thu tiền gửi có kỳ hạn	43.213.253.132	60.191.234.073
Phải thu từ bảo hiểm (**)	12.322.065.597	52.123.989.823
Khác	93.071.961.390	103.541.604.766
	636.470.223.259	727.045.534.281
Trong đó:		
Bên thứ ba	143.018.455.520	164.957.411.825
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	493.451.767.739	562.088.122.456
	636.470.223.259	727.045.534.281

(*) Khoản phải thu chủ yếu bao gồm phải thu về hàng hóa và dịch vụ từ các công ty thành viên trong EVN.

(**) Đây là khoản phải thu từ công ty bảo hiểm cho thiệt hại từ gián đoạn kinh doanh tại Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ.

7 HÀNG TỒN KHO

	31.12.2020		31.12.2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	3.533.735.544.563	(2.219.048.101)	2.817.029.591.302	(2.151.068.071)
Công cụ, dụng cụ	133.864.535.415	-	109.349.349.139	-
Hàng mua đang đi trên đường	636.074.396.134	-	41.172.723.087	-
Chi phí SXKD dở dang	17.892.851.332	-	21.605.117.071	-
Thành phẩm tồn kho	414.112.759	-	512.556.179	-
	4.321.981.440.203	(2.219.048.101)	2.989.669.336.778	(2.151.068.071)

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	2.151.068.071	285.606.943
Tăng dự phòng	67.980.030	1.865.741.671
Hoàn nhập dự phòng	-	(280.543)
Số dư cuối năm	2.219.048.101	2.151.068.071

8TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a)TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	20.385.126.021.048	85.759.693.023.003	6.717.546.470.096	209.737.058.143	18.983.459.175	113.091.086.031.465
Mua trong năm	7.312.121.642	88.236.284.707	5.466.251.155	31.568.587.915	-	132.583.245.419
Xây dựng cơ bản mới hoàn thành (Thuyết minh 9)	213.636.823.058	129.830.651.888	7.640.967.723	8.260.261	591.249.080	351.707.952.010
Thanh lý, nhượng bán	(44.476.061)	(7.154.753.021)	(415.952.948)	(168.610.619)	-	(7.783.792.649)
Điều chỉnh theo quyết toán	19.788.549.465	(2.983.834.003)	5.696.271.058	(8.000.000)	10.350.472.454	32.843.458.974
Khác	-	(336.594.792)	3.082.990.000	(81.117.166)	-	2.665.278.042
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	20.625.819.039.152	85.967.284.777.782	6.739.016.997.084	241.056.178.534	29.925.180.709	113.603.102.173.261
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	6.998.049.117.588	50.448.640.715.415	3.275.923.886.232	134.150.290.772	5.390.487.704	60.862.154.497.711
Khấu hao trong năm	729.901.044.168	3.580.909.656.515	314.785.597.605	28.157.072.045	3.477.746.368	4.657.231.116.701
Thanh lý, nhượng bán	(27.353.562)	(7.081.862.269)	(415.952.948)	(168.610.619)	-	(7.693.779.398)
Điều chỉnh theo quyết toán	-	(2.344.367.532)	-	(81.117.166)	-	(2.425.484.698)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	7.727.922.808.194	54.020.124.142.129	3.590.293.530.889	162.057.635.032	8.868.234.072	65.509.266.350.316
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	13.387.076.903.460	35.311.052.307.588	3.441.622.583.864	75.586.767.371	13.592.971.471	52.228.931.533.754
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	12.897.896.230.958	31.947.160.635.653	3.148.723.466.195	78.998.543.502	21.056.946.637	48.093.835.822.945

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, TSCĐ hữu hình của Nhóm Công ty với tổng giá trị còn lại là 21.654 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 23.396 tỷ đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh 16).

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Nhóm Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 36.063 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 29.436 tỷ đồng).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09 – DN/HN

8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(b) TSCĐ vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Bản quyền chuyển giao công nghệ VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	76.165.829.664	26.473.825.475	8.854.276.148	13.774.880.821	125.268.812.108
Mua trong năm	2.874.010.917	8.035.930.683	-	693.000.000	11.602.941.600
Xây dựng cơ bản mới hoàn thành (Thuyết minh 9)	940.371.701	3.706.600.909	-	-	4.646.972.610
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	79.980.212.282	38.216.357.067	8.854.276.148	14.467.880.821	141.518.726.318
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	13.641.748.737	7.742.542.133	4.699.617.359	1.392.808.366	27.476.716.595
Khấu hao trong năm	1.176.461.130	4.907.679.771	1.694.461.680	1.399.330.011	9.177.932.592
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	14.818.209.867	12.650.221.904	6.394.079.039	2.792.138.377	36.654.649.187
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	62.524.080.927	18.731.283.342	4.154.658.789	12.382.072.455	97.792.095.513
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	65.162.002.415	25.566.135.163	2.460.197.109	11.675.742.444	104.864.077.131

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Nhóm Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 8,3 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 8,3 tỷ đồng).

9 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang theo từng dự án như sau:

	31.12.2020 VND	31.12.2019 VND
Nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Tân 2	-	51.267.180.711
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2	2.574.703.020	31.005.033.746
Cảng than Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân	-	14.569.448.039
Cơ sở hạ tầng Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân	-	11.928.505.106
Khác	115.201.559.622	34.794.634.011
	117.776.262.642	143.564.801.613

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	143.564.801.613	2.661.060.467.182
Mua sắm	392.201.651.510	1.063.260.696.526
Chi phí lãi vay vốn hóa	-	17.736.766.528
Chuyển sang từ hàng tồn kho	-	127.916.182.505
Điều chỉnh theo quyết toán	(32.843.458.974)	(1.025.985.923.225)
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 8(a))	(351.707.952.010)	(2.111.951.923.601)
Chuyển sang TSCĐ vô hình (Thuyết minh 8(b))	(4.646.972.610)	(6.661.488.000)
Chuyển sang chi phí trả trước	-	(326.266.187.207)
Chuyển sang các bên khác	(26.398.407.452)	(83.508.612.476)
Chuyển sang chi phí	(2.156.561.934)	(44.653.292.999)
Giá trị các công trình sửa chữa lớn được quyết toán	-	(119.222.953.535)
Khác	(236.837.501)	(8.158.930.085)
Số dư cuối năm	117.776.262.642	143.564.801.613

10 THIẾT BỊ, VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn thể hiện giá trị thuần của thiết bị, vật tư, phụ tùng dùng để dự trữ, thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản và có thời gian dự trữ hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

11 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31.12.2020 VND	31.12.2019 VND
Bên thứ ba		
Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ	2.239.680.268.404	2.270.594.781.473
GE Global Parts & Products GmbH	881.015.236.722	25.797.450.961
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	572.093.626.678	550.344.398.768
Khác	1.123.585.075.465	1.391.379.180.684
	4.816.374.207.269	4.238.115.811.886
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	16.684.950.465	22.330.224.741
	4.833.059.157.734	4.260.446.036.627

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019, Nhóm Công ty không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào bị quá hạn thanh toán.

Biến động về thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước trong năm như sau:

	Tại ngày 1.1.2020 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 33)	Số phải thu/ phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Phân loại lại trong năm VND	Tại ngày 31.12.2020 VND
a) Phải nộp					
Thuế GTGT	57.482.172.372	1.200.796.061.551	(1.184.534.280.263)	(213.899.858)	73.530.053.802
Thuế tài nguyên	33.928.603.821	432.169.812.745	(413.086.757.409)	-	53.011.659.157
Thuế TNDN	16.491.778.565	477.073.608.005	(272.812.215.086)	(123.125.183.888)	97.627.987.596
Phí dịch vụ môi trường rừng	29.655.664.776	97.172.297.676	(85.147.864.812)	-	41.680.097.640
Thuế thu nhập cá nhân	4.986.888.716	40.311.464.605	(40.064.911.624)	1.774.103.613	7.007.545.310
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	1.098.395.500	43.076.573.989	(43.001.628.233)	(74.940.756)	1.098.400.500
Các loại thuế khác	11.220.355.685	217.263.558.644	(223.922.218.108)	47.007.357	4.608.703.578
	154.863.859.435	2.507.863.377.215	(2.262.569.875.535)	(121.592.913.532)	278.564.447.583
b) Phải thu					
Thuế TNDN	123.125.183.888	-	-	(123.125.183.888)	-
Các loại thuế khác	2.183.076.030	-	-	1.532.270.356	3.715.346.386
	125.308.259.918	-	-	(121.592.913.532)	3.715.346.386

13 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31.12.2020 VND	31.12.2019 VND
Mua nguyên vật liệu	169.791.359.389	54.799.683.285
Lãi vay	23.218.009.658	31.734.270.647
Khác	17.287.968.716	41.516.004.486
	210.297.337.763	128.049.958.418

14 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu cho thuê tài sản nhận trước từ Công ty TNHH Điện Lực Vĩnh Tân 1.

15 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31.12.2020 VND	31.12.2019 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 33)
Phải trả cho EVN (*)	514.333.994.661	872.430.867.697
Thuế GTGT tạm tính	267.879.755.704	161.508.746.312
Khác	85.265.326.498	180.331.078.686
	867.479.076.863	1.214.270.692.695
Trong đó:		
Bên thứ ba	347.942.982.729	210.922.985.404
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	519.536.094.134	1.003.347.707.291
	867.479.076.863	1.214.270.692.695

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, khoản phải trả chủ yếu bao gồm nợ gốc vay, lãi vay, phí vay lại và thuế nhà thầu đã nhận được thông báo hạch toán từ EVN (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: bao gồm chủ yếu lãi vay, phí vay lại và thuế nhà thầu).

	Tại ngày 1.1.2020 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Phân loại lại trong năm VND	Đánh giá lại gốc ngoại tệ cuối năm VND	Tại ngày 31.12.2020 VND
(a) Ngắn hạn						
Vay ngân hàng	25.030.325.023	605.655.789.000	(630.686.114.023)	-	-	-
Vay ngắn hạn dài hạn đáo hạn trong vòng một năm (i)	767.292.858.460	-	(957.270.077.464)	561.076.720.108	-	371.099.501.104
Vay bên liên quan dài hạn đáo hạn trong vòng một năm (Thuyết minh 29(b)(ii))	4.581.039.230.548	-	(4.581.039.234.185)	4.527.932.699.071	43.474.513.058	4.571.407.208.492
	5.373.362.414.031	605.655.789.000	(6.168.995.425.672)	5.089.009.419.179	43.474.513.058	4.942.506.709.596
(b) Dài hạn						
Vay ngân hàng (i)	3.132.617.830.820	36.824.841.483	(188.000.000.000)	(561.076.720.108)	-	2.420.365.952.195
Vay bên liên quan (Thuyết minh 29(b)(iii))	47.688.868.047.893	-	-	(4.527.932.699.071)	265.808.534.481	43.426.743.883.303
	50.821.485.878.713	36.824.841.483	(188.000.000.000)	(5.089.009.419.179)	265.808.534.481	45.847.109.835.498

(i) Chi tiết số dư của các khoản vay ngân hàng như sau:

			31.12.2020 VND	31.12.2019 VND
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1				
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long	(1)	2025	71.852.757.214	87.728.633.890
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2				
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I	(2)	2024	846.000.000.000	1.598.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	(3)	2025	1.067.303.843.424	1.291.999.389.408
Dự án Nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp				
Ngân hàng TMCP Sài gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội	(4)	2025	170.000.000.000	210.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng	(5)	2021	7.929.118.612	39.417.118.612
Dự án Cơ sở hạ tầng Trung tâm điện lực Vĩnh Tân				
Ngân hàng TMCP Sài gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Thành	(6)	2026	238.724.882.596	283.678.850.123
Dự án Nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Tân 2				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội	(7)	2031	389.654.851.453	389.086.697.247
			2.791.465.453.299	3.899.910.689.280
Vay dài hạn đáo hạn trong vòng một năm (Thuyết minh 16(a))			(371.099.501.104)	(767.292.858.460)
			2.420.365.952.195	3.132.617.830.820

- (1) Khoản vay được bảo đảm bằng bảo lãnh của EVN với Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long cho mục đích đầu tư Dự án Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1 với thời hạn cho vay là 10 năm kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, bao gồm cả thời gian ân hạn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, lãi suất áp dụng là 7,7%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 9,475%/năm).
- (2) Khoản vay được bảo đảm bằng bảo lãnh của EVN với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I cho mục đích đầu tư Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 và Cảng than Vĩnh Tân với thời hạn cho vay là 12 năm kể từ ngày nhận nợ đầu tiên. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, lãi suất áp dụng là 9,8%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 9,8%/năm).
- (3) Khoản vay được bảo đảm bằng bảo lãnh của EVN với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cho mục đích đầu tư Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 với thời hạn cho vay là 12 năm kể từ ngày chuyển giao khoản vay. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, lãi suất áp dụng là 8,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 9,1%/năm).
- (4) Khoản vay được bảo đảm bằng bảo lãnh của EVN với Ngân hàng TMCP Sài gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội cho mục đích thanh toán phần vốn đã vay của EVN để đầu tư Dự án Nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp và Srêpốk 3 với thời hạn cho vay là 10 năm kể từ ngày nhận nợ đầu tiên. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, lãi suất áp dụng là 8,46%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 9,66%/năm).
- (5) Khoản vay được bảo đảm bằng bảo lãnh của EVN với Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng cho mục đích thanh toán chi phí giữ lại chờ quyết toán cho các Dự án Nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp, Buôn Tua Srah và Srêpốk 3 với thời hạn cho vay là 5 năm kể từ ngày nhận nợ đầu tiên. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, lãi suất áp dụng là 8,04%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 8,98%/năm).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09 – DN/HN

16 VAY (tiếp theo)

- (6)

Khoản vay được bảo đảm bằng bảo lãnh của EVN với Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Thành cho mục đích đầu tư Dự án Cơ sở hạ tầng Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân với thời hạn cho vay là 10 năm kể từ ngày nhận nợ đầu tiên. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, lãi suất áp dụng là 8,52%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 9,66%/năm).
- (7)

Khoản vay với Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội cho mục đích đầu tư Dự án Nhà máy Điện Mặt trời Vĩnh Tân 2 với thời hạn cho vay là 12 năm kể từ ngày nhận nợ đầu tiên. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, lãi suất áp dụng là 8,3%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 9,5%/năm). Tài sản thế chấp là toàn bộ giá trị công trình xây dựng Dự án Nhà máy Điện Mặt trời Vĩnh Tân 2 (Thuyết minh 8(a)) và Quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện Nhà máy Điện Mặt trời Vĩnh Tân 2 ký giữa Nhóm Công ty và EVN.

(ii) Chi tiết số dư của các khoản vay lại từ EVN như sau:

Năm đáo hạn		31.12.2020 VND	31.12.2019 VND
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1			
Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”)	(8) 2032	408.855.249.399	427.483.250.258
ADB	(9) 2034	18.084.035.458.704	18.671.848.548.822
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Hàn Quốc (“KEXIM”)	(10)2028	7.095.867.406.503	8.047.179.258.796
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2			
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc (“China Eximbank”)	(11)2027	4.874.984.191.273	5.575.010.381.641
China Eximbank	(12)2027	1.406.265.195.714	1.492.127.865.941
China Eximbank	(13)2028	11.769.882.556.197	13.249.673.395.282
Dự án Nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp			
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (“JBIC”)	(14)2026	71.974.642.230	79.720.990.095
JBIC	(15)2028	57.038.490.260	61.372.252.756
Dự án Nhà máy Thủy điện Buôn Tua Srah			
China Eximbank	(16)2020	-	36.704.803.789
Dự án Nhà máy Thủy điện Srêpôk 3			
Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam (“ANZ”)	(17)2020	-	78.009.490.453
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 1 JBIC	(18)2028	3.837.768.581.709	4.129.360.772.916
Dự án đê biển 306-2 Nhà máy Điện Bà Rịa			
Ngân hàng Phát triển Bà Rịa - Vũng Tàu	(19)2028	391.479.319.806	421.416.267.692
		47.998.151.091.795	52.269.907.278.441
Vay dài hạn đáo hạn trong vòng một năm (Thuyết minh 16(a))		(4.571.407.208.492)	(4.581.039.230.548)
		43.426.743.883.303	47.688.868.047.893

- (8)

Khoản vay lại EVN từ nguồn vốn vay ADB cho mục đích đầu tư Dự án Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1 với thời hạn cho vay lại là 19,5 năm kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2013. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, lãi suất áp dụng là 1,41%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 3,31%/năm). Tài sản thế chấp là toàn bộ giá trị công trình xây dựng Dự án Nhà máy Nhiệt Điện Mông Dương 1 (Thuyết minh 8(a)).
- (9)

Khoản vay lại EVN từ nguồn vốn vay ADB cho mục đích Dự án Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1 với thời hạn cho vay lại là 21,9 năm kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2013. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, lãi suất áp dụng là 1,31%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 3,23%/năm). Tài sản thế chấp là toàn bộ giá trị công trình xây dựng Dự án Nhà máy Nhiệt Điện Mông Dương 1 (Thuyết minh 8(a)).
- (10)

Khoản vay lại EVN từ nguồn vốn vay KEXIM cho mục đích đầu tư Dự án Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1 với thời hạn cho vay lại là 15 năm kể từ ngày EVN ký hợp đồng vay với KEXIM. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, lãi suất áp dụng là 4,6%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 6,13%/năm). Tài sản thế chấp là toàn bộ giá trị công trình xây dựng Dự án Nhà máy Nhiệt Điện Mông Dương 1 (Thuyết minh 8(a)).
- (11)

Khoản vay lại EVN từ nguồn vốn vay China Eximbank cho mục đích đầu tư Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 với thời hạn cho vay lại là 14,8 năm kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2013. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, lãi suất áp dụng là 3,45%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 3,45%/năm).
- (12)

Khoản vay lại EVN từ nguồn vốn vay China Eximbank cho mục đích đầu tư Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 với thời hạn cho vay lại là 14,3 năm kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2013. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, lãi suất áp dụng là 3,4%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 3,4%/năm).
- (13)

Khoản vay lại EVN từ nguồn vốn vay China Eximbank cho mục đích đầu tư Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 với thời hạn cho vay lại là 15,6 năm kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2013. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, lãi suất áp dụng là 2,98%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 4,82%/năm).
- (14)

Khoản vay lại EVN từ nguồn vốn vay JBIC cho mục đích đầu tư Dự án Nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp với thời hạn cho vay lại là 13,7 năm kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2013. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, lãi suất áp dụng là 2,75%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 2,75%/năm).
- (15)

Khoản vay lại EVN từ nguồn vốn vay JBIC cho mục đích đầu tư Dự án Nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp với thời hạn cho vay lại là 15,4 năm kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2013. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, lãi suất áp dụng là 2,55%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 2,55%/năm).
- (16)

Khoản vay lại EVN từ nguồn vốn vay China Eximbank cho mục đích đầu tư Dự án Nhà máy Thủy điện Buôn Tua Srah với thời hạn cho vay lại là 9 năm kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2011. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Nhóm Công ty đã hoàn trả toàn bộ khoản vay.
- (17)

Khoản vay lại EVN từ nguồn vốn vay ANZ cho mục đích đầu tư Dự án Nhà máy Thủy điện Srêpôk 3 với thời hạn cho vay lại là 9,5 năm kể từ ngày 6 tháng 6 năm 2011. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Nhóm Công ty đã hoàn trả toàn bộ khoản vay.
- (18)

Khoản vay lại EVN từ nguồn vốn vay JBIC cho mục đích đầu tư Dự án Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 1 với thời hạn cho vay lại là 20 năm kể từ 31 tháng 12 năm 2008. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, lãi suất áp dụng là 1,15% - 2,7%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 1,15% - 2,7%/năm).
- (19)

Đây là các khoản vay lại theo hợp đồng cho vay lại số 2015/EVN-BARIA/EDCF ngày 1/9/2015, kế thừa từ hợp đồng vốn ODA số 21/TNDN ngày 20/12/2004 giữa Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ Phát triển Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Bà Rịa - Vũng Tàu) và Nhà máy Điện Bà Rịa (nay là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa) với tổng mức nợ vay là 49.987.210.130 KRW. Khoản vay này từ nguồn vốn vay quỹ hợp tác phát triển kinh tế Hàn Quốc - EDCF cho mục đích thực hiện dự án đê biển 306-2 Nhà máy Điện Bà Rịa. Thời hạn cho vay lại là 13 năm với lãi suất 2,4%. Số dư khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 tương đương 18.741.828.792,5 KRW sẽ được hoàn trả dần đều trong 15 kỳ nửa năm với số tiền thanh toán mỗi năm là 1.249.455.253,5 KRW và lần thanh toán cuối cùng của số dư còn lại 1.249.455.243,5 KRW là ngày 20 tháng 11 năm 2027.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09 – DN/HN

17 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	31.12.2020		31.12.2019	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đăng ký, đã phát hành và đang lưu hành	1.069.969.577	-	1.069.969.577	-

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31.12.2020		31.12.2019	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
EVN	1.061.355.233	99,19	1.061.355.233	99,19
Khác	8.614.344	0,81	8.614.344	0,81
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	1.069.969.577	100,00	1.069.969.577	100,00

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2019	1.069.969.577	10.699.695.770.000
Cổ phiếu mới phát hành	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	1.069.969.577	10.699.695.770.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

Tổng Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.

18 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	LNST chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	10.699.695.770.000	6.014.917.945	18.876.854.562	(922.067.392.780)	134.210.488.996	15.939.926.044	885.655.401.950	336.443.315.443	11.174.769.282.160
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	1.078.921.592.085	46.499.136.285	1.125.420.728.370
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	34.223.439.056	-	(34.223.439.056)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(13.895.928.218)	(5.654.931.282)	(19.550.859.500)
Cổ tức chia cho cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	-	(10.255.063.500)	(10.255.063.500)
Phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	922.067.392.780	-	-	-	-	922.067.392.780
Sử dụng quỹ đầu tư phát triển	-	-	26.562.532.904	-	(26.562.532.904)	-	-	-	-
Sử dụng quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	(71.672.601)	-	(18.413.624)	(90.086.225)
Khác	-	-	-	-	-	-	(14.718.119)	(4.801.081)	(19.519.200)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	10.699.695.770.000	6.014.917.945	45.439.387.466	-	141.871.395.148	15.868.253.443	1.916.442.908.642	367.009.242.241	13.192.341.874.885
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	1.786.056.901.164	29.207.863.396	1.815.264.764.560
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	-	-	43.540.720.692	(43.540.720.692)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	-	-	(17.862.131.120)	(6.368.741.380)	(24.230.872.500)
Cổ tức chia cho cổ đông thiểu số (*)	-	-	-	-	-	-	-	(19.418.307.300)	(19.418.307.300)
Sử dụng quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.055.003.671	-	(1.055.003.671)	-	-	-	-
Khác	-	-	-	-	-	22.032.239	1.627.204	4.033.165	27.692.608
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	10.699.695.770.000	6.014.917.945	46.494.391.137	-	184.357.112.169	15.890.285.682	3.641.098.585.198	370.434.090.122	14.963.985.152.253

(*) Thực hiện theo Nghị quyết số 550/NQ-ĐHĐCD ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa và Nghị quyết số 4/3/NQ-ĐHĐCD-NBTPC ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình .



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09 – DN/HN

19 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Tổng Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	2020	2019 (Trình bày lại - Thuyết minh 33)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	1.786.056.901.164	1.078.921.592.085
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(*)	(17.862.131.120)
	1.786.056.901.164	1.061.059.460.965
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	1.069.969.577	1.069.969.577
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	1.669	992

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Nhóm Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được trích lập vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính 2020 do Đại hội đồng Cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích vào quỹ này. Nếu Nhóm Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tổng Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.

20 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(a) Ngoại tệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 3.596 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 5.715,64 Đô la Mỹ).

(b) Tài sản thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu phải thanh toán trong tương lai theo của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang được trình bày tại Thuyết minh 30(a).

21 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2020 VND	2019 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 33)
Doanh thu thuần về bán điện	39.895.449.663.636	43.774.515.961.206
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ khác	471.758.359.356	392.898.005.523
	40.367.208.022.992	44.167.413.966.729

22 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2020 VND	2019 VND
Giá vốn sản xuất điện	35.182.763.886.881	38.786.701.642.969
Giá vốn của dịch vụ khác đã cung cấp	424.216.240.633	318.870.495.772
	35.606.980.127.514	39.105.572.138.741

23 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2020 VND	2019 VND
Lãi tiền gửi	262.139.625.737	291.133.586.586
Lợi nhuận từ trái phiếu	12.797.205.153	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	32.721.783.605	20.753.790.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	22.772.081.860	12.065.030.985
Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	-	21.877.961.479
	330.430.696.355	345.830.369.050

24 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2020 VND	2019 VND
Chi phí lãi vay	1.872.083.873.918	2.719.469.297.945
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	379.061.941.663	986.504.729.194
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	22.042.058.978	20.525.775.782
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá các khoản đầu tư và tổn thất đầu tư (Thuyết minh 4(b))	6.224.139.813	(14.001.695.060)
	2.279.412.014.372	3.712.498.107.861

25 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên	267.975.500.384	250.150.407.963
Chi phí dịch vụ mua ngoài	88.737.876.742	72.491.318.994
Chi phí khấu hao	41.719.503.249	33.056.437.756
Chi phí công cụ, dụng cụ	13.564.927.686	12.871.406.912
Chi phí thuế, phí và lệ phí	15.262.578.056	15.091.948.268
Chi phí khác	175.255.373.167	160.372.814.075
	602.515.759.284	544.034.333.968



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09 – DN/HN

26 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% thu nhập chịu thuế. Riêng đối với các dự án đầu tư mở rộng thuộc lĩnh vực, địa bàn ưu đãi thuế TNDN sẽ áp dụng ưu đãi theo các quy định về ưu đãi thuế TNDN theo Điều 15, Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013; Điều 18, Điều 19, Điều 20 và Điều 23 Thông tư số 78/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2014; và Điều 13, Thông tư số 96/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015; cụ thể như sau:

- Đối với dự án Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1, Nhóm Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2015 đến năm 2018) và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo (từ năm 2019 đến năm 2027); và
- Đối với dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2, Nhóm Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2015 đến năm 2018) và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo (từ năm 2019 đến năm 2027).

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Nhóm Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2020 VND	2019 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 33)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.292.338.372.565	1.238.952.360.938
Thuế tính ở thuế suất 20%	458.467.674.513	247.790.472.188
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(23.587.443.361)	(37.149.209.627)
Thu nhập do điều chỉnh hồi tố	184.775.958.410	-
Chi phí không được khấu trừ	8.977.851.207	11.939.177.228
Chi phí lãi vay được trừ của các năm trước (**)	(5.745.536.424)	-
Thuế được giảm	(145.942.155.687)	(18.303.218.505)
Dự phòng thiếu của năm trước	127.259.347	8.176.045.610
Lỗ tính thuế đã được sử dụng	-	(98.921.634.326)
Chi phí thuế TNDN (*)	477.073.608.005	113.531.632.568
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:		
Thuế TNDN - hiện hành	477.073.608.005	86.924.921.977
Chi phí thuế TNDN - hoãn lại (***)	-	26.606.710.591
	477.073.608.005	113.531.632.568

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

(**) Căn cứ theo Nghị định số 68/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2020 về sửa đổi, bổ sung Khoản 3, Điều 8, Nghị định số 20 (“Nghị định 68”), tổng chi phí lãi vay (sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) phát sinh trong năm được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN không vượt quá 30% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh và cộng chi phí lãi vay (sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) phát sinh, và cộng chi phí khấu hao phát sinh trong năm. Phần chi phí lãi vay không được trừ theo quy định được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của năm tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ.

Đối với chi phí thuế TNDN năm 2017, 2018, áp dụng Khoản 2, Điều 2 của Nghị định 68, Cục thuế Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã có thông báo bù trừ số tiền chênh lệch thuế TNDN xác định lại theo Nghị định 68.

Đối với chi phí thuế TNDN năm 2019, Nhóm Công ty thực hiện xác định lại số liệu quyết toán thuế TNDN năm 2019 theo Điều 1, Nghị định 68.

Theo đó, Nhóm Công ty đã điều chỉnh hồi tố số thuế TNDN tương ứng cho các năm 2017 đến 2019 như sau:

Năm tài chính	Số thuế TNDN kê khai trước đây VND	Số thuế TNDN kê khai lại VND	Chênh lệch VND
2017	123.812.012.657	34.949.034.820	88.862.977.837
2018	205.564.765.295	138.732.836.994	66.831.928.301
2019	238.033.796.162	66.934.866.491	171.098.929.671

(***) Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm chủ yếu đến từ các khoản sau:

	2020 VND	2019 VND
Các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	26.606.710.591

27 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty nhưng không bao gồm giá mua hàng hóa liên quan tới hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	28.026.417.037.304	31.366.168.612.738
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.638.169.141.181	4.759.642.992.439
Chi phí sửa chữa lớn	774.343.222.597	1.230.197.808.954
Chi phí nhân viên	987.988.246.656	875.880.210.324
Chi phí dịch vụ mua ngoài	597.710.168.395	489.711.001.631
Chi phí khác	1.185.091.430.126	928.158.763.466
	36.209.719.246.259	39.649.759.389.552

28 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (“BCLCTT”) HỢP NHẤT

Các giao dịch chủ yếu không bằng tiền ảnh hưởng đến BCLCTT hợp nhất như sau:

	2020 VND	2019 VND
Bù trừ gốc vay phải trả cho EVN và phải thu khách hàng ngắn hạn từ Công ty Mua bán điện	4.528.347.031.195	4.501.807.692.513
Bù trừ lãi vay, phí vay lại, thuế nhà thầu phải trả cho EVN và phải thu khách hàng ngắn hạn từ Công ty Mua bán điện	1.795.430.225.397	2.401.786.423.160
Bù trừ khoản phải thu khách hàng ngắn hạn từ Công ty Mua bán điện với khoản phải trả nhà cung cấp ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác từ EVN	125.593.958.918	93.910.159.399
Cổ tức được chia phải thu	17.500.000.000	56.228.790.000
Cổ tức đã thông báo nhưng chưa trả	7.205.964.234	6.767.019.384
Xây dựng cơ bản dở dang chuyển sang từ chi phí trả trước	-	326.266.187.207
Xây dựng cơ bản dở dang chuyển từ hàng tồn kho	-	(127.916.182.505)
Mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán	331.877.172.226	161.574.232.568
Điều chuyển tài sản chưa thu tiền	-	25.029.396.590
	6.474.077.179.744	7.445.453.718.316

29 THUYẾT MINH CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tổng Công ty là một công ty cổ phần. Chi tiết vốn góp của các cổ đông được nêu trong Thuyết minh 17(b). Trong năm, Nhóm Công ty có các giao dịch và số dư với các bên liên quan sau:

Công ty mẹ
EVN

Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A

Bên liên quan khác
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Công ty Mua bán điện
Công ty Nhiệt điện Duyên Hải
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc (Công ty Điện lực Quảng Ninh)
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Bắc
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin - Chi nhánh Tập đoàn điện lực Việt Nam
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH - Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
Công ty Nhiệt điện Nghi Sơn - Chi nhánh Tổng Công ty Phát Điện 1
Công ty Truyền tải điện 2
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 - Chi nhánh Tập đoàn điện lực Việt Nam (“Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4”)
Công ty Nhiệt điện Thái Bình
Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng và Công nghệ EVN

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch chủ yếu được thực hiện với các bên liên quan như sau:

	2020 VND	2019 VND
i) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty Mua bán điện	39.895.315.312.816	43.723.795.451.967
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4	297.764.455.928	225.808.479.004
Công ty Nhiệt điện Thái Bình	87.213.943.169	86.704.409.025
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	756.575.326	3.760.659.945
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	518.181.818	-
Khác	14.666.865.206	22.044.469.000
	40.296.235.334.263	44.062.113.468.941
ii) Mua hàng hóa và dịch vụ		
EVN	106.632.342.632	98.734.869.011
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc (Công ty Điện lực Quảng Ninh)	8.846.018.803	5.197.917.718
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	6.212.541.289	18.981.382.783
Chi nhánh Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam TNHH - Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam	4.892.050.387	5.524.502.948
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	1.807.915.149	1.736.045.461
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	1.487.115.395	3.758.733.427
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Bắc	541.052.000	2.191.376.629
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin - Chi nhánh Tập đoàn điện lực Việt Nam	472.827.626	2.960.863.957
Khác	8.194.003.031	-
	139.085.866.312	139.085.691.934
iii) Điều chuyển tài sản		
Công ty Truyền tải điện 2	-	9.937.685.000
vi) Hoạt động tài chính		
Cổ tức được chia		
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	17.804.800.000	-
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	13.500.000.000	12.500.000.000
Khác	1.416.983.605	8.028.790.000
	32.721.783.605	20.528.790.000
Bù trừ nợ gốc vay với khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng		
EVN	4.528.347.031.195	4.501.807.692.513
Bù trừ lãi vay với khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng		
EVN	1.795.430.225.397	2.401.786.423.160
Chi phí lãi vay		
EVN	1.540.691.524.513	2.318.396.952.144
Thanh toán gốc vay		
EVN	49.940.726.482	49.003.635.042
Thanh toán lãi vay		
EVN	9.429.402.229	10.428.966.434
v) Hoạt động khác		
Bù trừ khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng với khoản phải trả ngắn hạn khác và khoản phải trả nhà cung cấp		
EVN	125.593.958.918	93.910.159.399
vi) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác		
Hội đồng Quản trị	1.295.700.000	1.101.210.000
Ban Tổng Giám đốc	2.899.644.000	3.322.134.000
Cán bộ cấp quản lý khác	931.050.000	735.312.000
	5.126.394.000	5.158.656.000

29 THUYẾT MINH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	31.12.2020 VND	31.12.2019 VND
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)		
Công ty Mua bán điện	8.817.357.846.739	8.745.991.284.827
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	527.162.364	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	466.364.000	-
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4	152.452.505.514	120.260.587.334
Công ty Nhiệt điện Thái Bình	55.839.091.635	61.789.068.119
Công ty Nhiệt điện Nghi Sơn - Chi nhánh Tổng Công ty Phát Điện 1	1.665.447.145	-
Khác	16.592.761.404	21.714.965.484
	9.044.901.178.801	8.949.755.905.764
ii) Trả trước cho nhà cung cấp		
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	225.060.000	529.517.326
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	643.272.655	-
Khác	1.096.743.841	-
	1.965.076.496	529.517.326
iii) Các khoản phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 6)		
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4	318.677.897.271	211.554.444.964
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 và Vĩnh Tân 4 Mở Rộng	66.557.084.850	171.636.851.711
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A	15.000.000.000	43.200.000.000
Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng và Công nghệ EVN	67.966.368.944	67.966.368.944
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	2.216.666.667	-
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	3.538.733.360	5.000.000.000
EVN	15.256.171.287	15.772.071.287
Ban Quản lý Dự án Nhiệt Điện Thái Bình	-	9.705.597.521
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc (Công ty Điện lực Quảng Ninh)	-	25.029.396.590
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	-	8.364.950.000
Khác	4.238.845.360	3.858.441.439
	493.451.767.739	562.088.122.456
iv) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 11)		
EVN	1.200.705.393	1.069.801.058
Công ty Truyền tải điện 2	-	10.931.453.500
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	4.051.004.884	2.296.079.019
Chi nhánh Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam TNHH - Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam	2.208.950.828	2.273.922.104
Khác	9.224.289.360	5.758.969.060
	16.684.950.465	22.330.224.741
v) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 15)		
EVN	514.333.994.661	872.430.867.697
Công ty Nhiệt điện Thái Bình	-	39.938.208.116
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4	-	84.211.612.094
Khác	5.202.099.473	6.767.019.384
	519.536.094.134	1.003.347.707.291
vi) Vay ngắn hạn (Thuyết minh 16(a))		
EVN	4.571.407.208.492	4.581.039.230.548
vii) Vay dài hạn (Thuyết minh 16(b))		
EVN	43.426.743.883.303	47.688.868.047.893

30 CÁC CAM KẾT

(a) Cam kết thuê hoạt động

Nhóm Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	31.12.2020 VND	31.12.2019 VND
Dưới 1 năm	27.387.785.310	22.318.127.773
Từ 1 đến 5 năm	89.557.433.760	84.203.488.994
Trên 5 năm	553.717.735.510	434.889.315.130
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	670.662.954.580	541.410.931.897

(b) Cam kết đầu tư

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, kế hoạch đầu tư xây dựng đã được phê duyệt của Nhóm Công ty như sau:

	31.12.2020 VND	31.12.2019 VND
Nhà máy điện và các công trình khác	769.844.000.000	382.524.000.000

31 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng. Rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về lĩnh vực kinh doanh mà Nhóm công ty cung cấp hoặc do khu vực địa lý mà Nhóm Công ty hoạt động. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là các lĩnh vực kinh doanh khác của Nhóm Công ty không có ảnh hưởng đáng kể theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

32 NỢ TIỀM TANG

Theo Thông tư 200, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Nhóm Công ty phải lập dự phòng cho các khoản chi phí khôi phục phát sinh khi hoàn trả mặt bằng và đất thuê theo quy định và chính sách áp dụng đối với ngành nghề sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty. Theo đó, Nhóm Công ty có nghĩa vụ thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn thuê hoặc thời hạn kết thúc dự án. Tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty chưa ghi nhận khoản dự phòng này do chưa đủ thông tin cần thiết để lập dự phòng hoàn nguyên môi trường đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 Mẫu số B 09 – DN/HN

33 TRÌNH BÀY LẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM TRƯỚC

Các số liệu so sánh bao gồm sự điều chỉnh liên quan đến:

- chi phí thuế TNDN và thuế TNDN phải trả được xác định lại theo quy định của Nghị định 68. Theo đó, Nhóm Công ty đã xác định lại số quyết toán thuế TNDN và áp dụng điều chỉnh hồi tố số thuế TNDN tương ứng cho các năm 2017 đến 2019 với tổng giá trị điều chỉnh là 335 tỷ Đồng (Thuyết minh 26);
- doanh thu về chi phí tro xỉ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2019 theo Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 08 Hợp đồng mua bán điện của Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 với giá trị điều chỉnh lần lượt là 79,7 tỷ Đồng và 50,2 tỷ Đồng;
- khoản chênh lệch tỷ giá được thu hồi qua doanh thu bán điện cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định số 2682/QĐ-BCT ngày 15 tháng 10 năm 2020, Quyết định số 3594/QĐ-BCT và 3599/QĐ-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Công Thương với tổng giá trị điều chỉnh là 793,9 tỷ Đồng; và
- các bút toán xử lý tài chính theo hồ sơ quyết toán cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty phát điện 3 bao gồm điều chỉnh giảm quỹ khen thưởng phúc lợi và điều chỉnh tăng khoản phải trả khác với giá trị điều chỉnh lần lượt là 0,008 tỷ Đồng và 132,6 tỷ Đồng.

Ảnh hưởng việc trình bày lại trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019				
Mã số	TÀI SẢN	Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh lại VND	Số liệu trình bày lại VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN	19.160.580.084.849	1.046.672.770.991	20.207.252.855.840
130	Các khoản phải thu ngắn hạn	8.937.780.141.979	923.879.792.057	9.861.659.934.036
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	8.031.263.223.803	923.879.792.057	8.955.143.015.860
150	Tài sản ngắn hạn khác	73.414.421.328	122.792.978.934	196.207.400.262
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	2.515.280.984	122.792.978.934	125.308.259.918
270	TỔNG TÀI SẢN	74.979.050.273.820	1.046.672.770.991	76.025.723.044.811
	NGUỒN VỐN			
300	NỢ PHẢI TRẢ	62.913.740.240.040	(80.359.070.114)	62.833.381.169.926
310	Nợ ngắn hạn	11.728.457.210.048	(80.359.070.114)	11.648.098.139.934
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	367.773.630.563	(212.909.771.128)	154.863.859.435
319	Phải trả ngắn hạn khác	1.081.711.584.031	132.559.108.664	1.214.270.692.695
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	184.811.259.193	(8.407.650)	184.802.851.543
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU	12.065.310.033.780	1.127.031.841.105	13.192.341.874.885
410	Vốn chủ sở hữu	12.065.310.033.780	1.127.031.841.105	13.192.341.874.885
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	789.411.067.537	1.127.031.841.105	1.916.442.908.642
421a	- (Lỗ lũy kế)/LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước	(68.180.500.192)	905.701.816.749	837.521.316.557
421b	- LNST chưa phân phối năm nay	857.591.567.729	221.330.024.356	1.078.921.592.085
440	TỔNG NGUỒN VỐN	74.979.050.273.820	1.046.672.770.991	76.025.723.044.811

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019				
Mã số	Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh lại VND	Số liệu trình bày lại VND	
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	44.117.182.872.044	50.231.094.685	44.167.413.966.729
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.011.610.733.303	50.231.094.685	5.061.841.827.988
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.215.516.907.129	50.231.094.685	1.265.748.001.814
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.188.721.266.253	50.231.094.685	1.238.952.360.938
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(258.023.851.648)	171.098.929.671	(86.924.921.977)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	904.090.704.014	221.330.024.356	1.125.420.728.370
	Phân bổ cho:			
61	Cổ đông của công ty mẹ	857.591.567.729	221.330.024.356	1.078.921.592.085
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	802	190	992
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	802	190	992

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019				
Mã số	Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh lại VND	Số liệu trình bày lại VND	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.188.721.266.253	50.231.094.685	1.238.952.360.938
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	9.265.252.746.348	50.231.094.685	9.315.483.841.033
09	Tăng các khoản phải thu	(6.577.589.932.381)	(50.231.094.685)	(6.627.821.027.066)

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Tổng Giám đốc duyệt ngày 30 tháng 3 năm 2021.

KT Tổng Giám đốc

Trần Nguyễn Khánh Linh
Người lập

Vũ Phương Thảo
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2021



EVNGENCO 3

TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 - CTCP

- 📍 | Số 60-66 Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala,
Phường An Lợi Đông, TP.Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam
- ☎ | (+84) 28 3636 7449
- ✉ | genco3@genco3.evn.vn
- 🌐 | www.genco3.com